

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

15 - 7 - 2022 Phật lịch 2566

TẠP CHÍ

SỐ 393

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

VÙNG CHÁI TINH TẤN

VÙNG CHÁI TÌNH TẤN TRÊN CON ĐƯỜNG
TƯ ĐẠO, CHỨNG ĐẠO VÀ HÀNH ĐẠO

VÙNG CHÁI TÌNH TẤN TỪ GÓC NHÌN
CỦA NHÀ VĂN TẠNH PHÁP (SOUL)





1. Tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh.
2. Tinh tấn dứt trừ những điều ác đã phát sinh.
3. Tinh tấn phát triển những điều lành chưa phát sinh.
4. Tinh tấn tiếp tục phát triển những điều lành đã phát sinh.

(TỨ CHÁNH CẦN)

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

CHỦ ĐỀ: VỮNG CHẢI TINH TẤN

- 6 Vững chãi tinh tấn trên con đường tu đạo, chứng đạo và hành đạo (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 12 Lời Phật dạy về Chánh tinh tấn trong Kinh Bồ Đề Vương Tử (Tịnh Đạo)
- 20 Vững chãi tinh tấn - đức tính cần có ở người con Phật (Hải Thuần Bảo Hải)
- 24 Vững chãi tinh tấn từ góc nhìn của nhà văn Tánh Pháp (Soul) (BBT)
- 32 Đời sống phạm hạnh của Sa-môn (Mặc Nhiên)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 40 Nguồn lực của Phật giáo Việt Nam đối với đời sống xã hội và phát triển đất nước - nhận định và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý nhà nước (ThS. Nguyễn Phúc Nguyên)
- 48 Các tuyến du nhập Phật giáo vào nước ta thời đầu Công nguyên (Hưng Trung)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

- 56 Dấu ấn Phật giáo trong "Tư Dung văn" của Đào Duy Từ - nhìn từ phương diện ngôn ngữ (ThS. Phạm Tuấn Vũ)
- 62 Nguồn gốc và giá trị của tác phẩm "Quan Âm Diệu Thiện" (Dương Thụy)
- 68 Lưu giữ văn hóa tâm linh với nghệ thuật gốm thủ công Nam Bộ (Quốc An)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 76 Ngàn năm mây bạc vẫn thông dong (Tỳ kheo Thích Từ Thông)
- 82 Hộ trì chánh pháp - việc làm thiết thực của người con Phật trong mọi thời đại (Thông Bảo)
- 88 Tìm hiểu về Duyên khởi trong Kinh tạng Nikaya (TKN. Nhuận Thức)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Huỳnh Trần
Thiết kế: Phương Nam

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



HỘI NGHỊ
BAN THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GHPGVN

BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ TỔ CHỨC HỘI THẢO
"GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 40 NĂM ĐỒNG
HÀNH CÙNG
DÂN TỘC"



HỘI THẢO NGHI LỄ PHẬT GIÁO TOÀN QUỐC NĂM 2022 TỔ CHỨC TẠI HẢI PHÒNG



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TP. HÀ NỘI
LẦN THỨ IX, NHIỆM KỲ 2022-2027

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TP. ĐÀ NẴNG
LẦN THỨ VI, NHIỆM KỲ 2022-2027



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO BÌNH ĐỊNH
LẦN THỨ VII, NHIỆM KỲ 2022-2027

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TIỀN GIANG
LẦN THỨ X, NHIỆM KỲ 2022-2027



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO CAO BẰNG LẦN THỨ IV, NHIỆM KỲ 2022-2027



HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI

THƯ TỎA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Trong bảy thiện pháp giúp những người con Phật không theo pháp bất thiện, không bị ô nhiễm bởi phiền não, tinh tấn là yếu tố tối quan trọng. Theo thiền sư Thích Nhất Hạnh, tinh tấn không phải là một danh từ trừu tượng, mà là sự thực tập rất thiết thực. Ta thực tập chung với cha mẹ, con cái và xã hội ta. Thực tập tưới tẩm cho nhau những hạt giống tốt sẽ giúp ta vượt qua chướng nạn và các phiền não.

Tâm thức mỗi người luôn tồn tại cả hạt giống thiện và hạt giống ác. Vì vậy, để gieo được những mầm thiện vào đời, ta cần có đủ thì giờ và năng lực để trở về với tự thân, thực tập tưới tẩm những hạt giống của niềm vui, an lạc, tình thương, lòng tha thứ và bao dung trong ta mỗi ngày. Làm cho những hạt giống tốt, thánh thiện trong mỗi người được phát triển liên tục, đó đích thực là sự thực tập tinh tấn.

Kinh *Tương Ưng V*, Đức Phật từng dạy: “*Như sông Hằng chảy xuôi về phương Đông, Tứ chánh cần được tu tập sung mãn xuôi về Niết bàn*”. Hay: “*Để thắng tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử, Tứ chánh cần cần phải được tu tập*”. Và Ngài kết luận: “*Như làm việc cần phải có sức lực, như đi phải có hai chân, hành giả trên đường về giải thoát luôn luôn tu tập Tứ chánh cần để hoàn bị thiện pháp*”.

Muốn thực tập tinh tấn thành công, ta cần tạo ra môi trường sống tốt lành, trong đó, mọi người sống đúng theo tinh thần Ngũ giới, an trú vững chãi trong chánh niệm, không để những yếu tố độc hại của xã hội xâm chiếm, trấn ngự và làm ô nhiễm ta. Bởi cuộc sống là sống cùng nhau chứ không phải sống một mình. Không một cá thể nào tách rời đoàn thể mà có thể tồn tại được.

Để cùng bàn luận sâu hơn về vấn đề này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến độc giả số 393 với chủ đề “*Vững chãi tinh tấn*”. Qua đó vững tâm hơn trên con đường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện.

Ban biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





VỮNG CHÃI TINH TẮP

VỮNG CHÃI TINH TẤN

VỮNG CHÃI TINH TẤN TRÊN CON ĐƯỜNG



TU ĐẠO, CHỨNG ĐẠO VÀ HÀNH ĐẠO



TT. Thích Phước Đạt*

Trong tiến trình thực hiện con đường giải thoát giác ngộ, tinh tấn có mặt trong mọi pháp tu đối với người học Phật. Chánh tinh tấn trong Bát chánh đạo, tinh tấn giác chi trong thất giác chi, tấn căn trong ngũ căn, tấn lực trong ngũ lực, hay bốn sự tinh tấn nỗ lực để đẩy lùi các bất thiện pháp, duy trì và phát triển các thiện pháp trong tứ chánh cần. Như vậy, tinh tấn là đứng đầu trong các pháp tu, phẩm hạnh có mặt trong quá trình tu tập tâm và thân trong lộ trình hướng đến giải thoát. Tinh tấn cũng là cơ sở lý luận và thực tiễn để thành tựu quá trình tu đạo, chứng đạo và hành đạo mà bất cứ người con Phật hiện hữu trên cõi đời này đều khát ngưỡng thực thi để hoàn thiện. Quan trọng hơn, nhờ có tinh tấn mà thành tựu công đức đóng góp cho đời và đạo.

CHÁNH TINH TẤN LÀ MỘT CƠ SỞ ĐỂ LOẠI BỎ CÁC PHÁP BẤT THIỆN

Có thể nói, sự tinh tấn không phóng dật, không lười biếng đưa đến nhiệt tâm tinh cần để hành giả thực thi loại bỏ các pháp bất thiện, chú tâm nỗ lực hành trì các pháp thiện. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, mỗi khi hành giả tinh tấn thực hành chánh pháp thì lúc đó toàn tâm và thân có sự tác động mạnh mẽ vào sự hưng khởi các pháp thiện chưa sinh làm cho chúng phát sinh. Các pháp thiện đã sinh thì làm chúng phát triển đến sự viên mãn; các pháp bất thiện chưa sinh khởi không có khả năng bộc phát, các pháp bất thiện đã sinh khởi có khả năng viễn ly, đi đến đoạn trừ.

Cơ sở để tinh tấn phát sinh và đi đến thành tựu viên mãn là như lý tác ý trên sự đồng mãn hành trì giới, tinh cần về giới, phòng hộ các căn, không cho các căn nhiễm ô bụi trần. Chính Đức Phật từng khuyến cáo các hành giả sống an trú trong sự tỉnh thức và học hỏi hành trì pháp tinh tấn như sau: “*Vì Tỳ kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh tinh tấn, không giải đãi. Nếu Tỳ kheo vô sự sống nơi vô sự mà lại thường không tinh tấn sẽ bị các Tỳ khác chỉ trích và cật vấn “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự không tinh tấn, mà trái lại còn giải đãi”.* Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, cũng sẽ bị

các Tỳ kheo khác quở trách, cật vấn. Do đó, các Tỳ kheo vô sự sống ở nơi vô sự phải học tinh tấn, hành tinh tấn không giải đãi” (Kinh Cù Ni Sư).

Rõ ràng, khi một hành giả bước vào đời sống thực tập tâm linh, điều kiện cần và đủ để đi đến sự thắng chứng là tinh tấn. Tinh tấn là cơ sở để thực thi đời sống Giới - Định - Tuệ, biểu hiện qua nếp sống phạm hạnh, đi đến giải thoát:

*“Kính trọng không cười cợt,
Không phiếm luận, kiêu ngạo,
Giữ căn, ăn biết đủ,
Biết thời, ngồi đúng chỗ,
Thảo luận Luật, Tỳ đàm
Và tịch tịnh, giải thoát,
Lậu tận thông, cũng vậy”.*

Chính sự vững

chãi tinh tấn tu đạo, chứng đạo và hành đạo của các thiện sư, Phật tử Việt Nam là kết quả sản sinh ra những gương mặt đại biểu Phật giáo Việt Nam tiêu biểu vào thời Lý - Trần, chính là những vị vua lãnh đạo đất nước.

Chính *tinh tấn* được vận hành liên tục dẫn đến sự hưng khởi, hỷ lạc về tâm và thân. Ở đây, hành giả có sự tùy hỷ pháp khởi lên. Điều đó có nghĩa tinh tấn đang có mặt và dẫn tâm, hướng tâm bước ra khỏi trạng thái tâm lý tham lam, sân hận, si mê. Từ đó, tâm không còn ước muốn các dục, an trú trên các pháp đã, đang hành trì. Thực tiễn cho thấy, một hành giả thực thi các pháp thiện, công đức ở đời thì trước, trong và sau khi làm đều sinh tâm hoan hỷ.

VỮNG CHÃI TINH TẤN LÀ CƠ SỞ TU TẬP CHO CÁC PHÁP MÔN CỦA PHẬT GIÁO

Tinh tấn tu tập các pháp thiện thực chất là tu tập Giới - Định - Tuệ, bước đầu khởi tâm hoan hỷ tinh tấn nghiêm trì các giới hạnh, các căn không bị nhiễm ô, dừng chỉ các vọng tưởng tức là chỉ, an trú trong Định, từ đó thấy như thật các pháp nhờ trí tuệ bùng khởi. Nói một cách khác, tiến trình đó được Đức Phật đúc kết trong kinh *Hà Nghĩ* thuộc *Trung A Hàm* như sau: “*Này, A Nan, giữ giới lợi ích không hối hận, do nhân không hối hận mà được hoan duyệt, nhân hoan duyệt mà được hoan hỷ, nhân hoan hỷ mà được chỉ, nhân chỉ mà được lạc, nhân lạc mà được được định, nhân định mà thấy như thật, biết như thật mà có nhàm chán, nhân nhàm chán mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như*

VỮNG CHẢI TINH TẤN

Các Tổ sư, thiền sư, Tăng Ni Phật tử Việt Nam ngay từ buổi đầu Phật giáo du nhập nước ta đã vững chải tinh tấn truyền bá Chánh pháp, xây dựng đạo Phật Việt Nam trên nền tảng thực thi đạo lý nếp sống văn hóa tín ngưỡng người Việt, hòa nhập với giá trị triết lý Phật đà từ các nhà sư Ấn Độ.



thật rằng ‘sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn tái sinh nữa’.

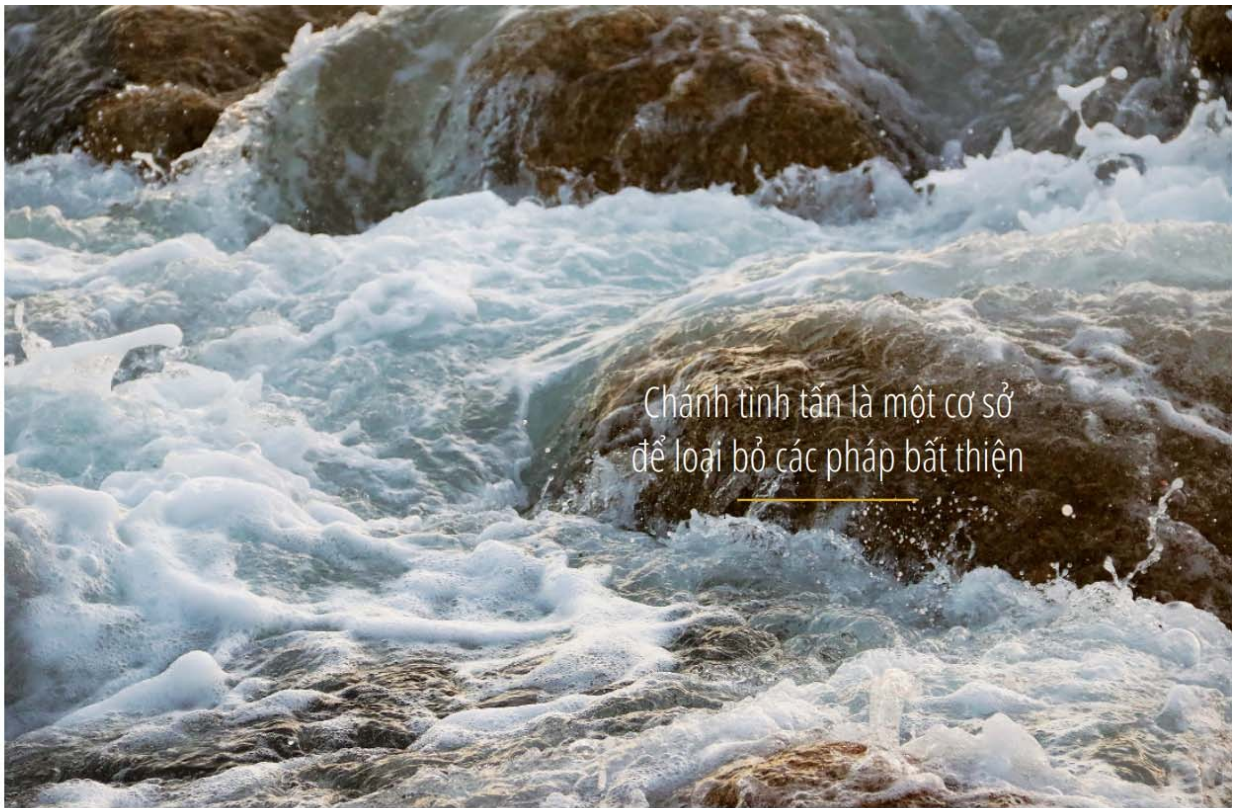
Sự nỗ lực tinh tấn trong tiến trình tu tập giải thoát chính là sự vững chải tinh tấn vận hành cả thân tâm đối với nội pháp và ngoại pháp mà không rời khỏi sự tác ý viễn ly, ly tham, từ bỏ, đoạn diệt tham ái để chứng đạt Diệt đế. Trọng tâm của vấn đề giải thoát là đoạn tận khát ái. Mỗi khi khát ái được đoạn tận thì sự chấp thủ không còn, vô minh diệt và minh khởi. Tại đây, ta có thể nói sự vững chải tinh tấn là cơ sở tu tập cho bất kỳ pháp môn tu tập nào trong hệ thống giáo lý Phật giáo. Xem ra, bản chất của con đường tu tập giải thoát của Phật giáo là con đường Đạo đế, còn gọi là con đường Thiên định. Bản kinh *Tương Ưng V* cũng đề cập như sau: “Ở đây, đối với hành giả tu tập Niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, ly tham, đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, vô lượng, không sân, khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận”.

VỮNG CHẢI TINH TẤN TRONG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Các Tổ sư, thiền sư, Tăng Ni Phật tử Việt Nam ngay từ buổi đầu Phật giáo du nhập nước ta đã vững chải tinh tấn truyền bá Chánh pháp, xây dựng đạo Phật Việt Nam trên nền tảng thực thi đạo lý nếp sống văn hóa tín ngưỡng người Việt, hòa nhập với giá trị triết lý Phật đà từ các nhà sư Ấn Độ. Chính sự nhiệt

tâm tinh cần tu đạo, chứng đạo và hành đạo của các thiền sư và Phật tử Việt Nam đã gắn bó và hoà nhập với cội rễ văn hóa dân tộc trong suốt tiến trình lịch sử của đất nước mà hình thành nên sức mạnh nội tại chống lại sự đồng hóa xâm lược của phong kiến phương Bắc trong suốt 1.000 năm.

Không phải ngẫu nhiên vào thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, thiền sư Mâu Tử tu hành và thành danh tại Trung tâm Luy Lâu (Giao Châu) đã dành cả cuộc đời xiển dương đạo Phật ở nước ta để chống lại những thành kiến sai lầm, bài xích Phật giáo. Và cũng không ai khác, chính Mâu Tử đã bác bỏ tư tưởng Đại Hán thông qua tác phẩm *Lý hoặc luận* mà Ngài đã viết. Để rồi gần 1.000 năm sau, Lý Công Uẩn - vị vua đầu tiên triều Lý - xuất thân và được đào tạo từ trong ngôi chùa do thiền sư Vạn Hạnh nuôi dưỡng đã tuyên bố trong *Chiếu dời đô* (năm 1010), khẳng định quyền độc lập tự chủ của quốc gia Đại Việt trên mọi phương diện từ kinh tế, chính trị văn hóa, giáo dục kể cả tín ngưỡng tâm linh và sự phát triển của đất nước Đại Việt trong kỷ nguyên mới, thời đại mới: “Huống chi thành Đại La, kinh đô cũ của Cao vương, ở vào nơi trung tâm trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó



Chánh tình tâm là một cơ sở
để loại bỏ các pháp bất thiện

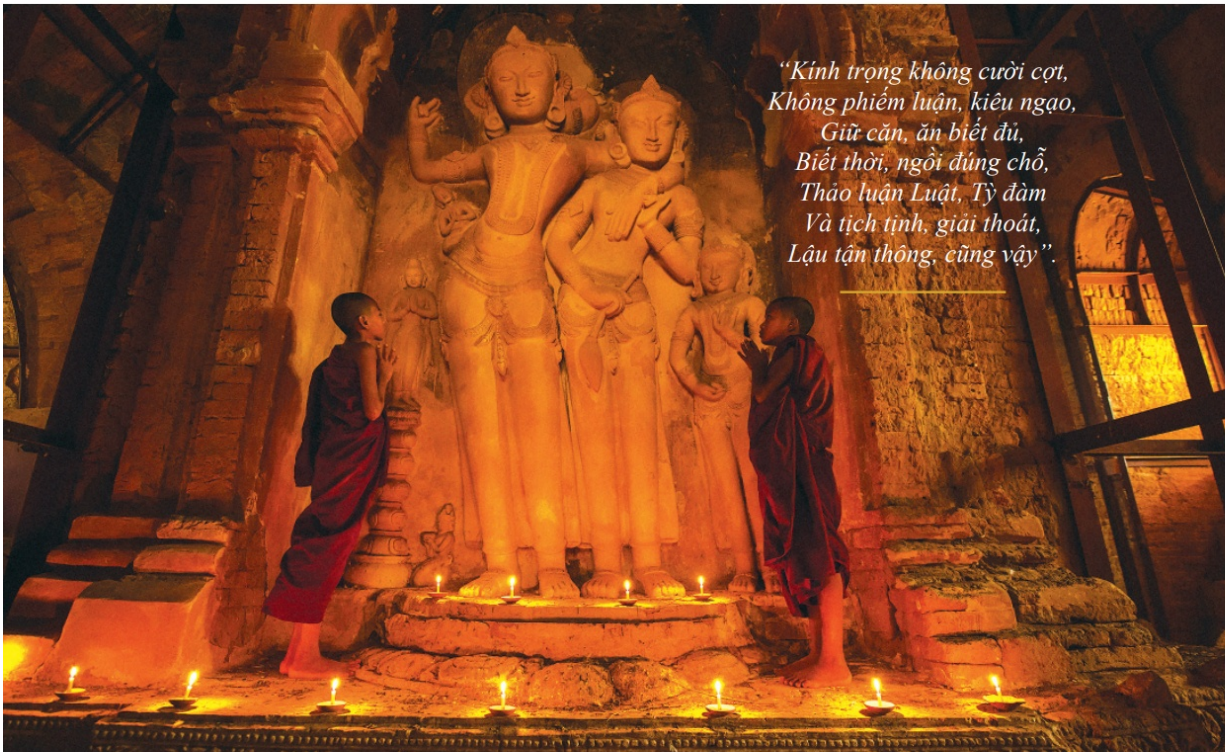
là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?”[1].

Trong sự thành tựu đó, giới Phật giáo Việt Nam, sau thời Mậu Tử còn có thiền sư Khương Tăng Hội đã tinh tấn vững chãi khai mạch đạo thiền Việt Nam vào thế kỷ III, rồi thiền sư Đạo Cao và Pháp Minh một lần nữa giải đáp những thắc mắc cho thứ sử Lý Miểu đại diện giới cầm quyền ở nước ta về việc đạo Phật không thể hiện được sự tác dụng trong đời do người học Phật không thấy được chân hình của Phật qua tác phẩm *Sáu bức thư* với nhan đề là: *Cao Minh nhị pháp sư đáp Lý Giao Châu Miểu nạn Phật bất kiến hình sự*, (nói về việc hai vị pháp sư Đạo Cao và Pháp Minh trả lời những câu hỏi của một vị quan ở Giao Châu về việc không thấy được chân hình của Phật vào thế kỷ V). Sự ra đời của dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi vào thế kỷ VI, Vô Ngôn Thông vào thế kỷ IX, Thảo Đường vào thế kỷ XI cũng minh chứng cho sự vững chãi tinh tấn của các thiền sư Việt Nam trong sự “truyền đăng tục diệm”, phát triển đạo Thiền Việt Nam trong vận hội cùng dân tộc xây dựng Quốc gia Đại Việt hưng thịnh, đạo pháp trường tồn.

Chính sự vững chãi tinh tấn tu đạo, chứng đạo và hành đạo của các thiền sư, Phật tử Việt Nam là kết quả sản sinh ra những gương mặt đại biểu Phật giáo

Việt Nam tiêu biểu vào thời Lý - Trần, chính là những vị vua lãnh đạo đất nước. Trong vai trò lãnh đạo quốc gia các vị vua đời Lý như: Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tông...; các vị vua đời Trần như: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông là những thiền gia, thiền sư đặc đạo, đã dùng chánh pháp để an dân, với khát vọng xây dựng quốc gia Đại Việt trở thành Phật quốc, sánh vai các cường quốc bấy giờ. Kết quả một tổ chức Giáo hội Nhất tông đời Trần ra đời. Có thể nói, lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo nước nhà có tổ chức Giáo hội thống nhất từ trong tư tưởng, ý chí, phương thức tu hành và hành đạo tùy duyên nhập thế đã làm nên kỳ tích lịch sử. Trong dòng chảy lịch sử dân tộc, Phật giáo Việt Nam lần đầu tiên minh chứng có đạo thiền Việt Nam mang tên thiền Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông tu đạo, chứng đạo sáng lập và trở thành vị Phật Việt Nam với tuệ giác thẳng chứng soi sáng dẫn đường cho dân chúng Việt sống an vui và hạnh phúc ngay giữa cõi đời.

Sự vững chãi tinh tấn đó được truyền thừa tiếp nối truyền thống Phật giáo Lý - Trần cho các thiền sư, Phật tử Việt Nam thể nhập vào dòng Lâm Tế, Tào Động vào thời Hậu Lê - Nguyễn mà hoàng dương Phật pháp, đồng hành cùng dân tộc mở đất phương Nam lập nghiệp, kiến tạo nên quốc gia thống nhất, hội tụ tinh thần đoàn kết toàn bộ các thành phần xã hội. Chính sức mạnh nội tại từ lòng yêu nước chính là yêu đạo, yêu đạo là yêu nước để nhân dân Việt



Nam làm nên kỳ tích có một không hai trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, chiến thắng cả hai cường quốc là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Sau ngày đất nước thống nhất vào năm 1975, chính các thiền sư, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam đã nhiệt tâm tinh cần vận động thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981. Sự thành tựu này là sự minh chứng lớn nhất của sự tinh thần vững chải tinh tấn Phật giáo Việt qua các thời kỳ lịch sử dân tộc. Đến nay, Giáo hội với tinh thần thông điệp: *“Trí tuệ - Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết - Phát triển”* đã đồng hành cùng dân tộc trong tiến trình hội nhập và phát triển đất nước, hướng đến mục tiêu *“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*.

Và như thế, vai trò và vị thế Phật giáo Việt Nam trong thời đại ngày nay càng thể hiện rõ hơn bao giờ hết. Hình ảnh chư Tăng Ni, Phật tử tích cực tham gia tu đạo, sống đạo và hành đạo trên nhiều phương diện văn hóa, giáo dục, hoằng pháp, từ thiện, an sinh xã hội... mà Đại hội Phật giáo các tỉnh/thành nhiệm kỳ gần đây tổ chức như tại: TP. Hồ Chí Minh, Hà

Nội, Tiền Giang, Đà Nẵng, Quảng Trị, Bình Định, Hà Nam... với những thành tích và con số biết nói đã minh chứng cho sự vững chải tinh tấn của Phật giáo nước nhà là quy luật tất yếu của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Hơn hết và trên hết là sự vững chải tinh tấn của thế hệ Tăng Ni trẻ sẵn sàng kế thừa trách nhiệm gách vác công tác điều hành Phật sự và hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sanh mà các Tổ sư, thiền sư, tiền bối đã tin tưởng truyền trao, phó thác sứ mệnh thiêng liêng này trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước. Điều này càng khẳng định Phật giáo Việt Nam xứng đáng là thực thể trung tâm kết nối khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình xây dựng và phát triển đạo pháp trường tồn, đất nước Việt Nam phồn vinh.

Chú thích:

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), Đại Việt sử ký toàn thư (tập 1), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.241.



HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



VỮNG CHẢI TINH TẤN

LỜI PHẬT DẠY VỀ CHÁNH TINH TẤN



TRONG KINH "BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ"



Tịnh Đạo

DẪN NHẬP

Trong đời sống con người, bất kỳ một công việc, kế hoạch nào cũng cần phải có sự siêng năng. Siêng năng, cần cù là yếu tố tối cần thiết để thành công trọn vẹn. Đối với Phật giáo, việc siêng năng, cần cù còn phải kèm theo ý nghĩa chánh đáng, tức siêng năng cần, cù trong những việc đem lại lợi ích thật sự hiện tiền và quả vị an lạc giải thoát. Siêng năng trong Phật giáo là hướng đến mục đích tối thượng, chứ không đơn thuần là những thành công về danh lợi thường tình như số đông con người hướng đến.

Đối với vai trò của tinh tấn trong giải thoát, ở kinh *Đại Bát Niết bàn*, Đức Phật đã để lại lời di huấn rằng:

“Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ phóng dật”

[1]. Chánh tinh tấn là một thành phần trong Bát chánh đạo - con đường thành tựu giác ngộ giải thoát. Đức Phật còn nhấn mạnh tầm quan trọng của Chánh tinh tấn trong rất nhiều bài kinh thuộc hệ kinh tạng Nikāya. Người viết chọn bài kinh *Bồ đề Vương Tử* (*Trung Bộ II.85*) để phân tích về sự tinh tấn cũng như các vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, đối chiếu so sánh với một vài bài kinh để làm rõ ý nghĩa cùng sự vận dụng của tinh cần trong đời sống tu tập hằng ngày.

GIỚI THIỆU BÀI KINH

Kinh *Bồ đề Vương Tử* là bài kinh số 85 thuộc *kinh Trung Bộ II*, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu. Nhân duyên Phật nói kinh này là vương tử Bồ-đề thành Phật đến nhà thọ trai. Sau buổi ấy, Phật đã trả lời câu hỏi của vương tử và giảng dạy về một số vấn đề.

Vấn đề thứ nhất, Đức Phật bác bỏ quan niệm của vương tử Bồ-đề cho rằng: *“Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ”* [2]. Đây cũng là quan điểm của các Ni-kiền-tử về Nghiệp và sự tu tập, đã bị Phật bác bỏ và phân tích rất kỹ càng trong bài kinh *Devadaha* (*Trung Bộ II. 101*). Đối với bản kinh mà bài viết đề cập, Đức Phật chỉ dạy cho vương tử bằng cách nhắc lại những kinh nghiệm tu học của mình. Đức Phật là người đã từng

thực hành khổ hạnh đến cùng cực, Ngài nhận ra đây không phải là con đường đưa đến giác ngộ nên đã từ bỏ và chọn con đường Trung đạo. Phật cũng nêu lên việc Ngài đã dạy giáo lý Trung đạo cho năm người bạn đồng tu khổ hạnh, họ đã được giải thoát và trở thành Thánh đệ tử của Ngài. Vương tử Bồ-đề sau đó hỏi Đức Phật về việc sau bao lâu thì *“một vị Tỷ kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được mục đích tối cao... .. và an trú”* [3]. Đức Phật trả lời câu hỏi trên, cũng chính là vấn đề thứ hai mà bài kinh đề cập.

Vấn đề thứ hai, bản kinh nói đến năm tinh tấn chỉ phản trợ đạo cho sự giác ngộ trong thời gian sớm nhất có thể là

chiều nghe pháp, sáng ngộ đạo. Nhận thấy vương tử Bồ-đề là một người dòng dõi vua chúa, chắc chắn biết thuật thuật hóa và học cưỡi voi, Phật đã lấy chính việc này làm ví dụ so sánh, nêu ra các đức tính của một người có thể học cưỡi voi, từ đó liên hệ đến năm tinh cần chỉ, trợ đạo cho một người trên con đường giác ngộ. Năm tinh tấn chỉ phản trợ đạo cho sự giác ngộ của Phật, có sức khỏe tốt, trung thực, siêng năng từ bỏ các bất thiện và tu tập thiện pháp, có trí tuệ.

Cuối cùng, vương tử Bồ-đề tán thán Đức Phật khéo thuyết pháp nhưng chưa nói lời quy y Tam bảo. Thanh niên Saṅghikāputta nhắc nhở điều này và vương tử đính chính rằng mình từ trong thai mẹ tới bây giờ đã quy y Tam bảo ba lần.

KHÁI NIỆM VỀ CHÁNH TINH TẤN

Trước khi phân tích năm tinh tấn chỉ phản trợ đạo Phật nói đến trong bản kinh, người viết xin nêu lên khái niệm về Chánh tinh tấn. Chánh tinh tấn, hiểu cơ bản là siêng năng, cần cù, luôn tiến tới thực hiện và thành tựu những gì tốt đẹp. Chánh tinh tấn là một chỉ phản quan trọng trong Bát chánh đạo, thường được nhắc đến với bốn phương diện chính (*Từ chánh cần: Ngăn ngừa điều ác chưa phát sinh, đoạn trừ điều ác đã phát sinh, phát triển điều lành chưa sanh và giữ gìn làm cho lớn mạnh điều lành đã phát sinh*).

“Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy”.

(Kinh Pháp Cú 183)

VỮNG CHẢI TINH TẤN

Chánh tinh tấn, hiểu cơ bản là siêng năng, cần cù, luôn tiến tới thực hiện và thành tựu những gì tốt đẹp.

Như đã đề cập ở phần mở đầu, đối với Phật giáo, việc siêng năng, cần cù trong mọi công việc đều phải hướng đến mục đích giải thoát cao thượng, mới được xem là Chánh tinh tấn. Nếu chúng ta cũng siêng năng nhưng lại siêng năng với những điều bất thiện thì trái ngược đạo đức xã hội, chắc chắn đem lại hậu quả không tốt đẹp. Tuy nhiên, có những điều siêng năng không vi phạm đạo đức xã hội, nhưng đối với Phật giáo, chúng lại nuôi dưỡng lậu hoặc, những phiền não từ thô đến tế và hành giả tu tập nhiệt tâm để đoạn trừ.

Tóm lại, Chánh tinh tấn là nỗ lực, siêng năng thực hiện những thiện pháp, đưa đến mục đích chấm dứt khổ đau, đem lại an lạc hạnh phúc cho chính bản thân và tha nhân. Có như vậy mới nên tinh tấn thực hiện, còn không thì không làm gì còn hơn là làm những điều phi nghĩa. Như trong *Tương Ưng Bộ* kinh nói rằng:

*“Không làm, hơn làm dở,
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau”* [4].

NĂM TINH TẤN CHI TRONG BẢN KINH

Trong kinh *Bồ đề Vương Tử*, Phật nhắc đến năm tinh tấn chi như sau: *“Cũng vậy, này vương tử, có năm tinh tấn chi này. Thế nào là năm? Ở đây, này vương tử, vị Tỳ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác*

ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ít bệnh, ít náo, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn. Vị ấy không gian trá, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng phạm hạnh. Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt (của các pháp), với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau” [5]. Nếu áp dụng năm tinh tấn chi này hành giả có thể đạt được sự giác ngộ trong khoảng thời gian ngắn nhất.

Có niềm tin:

Có niềm tin vào Phật, tức tin vào sự giác ngộ của Như Lai, là bậc trọn vẹn thành tựu với những danh hiệu A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đây là những công hạnh, những đặc tính siêu việt mà một bậc đại giác ngộ có được. Những ai muốn tu tập để hướng đến các giá trị cao tốt như vậy, điều chính yếu trước tiên phải có niềm tin vững vàng vào Phật, vào cuộc đời tu tập và sự giác ngộ của Ngài. Có như vậy, chúng ta mới bắt đầu học tập và thực hành Phật pháp. Có

lòng tin vững chắc vào đích đến thì mới đủ khả năng bước đi trên con đường, tinh tấn, kham nhẫn, vượt qua những khó khăn vướng phải trên con đường đó.

Việc ứng dụng niềm tin trong đời sống tu tập không chỉ dừng lại ở việc tin vào đấng Đạo sư dẫn đường mà còn là có niềm tin vào chính mình. Kỹ năng xây dựng niềm tin và tạo động lực cho bản thân trên tiến trình tu tập là rất cần thiết. Vậy, phải tin vào những gì của chính mình?

Thứ nhất, tin vào Phật tánh nơi mỗi chúng sanh và chính bản thân. Đức Phật hiện thân là một người bằng xương bằng thịt, con đường tu tập được lịch sử ghi nhận rõ ràng, sự thành tựu giải thoát của Ngài là sự thành tựu giải thoát của một con người mà trở thành, không có gì là huyền hoặc. Ngài dạy rằng bất kỳ ai đi theo con đường như Ngài, cũng có thể giải thoát khỏi khổ đau luân hồi. Hành giả tu tập xây dựng niềm tin vào Phật, cũng chính là tin vào những lời dạy và người truyền bá lời dạy của Phật (Pháp và Tăng). Hành giả còn phải tin rằng trong tương lai, bản thân sẽ thành bậc giác giả.

Thứ hai, tin vào nỗ lực của chính mình. Trên con đường tu tập giải thoát, chỉ có bản thân mỗi người tự nỗ lực cố gắng mới đạt được kết quả, không một đấng siêu nhiên nào, một bậc Giáo chủ nào đi thay con đường của chính mình cả. Như Phật dạy trong kinh *Tương Ưng*: “*Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác*” [6]. Hành giả tu tập phải có niềm tin vững mạnh vào chính mình như thế, rồi lấy những gì Phật dạy làm kim chỉ nam, tự mình bước đi trên con đường tu tập một cách tinh tấn thì mới mong đạt được lợi ích cho chính mình. Cũng như kinh *Di Giáo* dạy rằng: “*Như lai như vị lương y, biết tịnh mà chỉ thuốc, còn uống hay không, không phải lỗi của lương y. Lại như người dẫn đường rất tốt, chỉ dẫn đường tốt cho người, nhưng nghe rồi mà không đi, thì không phải lỗi của người dẫn đường*” [7]. Giáo pháp Phật đã chỉ dạy rõ ràng, chúng ta như người bệnh đã được thuốc, kẻ lạc đường được chỉ dẫn, tự thân mỗi hành giả phải lựa chọn con đường phù hợp theo lời dạy của Phật rồi bước đi trên đôi chân của mình là yếu tố quyết định nhất trong việc tu tập.

Như vậy, muốn có được Chánh tín tấn, niềm tin là một nền tảng quan trọng. Cũng chính vì thế, Đức Phật nêu điều này lên trước tiên trong năm chi phần tinh tấn. Trên lộ trình tu tập, hành giả phải xây dựng một niềm tin vững mạnh vào Phật, Pháp, Tăng, từ đó lắng nghe, học hỏi và thực hành những lời dạy của Đức Phật. Việc thực hành đạt đến giải thoát cũng chính yếu phụ thuộc nơi bản thân mỗi người, vì vậy cần tin rằng mình tương lai sẽ thành Phật và sự nỗ lực của tự thân là yếu tố quyết định cho tương lai đó.

Có sức khỏe, ít bệnh:

Chi phần thứ hai trong kinh *Bồ đề Vương Tử*, Đức Phật đề cập đến vấn đề sức khỏe: “*Vì ấy ít bệnh, ít nã, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn*” [8]. Ngoài đoạn kinh trên, cũng có một vài đoạn kinh đề cập đến vấn đề này. Kinh *Tăng chi II*, Phật dạy về những điều kiện đúng thời để tinh tấn cũng nhắc đến sức khỏe và ăn uống. Các điều kiện đó bao gồm: Khi còn trẻ, tuổi thanh xuân là lúc sức lực cung mãn nhất của đời người, tinh thần tham học và mong cầu phát triển cũng mãnh liệt nhất trong thời điểm này; Tiếp theo, là điều kiện nhắc lại điều kiện được trích dẫn trên về ít bệnh, ít nã; Điều kiện thứ ba, liên quan đến sức khỏe là khi dân chúng được mùa, việc khát thực được dễ dàng và ăn uống đủ đầy, có như vậy mới đảm bảo việc tu tập [9].

Có sức khỏe, ít bệnh là một điều kiện hết sức quan trọng cho việc tinh tấn, không có một chiếc xe hỏng nào có thể chạy an toàn trên đường, không có sự thực hành rốt ráo nào nếu thân thể bệnh tật, thiếu sức sống. Điều này thể hiện rõ nhất qua sự trải nghiệm việc tu khổ hạnh của Đức Phật. Sau khi dốc hết toàn lực tu tập khổ hạnh cùng cực, thân thể Phật dường như không còn chút sức sống, từ đó Ngài nhận ra việc khổ hạnh ép xác chính là cực đoan hết sức nguy hiểm mà người xuất gia nên tránh. Phật diễn tả sự vô ích của khổ hạnh trong kinh *Tương Ưng*:

*“Biết được pháp khổ hạnh,
Được xem là bất tử,
Pháp ấy không lợi ích,
Không đem lợi ích nào,
Như chèo và bánh lái,
Chiếc thuyền trên đất cạn”* [10].

Chèo lái một con thuyền trên cạn là việc làm vô ích, được Phật ví cho việc tu khổ hạnh. Trong khi



Chánh tinh tấn là nỗ lực, siêng năng thực hiện những thiện pháp, đưa đến mục đích chấm dứt khổ đau, đem lại an lạc hạnh phúc cho chính bản thân và tha nhân. Có như vậy mới nên tinh tấn thực hiện, còn không thì không làm gì còn hơn là làm những điều phi nghĩa.

trước xuất gia, Phật là một Thái tử với sức khỏe tráng kiện, thể chất tuyệt diệu, rất hiếm ai thời bấy giờ có thể sánh kịp. Nhưng việc tu khổ hạnh đã làm cho thân thể trở nên khô cạn yếu đuối, không còn sức sống. Do vậy, Phật nhận ra không thể tu tập giải thoát nếu thân thể không đủ sức lực. Thế nên, để có thể nỗ lực tinh tấn trọn vẹn, sức khỏe là điều rất cần thiết, có sức khỏe mới tinh tấn thực hiện được mọi việc.

Trung thực, không gian trá:

Chỉ phần thứ ba trong kinh *Bồ đề Vương Tử*, Phật đề cập đến đức tính trung thực: “*Vị ấy không gian trá, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng phạm hạnh*”. Chúng ta có thể phân tích sự trung thực này thông qua hai khía cạnh: Trung thực với người khác và trung thực với chính mình.

Như thế nào là trung thực với người khác? Như trong đoạn kinh trích dẫn ở trên đề cập, trung thực

với các bậc Đạo sư, những người có trí hay đồng phạm hạnh là để họ có khả năng biết chính xác những gì chúng ta đang mắc phải, những gì tu tập chưa đạt được. Nhờ vậy, những người có trí bên cạnh có thể hỗ trợ mình trong việc tinh tấn tu tập. Giả như một người sống trong đại chúng, có sự kỷ luật của đại chúng, có sự hướng dẫn của Đạo sư, của bạn trí giúp họ tinh tấn, nhưng luôn tìm cách luồn lách, trách né bằng những lý do thiếu trung thực. Người đó không thể nào tinh tấn hòa theo tinh thần tu tập của đại chúng được.

Thế nào là trung thực với chính bản thân? Khi ở một mình, có những việc mình làm chỉ riêng mình biết. Đôi khi chúng ta biết đó là điều sai quấy, không đem lại lợi ích, nhưng vẫn giả dối với chính mình, tự tìm lý do để biện hộ cho những điều sai quấy đó và tiếp tục thực hiện. Như vậy quả thực rất nguy hiểm, như người biết rõ ràng là vực sâu, là thuốc độc, nhưng vẫn nhảy, vẫn uống mà còn tìm lý do biện hộ cho đó là điều tốt đẹp.

Như vậy, có niềm tin, có sức khỏe, có sự trung thực, hành giả sẽ dễ dàng nỗ lực tinh tấn trong việc tu tập. Tu tập ở đây cốt yếu chỉ là từ bỏ, ngăn ngừa các pháp bất thiện và thực hành, phát triển những thiện pháp.

Siêng năng từ bỏ các bất thiện và tu tập thiện pháp:

Chi phần tiếp theo là từ bỏ bất thiện và tu tập thiện, vậy những gì là bất thiện cần được từ bỏ? Những gì là thiện cần được tu tập? Có rất nhiều bài kinh giải thích phạm trù thiện và bất thiện này, ở đây, người viết xin nêu ra một vài điều cơ bản ứng dụng trong đời sống tu tập hằng ngày.

Kinh *Chánh tri kiến* (Trung Bộ kinh số 9) nói về những điều thiện và căn bản thiện, những điều ác và căn bản ác: “*Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện. Và chư Hiền, thế nào là căn bốn bất thiện? Tham là căn bốn bất thiện, sân là căn bốn bất thiện, si là căn bốn bất thiện*” [11]. Những điều được dạy trong đoạn kinh trích dẫn ở trên là những bất thiện có căn bản là tham, sân, si mà hành giả tu tập phải từ bỏ. Từ bỏ những hành động bất thiện như trên chính là thiện với căn bản là vô tham, vô sân, vô si.

Kinh *Sāleyya* (Trung Bộ kinh số 41) nói về mười thiện và mười bất thiện nghiệp: “*Này các gia chủ, có ba loại thân hành phi pháp, phi chánh đạo; có bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chánh đạo; có ba loại ý hành phi pháp, phi chánh đạo*” [12]. Trong đó ba ác nghiệp thuộc thân là sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh; bốn nghiệp ác thuộc khẩu là vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời thô ác và nói lời phù phiếm; ba nghiệp ác thuộc ý là tham, sân và si. Ngược lại với mười bất thiện nghiệp là mười thiện nghiệp. Kinh *Khởi thế nhân bốn* (Trường Bộ kinh số 27) cũng nhắc đến vấn đề trên. Mười bất thiện nghiệp đem lại khổ đau, gây hại cho mình và người ở hiện tại lẫn đời sau, Đức Phật dạy nên từ bỏ những điều này và hành trì mười thiện nghiệp đem đến ích lợi, giải thoát.

Ngoài ra, còn có kinh *Tương Ưng* tập 2, V. Mười Nghiệp Đạo [13] đề cập tới vấn đề người làm thiện

sẽ đồng thanh tương ứng với người làm thiện, cùng chung hòa hợp với người thiện và ngược lại.

Như vậy, trong toàn bộ lời dạy của Đức Phật nói chung và kinh tạng Nikāya nói riêng, Đức Phật luôn nhắc nhở việc siêng năng đoạn trừ các điều bất thiện và chỉ rõ đâu là điều bất thiện cũng như siêng năng tu tập, phát triển những điều thiện nhằm gạn lọc thân tâm, đưa đến thành tựu con đường Giới-Định-Tuệ, hoàn thành tiến trình tu tập giải thoát. Cốt yếu lời dạy của Phật được tóm gọn trong bài kinh *Pháp Cú* rất nổi tiếng:

*“Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy”.*

(*Kinh Pháp Cú 183*)

Trong kho tàng văn học Trung Hoa, có một câu chuyện về cuộc đối thoại giữa Bạch Cư Dị và Ô Sào thiên sư có ý nghĩa rằng: Một cậu bé 5 tuổi có thể học thuộc lòng những điều trên nhưng rất nhiều người đến hết cả cuộc đời cũng không thể thực hiện được rốt ráo. Việc cốt yếu của những lời dạy này cũng nhằm vào việc thực hành giáo pháp của Phật như một quả cam ngọt, có nếm thử mới biết mùi vị thế nào, không thể chỉ nghe nói hay nhìn mà trải nghiệm được vị ngọt. Cũng như thế, thực hành tới đâu thì điều ác được loại bỏ, khổ đau được đoạn trừ, điều thiện được phát sinh, hạnh phúc theo tới đó.

Có trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp

Chi phần thứ năm trong bài kinh chính là có trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp. Sự sanh diệt của các pháp là một giáo lý rất quan trọng của Phật giáo, các pháp có sanh, ắt có diệt, cái này sanh cho nên cái kia sanh, cái này diệt cho nên cái kia diệt. Đây là trí tuệ thấu rõ về Duyên khởi, Vô thường, Khổ, Vô ngã của các pháp trong thế gian.

Những khổ đau trong cuộc đời bắt nguồn từ thiếu hiểu biết các bản chất trên của mọi sự mọi vật, từ đó xuất hiện tư duy hữu ngã, muốn các pháp là thường hằng hoặc vận hành theo ý mình. Nhưng các pháp vốn dĩ không thể như vậy, cho nên xuất hiện những điều bất như ý đem lại khổ đau. Thấu rõ được sự sanh diệt của các pháp cũng chính là sự giải thoát khỏi sự ràng buộc của các pháp, không còn tư duy hữu ngã đem lại khổ đau và đạt được sự bình an trước tiên

VỮNG CHẢI TINH TẤN

trình sanh diệt này. Khi có trí tuệ về sự sanh diệt của mọi thứ trong cuộc đời, chúng ta không còn tin vào những gì là số phận, định mệnh, không còn mê tín.

Chi phần thứ năm này vừa là nhân, vừa là quả cho sự tinh tấn chính đáng. Có nghĩa rằng, khi bắt đầu nhìn nhận được phần nào bản chất của các pháp, hành giả nhằm chán và phát khởi Tâm Bồ-đề, siêng năng tu tập Phật pháp. Nhờ sự tinh tấn đó mà càng tu tập, các thiện pháp càng phát sinh và thành tựu trí tuệ, càng thấu rõ bản chất của các pháp hơn và đạt đến quả vị giải thoát sau cùng.



Khi có trí tuệ về sự sanh diệt của mọi thứ trong cuộc đời, chúng ta không còn tin vào những gì là số phận, định mệnh, không còn mê tín.

KẾT LUẬN

Kinh *Bồ đề Vương Tử* là bài kinh Phật dạy cho một vương tử có sự nhanh nhẹn trong tư duy. Bằng phương pháp nhắc lại những trải nghiệm của bản thân khi tu tập khổ hạnh, Đức Phật đã chỉ rõ và bác bỏ quan niệm sai lầm của vương tử về sự tu tập. Sau đó, thông qua sự so sánh với người học cưỡi voi, Phật chỉ dạy về năm tinh cần chi, là một phương pháp tu tập phù hợp với vị vương tử trong bài kinh nói riêng và tất cả những hành giả đang trên con đường tìm cầu chân hạnh phúc nói chung.

Chánh tinh tấn được xây dựng trên niềm tin vững chắc với Tam bảo và niềm tin vào khả năng cũng như sự nỗ lực của tự thân là yếu tố quyết định trên lộ trình tu tập. Một điều kiện quan trọng cho việc thực hiện tinh tấn pháp học và pháp hành chính là sức khỏe ổn định, tinh thần minh mẫn. Khi đã đủ điều kiện để hình thành sự tinh tấn, hành giả siêng năng đoạn trừ những điều ác và phát triển những điều thiện. Nhờ sự tinh tấn này mà phát sinh trí tuệ, thấu rõ bản chất sanh diệt của các pháp, thoát khỏi mọi sự ràng buộc trong thế gian, giải thoát khỏi khổ đau.

Chú thích:

- [1] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *kinh Trường Bộ 1, 16. kinh Đại Bát Niết bàn*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.665.
- [2] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ 2, 85. Kinh Bồ đề Vương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.121.
- [3] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ 2, 85. Kinh Bồ đề Vương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 121.
- [4] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *kinh Tương Ưng 1 Thiên Có Kệ, Chương II Tương Ưng Thiên Từ I. Phẩm Thứ Nhất*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.113.
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ 2, 85. Kinh Bồ đề Vương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.122-123.
- [6] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2013), *kinh Tương Ưng Bộ (tập I, V), Phẩm Tự mình làm hòn đảo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.673.
- [7] Tỷ kheo Trí Quang (2010), *Tổng tập Giới Pháp xuất gia (tập 1 & 2), 1. Kinh Phụng Kinh Di giáo*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, tr.48.
- [8] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ 2, 85. Kinh Bồ đề Vương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.122.
- [9] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *kinh Tăng Chi Bộ 2, Chương V Năm Pháp VI. Phẩm Triển Cái*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.412.
- [10] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2013), *kinh Tương Ưng Bộ (tập I), Chương IV. Tương Ưng Ác Ma, I. Phẩm Thứ Nhất*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.175.
- [11] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ 1, 9. Kinh Chánh Tri Kiến*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.75.
- [12] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ 1, 41. Kinh Sāleyyaka*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.352.
- [13] S.ii, tr.167.

Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỦA THIÊN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SÔNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT
TRĂNG THẮNG TỬ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ **Live** và đăng tin tức

Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÂN - 0944 020802

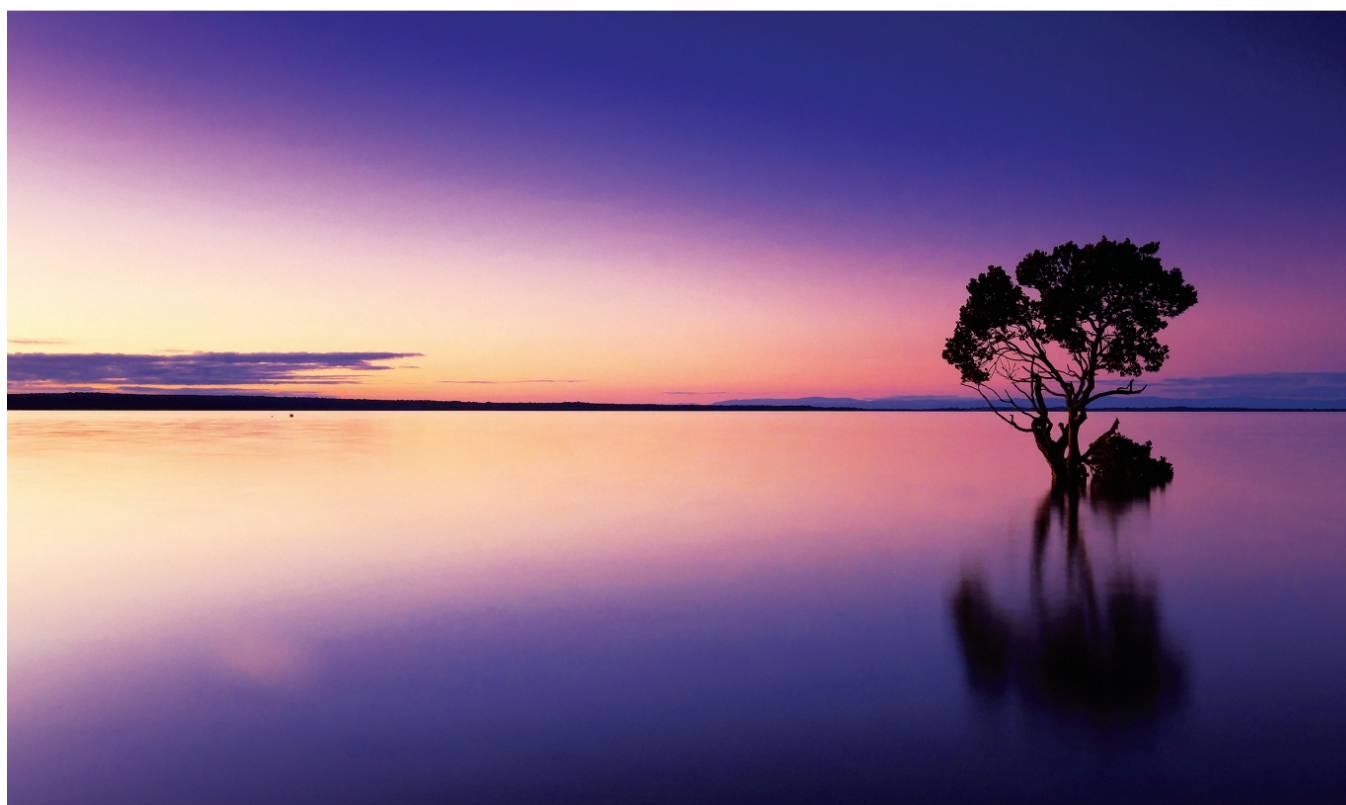
Email: PSOmiennam@phatsuonline.com

Văn phòng Miền Bắc - Chùa Bằng: 63 Bằng Liệt - Hoàng Mai - HN
ĐT: 097 553 5330 - Email: PSOmiennam@phatsuonline.com

Liên hệ Trực tiếp (Livestream) - Chùa Phật Quang - Kiên Giang
ĐT: 0888 188 311 - Email: livestream@phatsuonline.com

VỮNG CHÃI TINH TẤN

VỮNG CHÃI TINH TẤN - ĐỨC TÍNH CẦN CÓ



Ở NGƯỜI CON PHẬT



Hải Thuận Bảo Hải

Đức Thế Tôn, một con người vĩ đại mang tình thương lớn đến với nhân loại. Suốt thời gian hoằng truyền chánh pháp, Ngài đã để biết bao lời dạy được chừa Tô ghi lại thành những bản kinh vừa có giá trị về văn học lẫn triết học... Nếu chúng ta học tường tận, áp dụng vào cuộc sống thường nhật, quả là cuộc đời vẫn đẹp sao! Tâm an bình dù ngoài kia bập bùng sóng vỗ, ta vẫn có thể mỉm cười. Có Chánh pháp Như Lai, giúp ta vững chãi trong tất cả thời gian, ngay cả khi đón nhận nghịch cảnh. Tinh tấn siêng năng trong sự chuyển hóa những chướng ngại trên con đường tu tập, để có tinh thần với ý chí kiên cường luôn đi lên hướng đến cuộc sống chân - thiện - mỹ cả về vật chất lẫn tinh thần.

*“Nếu tinh tấn chuyên cần
Không chỉ gọi khó khăn
Nước nhỏ giọt soi mãi
Đá cứng cũng mòn dần
Hành đạo tâm biếng lười
Không khác chi nhen lửa
Lửa chưa bén ngưng rồi
Mong lửa, lửa đâu có?”.*
(Ni trưởng Huỳnh Liên)

Người xuất gia thường tinh tấn chuyên cần tu tập, không bỏ sót Tam vô lậu học (Giới - Định - Tuệ). Trong kinh *Pháp Cú*, Đức Phật dạy ở phẩm đầu tiên “*Phẩm Song Yếu*” nhấn mạnh về tâm.

*“Trong các pháp do tâm làm chủ
Tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên
Tâm như tạo nghiệp chẳng hề
Như xe lăn bánh khổ liền theo sau.
Trong các pháp do tâm làm chủ
Tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên
Tâm thanh tạo nghiệp tốt liền
Như hình dọi bóng vui liền theo sau”.*

Sức mạnh của nguồn tâm không tính kể, thiện ác cũng từ đây mà ra, nên chúng ta cần làm chủ tâm mình để điều tiết được hành động. Thân tướng đoan trang, oai nghi, tâm chánh niệm tỉnh giác trong từng bước chân hơi thở. Có oai đáng kính, có nghi đáng nể. Tiếp theo, Phật dạy người tu cần giữ tâm tinh tấn, siêng năng, chuyên cần, sống đời phạm hạnh như sen mọc trong bùn dù hôi tanh vẫn tỏa ngát hương thơm.

*“Hoa sen thanh khiết thơm tho
Mọc ra giữa chốn bùn nhơ ao tù
Con người trí dũng bi từ
Hiện ra giữa chốn phàm phu tục trần”.*

(Kinh Pháp Cú
- Ni trưởng Huỳnh Liên dịch)

Đời sống của người xuất gia cần phải biết tiết chế ngũ dục, sống đời phạm hạnh, tu tập theo chánh pháp phòng hộ các căn an nhiên thanh tịnh, thiểu dục và tri túc. Cuộc sống này không như ta mong muốn, đầy đủ sắc màu, cung bậc thăng trầm, không trải

**Trong cuộc sống tu hành,
không nơi nào thuận buồm
xuôi gió, phải trải qua biết
bao gian truân thử thách tái
tê lòng người, mới biết được
sức kham nhẫn của mỗi
hành giả đến đâu.**

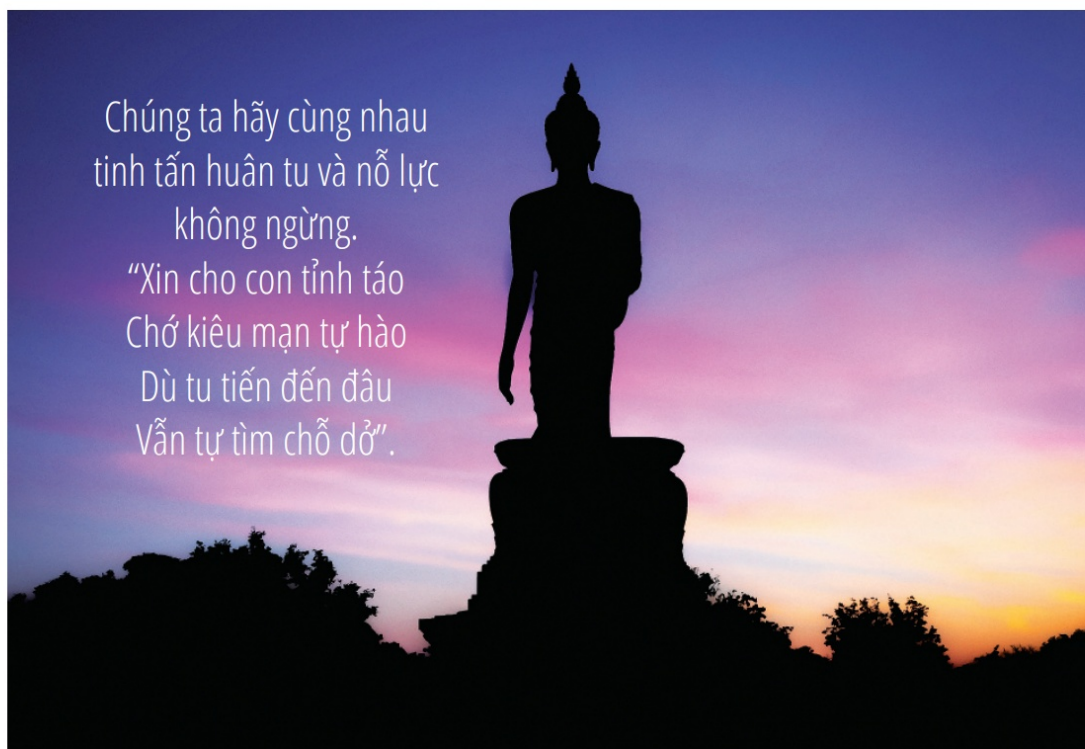
gắm thêu hoa nâng chân ta bước. Vậy, người xuất gia phải đón nhận chúng như thế nào cho đúng pháp? Đức Thế Tôn đã dạy nhiều về kham nhẫn. Nếu không nhẫn được, tam độc tự do bộc phát, tham - sân - si phá tan các công đức và phước đức ta đã vun bồi. Trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, Đức Phật đã dạy: “*Một đóm lửa sân đốt hết rừng công đức*”. Vì thế, ta cần và rất cần rèn luyện đức nhẫn, học hạnh hoan hỷ và tùy hỷ như

Đức Phật Di Lặc, dung những điều khó dung của thiên hạ, nhẫn những điều khó nhẫn của thế nhân... ấy mới là chân tu. Có như thế, ta sớm sống được với mùa xuân miên viễn bất tận trong mỗi người! Quê hương hà hữu ngay trước mặt nào phải kiếm tìm chi xa xôi!

Tâm thức bên trong, mỗi tu sĩ cần sáng ngời tâm Phật bị lu mờ bởi những mây mù giảng lối, mặt trời trí tuệ sau những rặng mây phủ dày đặc kia được lộ rạng... Điều đó thật sự không hề dễ dàng, tổ Hoàng Bá Hy Vận đã răn dạy trong tác phẩm *Uyển Lăng lục*:

*Trần lao quýnh thoát sự phi thường
Hệ bã thăng đầu tổ nhất trường
Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt
Tranh đắc hoa mai phốc tị hương.*

Dịch nghĩa:
Vượt cõi trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt
Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương.



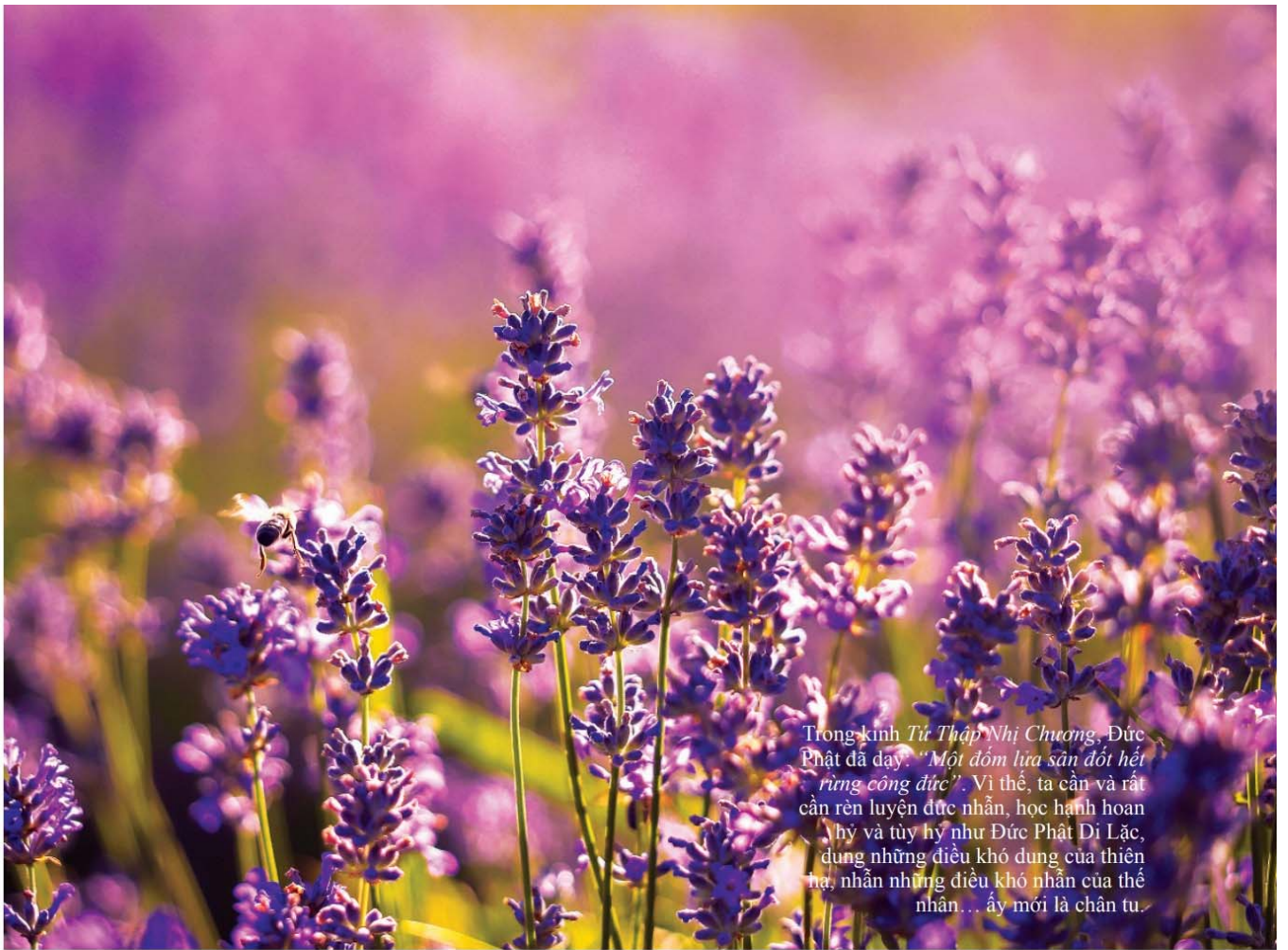
Chúng ta hãy cùng nhau
tinh tấn huân tu và nỗ lực
không ngừng.

“Xin cho con tỉnh táo
Chớ kiêu mạn tự hào
Dù tu tiến đến đâu
Vẫn tự tìm chỗ đỡ”.

Quả là “vượt khỏi trần lao việc chẳng thường”. Làm một người tầm thường thì quá dễ, nhưng muốn thoát khỏi trần lao, phiền não thị phi, đối đãi trong sanh tử, đâu phải dễ, đây là việc phi thường của những bậc có chí lớn, nhân duyên sâu dày. Người xuất gia cần ý thức rõ, con đường đã chọn là con đường tu sửa và học tập. Sửa những điều xấu dở, học những tinh túy cao thượng, chuyển hóa mọi góc ngách uẩn khúc của tâm hồn phạm phu để bước ra khỏi cảnh thường tình, mà đến bờ giác ngộ an vui. Tổ Quy sơn đã nhắc trong *Trụ Môn Cảnh Huân*: “*Quýnh thoát trần thế, kỳ kỳ xuất ly*”. Ứng dụng thực tế khi nghe những lời trái tai, mạ li, ta dùng trí tuệ quán chiếu, tâm ta sẽ bình an dù ngoại cảnh vẫn đang ồn ào... Muốn được như vậy: “*Đầu dây nắm chặt giữ lập trường*”.

Ý Tổ dạy có niềm tin kiên cố, bền lòng với lý tưởng tu hành, nắm vững cốt lõi, biết rõ nguồn tâm mà thắng đó tiến tu, biết cái gì quan trọng mà trở về. Biết cái nào tạm bợ thì tập buông dần. Có như vậy, cuộc sống xuất gia mới có lợi ích thật sự.
“*Chẳng phải một phen xương lạnh buốt
Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương*”.

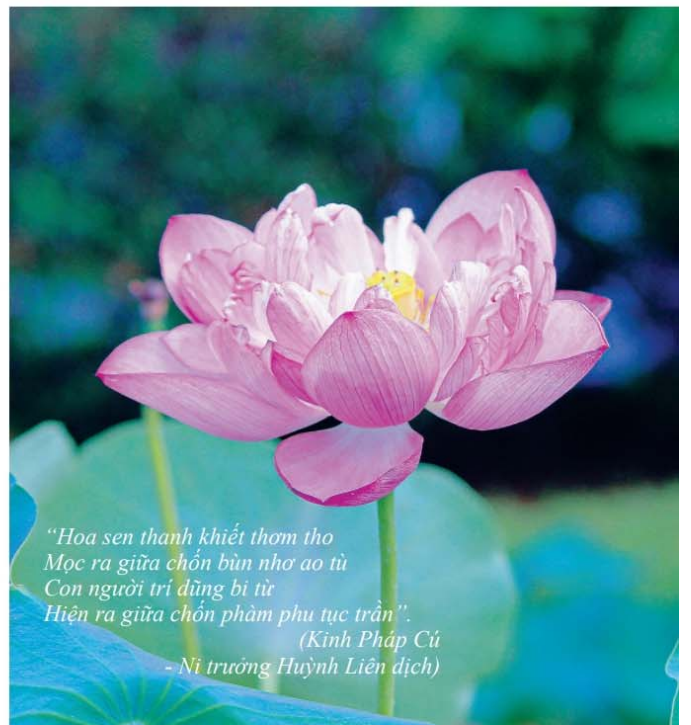
Trong cuộc sống tu hành, không nơi nào thuận buồm xuôi gió, phải trải qua biết bao gian truân thử thách tái tê lòng người, mới biết được sức kham nhẫn của mỗi hành giả đến đâu? Những khó khăn, nghịch cảnh là những bài kiểm tra vô cùng chất lượng để đánh giá lực tu, đức độ của mỗi người. Từ viên đá thô kệch muốn trở thành viên ngọc quý, phải qua biết bao sự chui rèn mài dũa. Cục đất sét muốn thành tách trà quý cũng phải trải qua quá trình nhào nặn, nung trên lửa đỏ... mới thành phẩm. Cũng phải qua những đêm đông lạnh buốt, hoa mai mới tỏa ngát mùi hương. Người tu sĩ cũng vậy, để xứng đáng là Thích tử Như Lai, đâu phải chuyện một sớm một chiều? Tu từ thân tướng bên ngoài đến tâm thức bên trong. Nguồn tâm trong sáng phải trở về. Biết những vọng tưởng trần lao phiền não là không thật, huyền hóa, có rồi lại mất, đối đãi thương ghét cũng vậy thôi. Biết để tinh giác, trở về với chân thật bản tâm thanh tịnh xưa nay của mình. Nhược bằng làm nhận vọng là chơn chẳng khác nào nấu cát muốn thành cơm ngon thì trọn không thể được (ý từ kinh *Lăng Nghiêm*).



Trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, Đức Phật đã dạy: “*Một đóm lửa sân đốt hết rừng công đức*”. Vì thế, ta cần và rất cần rèn luyện đức nhẫn, học hạnh hoan hỷ và tùy hỷ như Đức Phật Di Lặc, dùng những điều khó dung của thiên hạ, nhẫn những điều khó nhẫn của thế nhân... ấy mới là chân tu.

Người xuất gia tu hành cần nương lời dạy của Phật, sự nhắc nhở của thầy tổ, đại chúng, thông qua kinh điển để áp dụng tu hành cuộc sống mới có nhiều lợi lạc. Văn, tư, tu (nghe, học để hiểu, hiểu để thực hành), có như vậy, mới không cô phụ chí hướng của người xuất gia, sanh trong trần thế nhưng không để bụi trần cuốn lối, như trăng vượt khỏi mây mù chiếu soi. Hãy có niềm tin kiên cố nơi chánh pháp, nung nấu ý chí kiên cường bất khuất trước những khó khăn thử thách của ngoại cảnh, bền lòng vững chí tu hành, biết tự tạo niềm vui pháp lạc và Thiền định cho chính mình, vững chãi và thanh thoi trong đời sống phạm hạnh, tinh tấn chuyên cần trong tu tập và chuyển hóa nội tâm, chúng sanh bên trong và chúng sanh bên ngoài nguyện một lòng độ tận. Tự lợi lợi tha đầy đủ, ta mới xứng đáng là con của Như Lai. Chúng ta hãy cùng nhau tinh tấn huân tu và nỗ lực không ngừng.

“*Xin cho con tinh táo
Chớ kiêu mạn tự hào
Dù tu tiến đến đâu
Vẫn tự tìm chỗ dở*”.



“*Hoa sen thanh khiết thơm tho
Mọc ra giữa chốn bùn nhơ ao tù
Con người trí dũng bi từ
Hiện ra giữa chốn phàm phu tục trần*”.

(Kinh Pháp Cú
- Ni trưởng Huỳnh Liên dịch)

VỮNG CHẢI TINH TẤN

VỮNG CHẢI TINH TẤN



*TỪ GÓC NHÌN CỦA
NHÀ VĂN TÁNH PHÁP
(SOUL)*

Ban Biên tập



Là tác giả của một trong những quyển sách về tâm linh thịnh hành nhất hiện nay - “Người sống cũng cần phải hồi sinh”, xin anh giới thiệu đôi chút về mình để độc giả được biết.

Tôi tốt nghiệp Cử nhân Báo chí - Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn (ĐHQG TP. HCM), có 11 năm công tác trong lĩnh vực Truyền thông. Trong đó, gắn bó với vai trò trợ lý biên tập một số chương trình phối hợp thực hiện cùng Đài Truyền hình TP. HCM. Đó chính là điều kiện để tôi có cơ hội tiếp xúc với đủ các đối tượng trong xã hội thuộc nhiều lứa tuổi qua các chuyến đi ghi hình “đọc đường gió bụi”. Tiếp xúc, trải lòng, lắng nghe tâm tư tình cảm của nhiều người, mình bắt giác nhận ra, trong cuộc sống này đúng là “mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh”. Lúc ấy, tôi đã nhen nhóm trong đầu câu hỏi: Tại sao lại như vậy?

Dường như nhìn trên bản thể, tất cả chúng ta đều cấu tạo như nhau, từ những nguyên tố giống nhau. Nhưng nhìn trên bản thể giới, hiển hiện thành hiện tượng giới, mỗi người sẽ có những chiều cảm nghiệp khác nhau, dẫn đến cuộc đời mỗi người không ai giống ai, gặp những con người và sự việc khác nhau. Vì gia đình tôi gốc không phải là Phật tử thuần thành, nên từ nhỏ, ít có dịp tiếp xúc với Phật pháp. Tuy vậy, khi hàng loạt những câu hỏi tại sao và những tầng nhận thức tiếp xúc mặt ngoài đó xảy đến, đã thôi thúc tôi đi tìm một lời lý giải thỏa đáng. Chính đó là mối duyên dẫn dắt tôi tìm đến với Phật pháp.

Mà sâu sắc nhất có lẽ sau khi tôi trải qua một tai nạn sức khỏe “thập tử nhất sinh”, lúc đó mới nhận ra rõ hơn sự vô thường trong cuộc đời này. Cũng như chính nhờ sức mạnh của niềm tin vào Phật pháp đã giúp bản thân hồi sinh trở lại. Từ đó, tôi dần tìm hiểu các bài kinh, chú và về cuộc đời, nhân cách của Đức Phật. Càng đọc nhiều và qua những trải nghiệm, tôi hiểu rằng việc tu tập vẫn luôn phải thực hiện trong từng sát na. Khi bản thân cũng như bao người, đang sống trong cõi Ta bà, theo nghĩa tiếng Phạn (Saha) là kham nhẫn, bởi xoay vần là biết bao phiền não. Nên tôi vẫn luôn cố gắng chọn cách nhìn, cách sống

hướng tới không chỉ biết buông bỏ dần mà còn đối diện và thấu hiểu phiền não, đi đến tận cùng ý nghĩa bản chất thì mới mong nó chấm dứt.

Đức Phật từng dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Vì vậy, tôi không thể phí hoài một giây phút nào để sống trôi lẩn mãi theo những trần lao, nghiệp chướng, trầm mình mãi trong bóng tối của tham, sân, si. Một câu chú trong *Bát nhã tâm kinh* như kim chỉ nam cho mình: “Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha” (Vượt qua, vượt qua, vượt qua đau khổ). Để mầm Bồ đề được tẩm tưới thêm pháp lành, tôi đã tạm gác lại các công việc tìm về một ngôi tịnh thất nhỏ ở vùng ven thành phố:

Tịnh thất Hoa Nghiêm (Long An) để công quả và quan sát đời sống tu hành của những bậc xuất gia cầu đạo. Chính quãng thời gian đó, tôi có thêm những góc nhìn về những cái vui tạm bợ của thế gian và niềm vui chơn thường di lạc, miên viễn.

Cùng thời điểm đó, đại dịch COVID-19 bùng phát dữ dội làm đảo lộn cuộc sống của rất nhiều người. Thuận hay nghịch đều là duyên cả. Khi nghịch cảnh xảy đến, nó cũng là duyên để tất cả chúng ta đồng lòng tu dưỡng thân tâm, phát huy hết những khả năng sức mạnh tiềm tàng. Nghĩ như vậy, tôi đã thông qua fanpage tự lập nên để mỗi ngày động viên, chia sẻ những triết lý Phật pháp để cùng mọi người định tĩnh, tìm thấy sự bình an nội tại ngay trong lúc ngoại cảnh bấp bênh nhất. Tôi cũng nương vào lực của các thầy nơi tịnh thất đã công quả để tổ chức các buổi gửi niệm lành, mong cầu bình an trong suốt một tháng đến mọi người trong và ngoài nước. Hoạt động đó nhận được sự cộng hưởng từ hàng ngàn gia đình đồng lòng hướng về Tam bảo.

Tôi cảm động bởi có những cụ già 70-80 tuổi không rảnh về công nghệ cũng nhắn tin về, gõ từng dòng tên của con cháu trong nhà để mong bình an. Hay những em nhỏ tầm 15-16 tuổi cũng nhắn đến hướng an lành cho mọi người. Cả những dòng tin kể về sự chia xa với người nhà, bạn bè, người quen... Tận cùng nỗi đau đó, tôi thấy rõ một mạng mạch Chánh pháp vẫn

Người xưa có câu:

“Thứ nhất tu tại gia. Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa” để thể hiện quan niệm tu tại gia thường được coi là khó nhất vì cùng lúc, người cư sĩ Phật giáo phải đóng trọn hai vai trò đối với đạo và đời.

VỮNG CHẢI TINH TẤN

âm thầm chảy trong “những người cùng chung dòng máu đỏ và nước mắt cùng mặn”. Để chỉ cần có đủ sự dung dưỡng, có duyên lành phát khởi hướng về tánh thiện bên trong thì tất cả sẽ tươi nhuận, vững chải, tinh tấn trong ánh quang minh của Phật pháp.

Rõ ràng, ngay trong đại dịch, chúng ta thấm rõ tình người với nhau qua rất nhiều câu chuyện xảy ra xung quanh và báo chí đã đưa tin. Đó chính là tư tưởng từ bi, từ ái mà đạo Phật vẫn lan tỏa. Mỗi thời khóa công phu thường bắt đầu bằng chú Đại Bi, có lẽ cũng bởi sự cần thiết của sự phát đại bi tâm trong mỗi người. Học tập triết lý đó, tôi đã cố gắng tập hợp tất cả những mẫu chuyện mình chứng kiến, những bài học, bài pháp giảng có dịp lắng nghe để viết nên quyển sách “*Người sống cũng cần phải hồi sinh*”. Sự đồng cảm từ nhiều người với cuốn sách càng giúp tôi tin rằng, cuộc đời này, cái thiện vẫn còn đó, vẫn luôn chờ hồi sinh, chỉ cần chúng ta chịu vén lên bức màn vô minh tích lũy từ nhiều đời kiếp.

Anh từng viết “Khi nào thấy Bình an trong hoàn cảnh Bất an. Khi ấy, đời bắt đầu đẹp!”. Bình an được đặt trong sự đung dôi Bất an, liệu có phải như là mối quan hệ giữa tích cực - tiêu cực, cõi trời - địa ngục? Hay theo anh, cả hai chỉ là những cảm xúc tương đối, là hai trong số các hành tâm môn trùng sinh diệt, tương hỗ nhau và chúng ta chỉ nhìn thấy vẻ đẹp của đời khi cả hai vắng lặng?

Cũng xin nói thêm về câu nói này. Trong khoảng thời gian soạn bản thảo cho quyển sách, tôi đã gửi gắm mong ước làm sao tìm ra được tác giả của câu nói mà mình thương ngay từ khi mới đọc được. Có lẽ, một mối duyên kỳ diệu nào đó, trước khi sách in ra, tôi lại vô tình nghe được một bài pháp giảng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Quảng trên Youtube trong mùa An cư năm ngoai ở Học viện Phật giáo Việt Nam TP. Hồ Chí Minh. Bài giảng đó kể về lời dạy của cố Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Hòa từng nói cách đây hơn nửa thế kỷ, trong thời điểm đất nước còn chiến tranh. Khi đó Hòa thượng chỉ dạy ngắn gọn rằng, hãy cố gắng: “*Bình an trong Bất an*”.

Trải nhiều năm tháng, qua sự lưu truyền, ghi chép của nhiều thế hệ mà nguyên bản còn có thêm vẻ sau là “*đời bắt đầu đẹp*”, như câu nói mà tôi giới thiệu. Tuy vậy, ý nghĩa gốc, qua dẫn chứng cụ thể từ cuộc đời của các bậc tu hành và gần nhất là giúp được

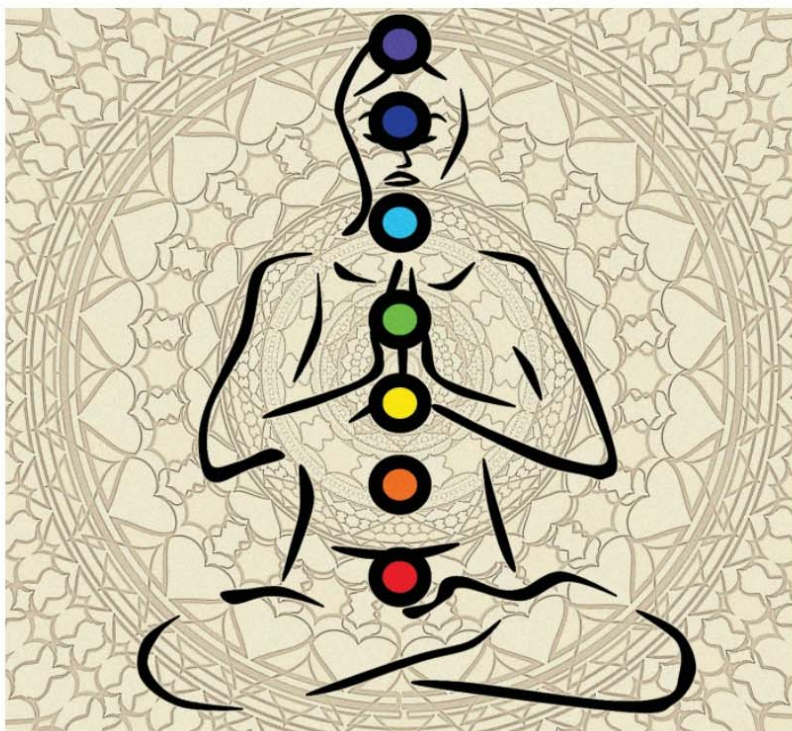
những người nương nhờ tinh thần trong giai đoạn dịch bệnh, rõ ràng nội lực thâm sâu vi diệu của câu nói trên là điều khó lòng giải thích bằng ngôn ngữ đơn thuần.

Tôi nghĩ rằng, trong cuộc sống này, chúng ta phần nhiều lệ thuộc vào sắc thân, vật chất để tìm cái an. Có người quan niệm đầy đủ tiền bạc, gia đình mạnh khỏe, công ăn việc làm thuận lợi đã gọi là an rồi. Nhưng qua sự quan sát của bản thân, trong những lần công tác, có dịp gặp gỡ những người được xem là thành công, thậm chí thuộc giới “siêu giàu”. Họ có sắc đẹp, tiền tài, địa vị nhưng lại không cảm thấy bình an. Bởi ở đỉnh cao đó, có những thứ cảm dỗ khác khiến gia đình không hạnh phúc. Hay một người bạn của tôi đã lao hết sức vào làm việc với mục tiêu mua được nhà cho ba, vì nghĩ rằng khi đó cả bạn và ba sẽ thấy bình an, bù đắp cho những thiếu thốn quá khứ. Bạn dốc mình làm việc đến nỗi không có thời gian đi du lịch hay có thời gian nhiều bên ba. Đến chừng đủ tiền mua nhà, thì ba bạn ấy đã mất.

Rõ ràng cái an mà còn kẹt vào vui buồn, vinh nhục của thế gian thì không thể bền vững. Bởi nó sẽ luôn chịu tác động của quy luật vô thường. Có thể lúc đó chúng ta an, nhưng một lát sau lại bất an, rồi lại an, rồi lại bất an. Cứ vậy mà xoay vần điên đảo không thôi. Mà như vậy, trên con đường thực hành tu tập để thấy được cái đẹp thật sự của cuộc đời, chúng ta dễ dàng bỏ cuộc lắm. Thấy khổ là né, thấy khó là nản.

Còn ham muốn là còn khổ. Chúng ta muốn an cũng là một dạng ham muốn. Thay vì vậy, chúng ta hãy hàm dưỡng từng chút một bình an trong lòng, để nó tự nhiên đầy trong tâm, trong thân, trong ý bằng các cách thức phù hợp và vừa đủ với thể trạng sức khỏe, tinh thần của mỗi người. Sự tích cực hay tiêu cực, hai loại thế giới cõi trời - địa ngục cũng do tâm mỗi người tạo nên. Mình vẫn nhớ câu chuyện Đề Bà Đạt Đa nhờ lòng từ bi của Đức Phật đã cảm hóa ông sau những lần cố tình hãm hại. Nên khi ngài A Nan đến thăm hỏi, ông vẫn mỉm cười và đáp: “*Tôi thấy an vui dù đang ở địa ngục A Tỳ*”.

Hay như Hòa thượng Huệ Đăng có câu đối: “*Tá thạch vi tường, thực thức lão Tăng cùng đảo đổ. Vĩ phong tác phiến, thủy tri đại đạo lạc vô cương*” (tạm dịch: Đá mượn làm tường, ai có biết lão Tăng nghèo đến thế; Gió dùng thay quạt, người đâu hay đạo lạc



Dường như nhìn trên bản thể, tất cả chúng ta đều cấu tạo như nhau, từ những nguyên tố giống nhau. Nhưng nhìn trên bản thể giới, hiển hiện thành hiện tượng giới, mỗi người sẽ có những chiều cảm nghiệp khác nhau, dẫn đến cuộc đời mỗi người không ai giống ai, gặp những con người và sự việc khác nhau.

vô cương). Rõ ràng ở trong hoàn cảnh nghèo vật chất nhất, Ngài vẫn thể hiện tâm thái thông dong, tự tại, không bị ràng buộc bởi ngoại cảnh. Thật ra, cái bất khổ khi còn đang sống ở đời này đâu phải là cái hiện thực khổ nó chấm dứt như mong muốn, mà đôi khi chính trong giữa cái khổ mà chúng ta vẫn giữ được tâm an lạc, bình yên.

Đời sống phạm hạnh của các Tồ và qua kinh điển để lại là ngọn đèn soi dẫn thiết thực nhất để thấy đời bắt đầu đẹp. Hàm dưỡng trong giáo pháp của Đức Phật: Tín, Thọ, Phụng, Hành. Tín tưởng, thọ trì giáo pháp sẽ giúp ta tìm thấy an lành thật sự chứ không giả tạo và nhất thời.

Cám dỗ về sắc, cám dỗ về danh lợi, về của cải luôn hiện diện trên con đường hướng thượng của chúng ta, đặc biệt với người tu tập tại gia. Theo anh, với vai trò một cư sĩ Phật tử nên nhận diện cám dỗ như thế nào?

Tôi thường hay nghe nói, chúng ta đến và rời đi cuộc đời này đều không thể mang theo được gì, ganh đua làm chi cho một tấm thân. Nhưng, nghĩ kỹ lại, sao

lại không có. Nếu đến cuộc đời này không được gì và rời đi cũng không có gì thì thôi đến đây làm gì đâu. Nếu không có gì thì làm sao mà luật nhân quả có thể tác động được khiến chúng sinh luân hồi trong sáu nẻo hết kiếp này đến kiếp khác. Từ bản khoân trên, tôi được nghe một ý từ một vị thầy rằng: *Chúng ta không đến “tay không” và cũng không rời đi “tay không”*. Hành trang mang theo của mỗi người là phước (nghiệp lành) và họa (nghiệp xấu).

Người có phước không biết cách tăng trưởng phước thì khi hết cũng thành họa. Người có họa mà biết chuyển hoá thì trong họa lại nảy nở những mầm Bồ đề thiện lành giúp cho phước sinh sôi. Cũng như có phước lớn mà không song hành với trí tuệ, sa đà vào mê tín, tà kiến, không phân định được đâu là đúng đắn phù hợp thì càng “đốt” nhanh những gì tốt đẹp đã tích lũy từ nhiều kiếp. Như câu chuyện của vua Lương Võ Đế hỏi tổ Bồ Đề Đạt Ma tôi từng nghe kể. Sau khi ông xây dựng rất nhiều chùa, cúng dường cả ngàn vị Tăng, vua đã rất tự hào cho rằng bản thân là người đầy đủ phước lành ắt sau khi mất sẽ sanh lên cõi Trời. Vậy mà tổ Bồ Đề Đạt Ma đã nói thẳng ý rằng: *“Tôi thấy bệ hạ sau này sẽ đọa địa*

VỮNG CHẢI TINH TẤN

ngục”. Vua tức giận quá, lấy ngay chiếc ấn trên bàn định đánh, Tổ nói rằng: “*Tướng địa ngục của bộ hạ hiện ra rồi đó*”.

Vậy nên, tôi vẫn nghĩ, ngay trong cái phước cũng vẫn tiềm tàng cái họa, nếu như chúng ta không giữ đúng chánh niệm, tự mãn với những gì đạt được. Thêm nữa, sinh ra trong cõi Ta bà này cỡ nào cũng rớt vào các loại khổ Sinh, Lão, Bệnh, Tử, yêu không được cũng khổ, xa cách nhau cũng khổ, gần cạnh nhau không ưa cũng khổ, cầu mong làm không

được cũng khổ chi phối đủ điều... Tuy vậy, chỉ có nơi đây, họa và phước mới trùng trùng “*thay da đổi thịt*”. Nên với người cư sĩ cố gắng giữ cho vững Bát chánh đạo (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) để giúp nhận diện những cảm dỗ về danh, sắc và điều chỉnh mỗi hành động, suy nghĩ của bản thân mỗi lúc.

Trên con đường hướng thượng ở việc tu tập tại gia, khi làm được việc có chút ý nghĩa nhất định nào đó rồi, tôi hay nghĩ như thế này: Cái phước này không phải là mình. Ai khen, cảm ơn thì tôi nghĩ họ đang khen và biết ơn đến nghiệp (tốt) của ta (chứ không phải ta). Ngược lại, ai chửi mắng thì đang chửi cái nghiệp (xấu) của ta. Như vậy, sẽ không bị vương vào sự tự mãn khi có được thành công, hoặc suy sụp tự ti khi thất bại. Để rồi lại tiếp tục cố gắng, tiếp tục sống tốt, sống ý nghĩa, sống chân chính dựa trên nền tảng Bát chánh đạo.

Lìa phước, lìa họa, lìa khổ, lìa vui từng chút một như vậy đó, sẽ dần nhìn thấy bản thể chân thật trong mỗi chúng ta, là chơn tâm tịch lặng. Ở đó, không có họa, không có phước, không có cả chúng ta, hoà nhập vào tất cả, tất cả lại là chúng ta. Sự sợ vô ngại.

Giới luật được xem là cơ sở để duy trì mạng mạch Phật pháp. Có ý kiến cho rằng người cư sĩ khó lòng giữ gìn trọn vẹn ngũ giới vì đời sống thường nhật hay chung đụng bia, rượu, thuốc lá, dễ phạm việc sát sinh (làm tổn hại sinh mệnh các loài côn trùng nhỏ). Anh nghĩ gì về ý kiến này?

Người xưa có câu: “*Thứ nhất tu tại gia. Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa*” để thể hiện quan niệm tu tại gia thường được coi là khó nhất vì cùng lúc, người cư sĩ Phật giáo phải đóng trọn hai vai trò đối với đạo và đời. Trong đó, việc giữ giới trọn vẹn cũng là một vấn đề, bởi có những mối quan hệ công việc, làm ăn sẽ ảnh hưởng đến ngũ giới (bia, rượu).

Theo tôi, một người được xem là cư sĩ Phật giáo thì điều kiện cơ bản nhất là họ quy y Tam bảo để có chỗ dựa vững chắc trên con đường tu tập. Từ đó, sẽ giúp phát khởi tâm Bồ đề, có sự tín tâm và phát huy trí tuệ thông qua việc tìm hiểu các triết lý sống theo nhân



Tánh Pháp là tác giả của một trong những quyển sách về tâm linh thịnh hành nhất hiện nay - “Người sống cũng cần phải hồi sinh”.

cách của Đức Phật. Giới luật đặt ra là khuôn khổ, quy chuẩn để chúng ta không buông lung. Dành cho những ai chưa đủ định tâm, dễ sa đà vào cảm dõ. Còn nếu như Phật tử phát huy được những giá trị nền tảng của Bi, Trí, Dũng, tức biết sống hòa nhã, biết quan tâm, chia sẻ, tin tưởng vào Chánh pháp để thoát khỏi những khổ đau, thì khi đó chính cách sống của họ đã thể hiện ra giới luật trọn vẹn nhất.

Ngay từ thời Đức Phật, chúng ta cũng biết lúc đó chưa có thuốc lá, nên trong giới luật đâu có cấm hút thuốc. Nhiều người vịn cớ vào đó mà thoải mái hút. Nhưng rõ ràng tác hại của thuốc lá lớn vô cùng. Vì vậy, cư sĩ hãy sống đúng với thượng tôn pháp luật của thời đại, của đất nước đang sống. Cũng như tránh những hành động gây hại đến sức khỏe bản thân và người khác. Nhìn ở khía cạnh đó, chúng ta thấy không chỉ gói gọn trong ngũ giới đã nêu, mà còn thể hiện tính linh hoạt, vận dụng trí tuệ mọi lúc mọi nơi, sách tấn nhau tu tập.

Ngoài ra, theo tinh thần Pháp Hoa, tôi cảm nhận môi trường nào cũng có điều kiện để tu tập. Như ngay cả trong cuộc sống đời thường, cư sĩ tiếp xúc với đủ các loại hình trạng thái tâm lý khi gặp nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội, vì vậy sẽ có cái nhìn rõ và nhận diện được đâu là điều cần tránh. Trong một pháp thoại về thiền, tôi tâm đắc với ý của một sư thầy dạy rằng: Đọc kinh điển cũng phải thực hành mới biết. Trong đó, thầy chỉ vào ly trà trên bàn rồi nói, có ly trà uống thích quá nên mới có tâm khởi lên là muốn uống thêm ly nữa. Tâm tham khởi khi có duyên khởi là cái ly trà. Chứ cứ ngồi trực chỉ, ngồi thiền kiểu “thụ động” hoài thì đâu có thấy cái tâm tham, đâu có thấy đối tượng quan sát gì đâu.

Tương tự tâm sân cũng vậy, ngồi im mà quán tâm sân thì làm gì có sân mà quán. Lúc tâm chiếu rọi thì làm gì có sát na nào mà khởi lên cho được. Ngược lại, tự nhiên nghe một tiếng chửi, là duyên tới, tâm khởi lên liền, nghe lòng bùng, khó chịu, nóng nảy, bực bội, tức giận. Khi đó mới biết sân là gì, đã có “kinh nghiệm” thì khi thiền, mới hiểu đối tượng quan sát. Ở góc nhìn đó, thiết nghĩ, giới luật là điều kiện cần để Phật tử nhìn thẳng vào cuộc đời biết rõ đúng sai. Nhưng điều kiện đủ để chúng ta cảm ngộ ra những lời dạy của Đức Phật là khi mê mờ đã bị trí tuệ diệt sạch, thể hiện nên sự thanh tịnh từ Thân, Khẩu, Ý.

Anh có gợi ý gì cho các bạn trẻ khi tìm hiểu về Phật giáo không?

Nhiều bạn vẫn thường nhắn tin chia sẻ thiết lòng vào fanpage của tôi, là hay đi xem bói toán, các loại môn huyền học dựa trên tính toán ngày, tháng, năm sinh để theo đó mà định hướng cuộc đời, phụ thuộc vào những công thức để mằm mò đường đi nước bước làm ăn, tình duyên, công danh, năm thuận lợi hay không thuận lợi... Đó là một trào lưu phổ biến bây giờ với rất nhiều bạn trẻ.

Tôi thấy điều này không sai, mà cũng không đúng. Không sai vì tất cả chỉ là phương tiện, một cơ duyên ban đầu hợp với căn cơ của bạn ấy. Cơ bản cũng chỉ là lòng thành muốn sống tốt, muốn hướng đến điều tốt đẹp, điều kiện bước đầu của tu tập, nên nếu phân bác ngay từ đầu thì không nên. Ngoài ra, tôi thấy không đúng khi mà cứ mãi tin bất chấp, gửi niềm tin vào lực bên ngoài quá nhiều, hướng tâm ra ngoài quá nhiều, trong khi bản thân không có bất kỳ hành động nào thay đổi. Cứ việc xấu là đổ thừa tại năm xui tháng hạn, rồi cứ loay hoay mãi theo những lời phán, lời đoán của những công thức con số, lá bài thì làm sao mà bớt khổ được.

Phải tin vào chính bản thân. Vì nghiệp xấu khi đã đến, nó không có nể nang bất cứ điều gì. Không vì bạn có một dãy số đẹp như mơ trong ngày, tháng, năm sinh mà nó né bạn ra để đi tìm người khác. Hoặc khi đã đủ quả lành thì dù đó là năm sao xấu nhất chiếu mạng thì cỡ nào bạn cũng tự nhiên sáng rực, thành công. Vì vậy, trong mỗi giây phút, hãy tranh thủ làm nhiều việc phước lành, tích lũy công đức thật vững chắc, tự nhiên mọi chuyện suôn sẻ hanh thông, cũng như “*khi hoạn nạn chỉ có phước mới cứu được mình*”.

Liên quan đến chuyện các con số, cách đây nhiều năm, mình có nghe được một đoạn phỏng vấn ngắn của thầy Thích Nhất Hạnh nói về những con số đẹp và ngày đẹp. Cụ thể con số nào nó cũng tốt, cũng đẹp cả, cũng là lời nhắc nhở cho việc rèn luyện thân, khẩu, ý, tâm tính của chúng ta. Số 1: Nhất như. Số 2: Âm dương hay thân tâm. Số 3: Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Số 4: Tứ đế. Số 5: Ngũ căn ngũ lực. Số 6: Lục độ. Số 7: Thất Bồ đề phần. Số 8: Bát chánh đạo.

Thầy kết luận, ngày xấu là ngày trái tim ta không được trong sáng. Từ đó suy ra, con số xấu hay năm

VỮNG CHẢI TINH TẤN

xấu là do từ trái tim nhiễm bụi trần, phiền não của chúng ta mà ra. Chứ thật chất có con số nào, có năm nào xấu đâu. Càng bám chấp, lệ thuộc và đặt lòng tin vào các con số để quyết định cho vận mệnh, cho chuyện làm ăn... hoặc định hướng cả cuộc đời thì chúng ta càng bị ngũ uẩn ngăn che, bị kẹt vào cuộc sống: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thể nhận ra được sự màu nhiệm trong tâm linh và cả những chân lý hiện hữu ngay trong cuộc sống. Cứ trả mọi thứ về không, mọi công đức và kết quả màu nhiệm sẽ hiển hiện ra. Tức là hãy làm mọi việc trong sự chú tâm, trong những hành động chân chính, hướng đến lợi ích cho nhiều người, hơn là sự đối phó, vay trả, dối chác, thỏa thuận để đạt được điều gì đó chỉ cho riêng bản thân. Hãy cứ làm với tâm thật sự thiện lương, rồi bình an sẽ hiện hữu cùng bạn.

Với kinh nghiệm của bản thân là một người tự tìm tòi, rồi hữu duyên để ngày càng dần thân vào Phật pháp, không những mang lại lợi lạc cho bản thân mà còn chia sẻ phước lành ấy, mang đến ánh sáng niềm tin, ý nghĩa sống tích cực cho độc giả của mình, anh làm thế nào để giữ tinh thần tinh tấn luôn vững chãi trước vô vàn ngã rẽ cuộc đời mình?

Tôi nghĩ làm việc gì cứ chuyên tâm mọi việc sẽ thành. Đó chính là sự chú ý (chánh niệm) vào từng hành động: Chú ý giao tiếp, chú ý đi đứng, chú ý ăn uống, chú ý làm việc... Chẳng hạn khi giao tiếp với một người, chúng ta chú ý lắng nghe họ nói. Chúng ta quan sát và nhận ra những dòng suy nghĩ, những câu từ mà chúng ta định nói ra. Điều này sẽ giúp tạo thiện cảm với người khác khi chúng ta tôn trọng từng lời nói của họ. Cũng như hạn chế rủi ro do những phát ngôn thiếu suy nghĩ mà vô tình gây tổn thương người khác.

Sự thực hành chánh niệm còn ở việc ngay khi ngủ dậy, chúng ta biết mình thức giấc. Đặt chân xuống đất biết bàn chân chạm đất. Chứ không phải đang vừa mở mắt, đầu đã nghĩ ăn sáng gì đây, chạy tới chỗ làm đường nào, hôm nay công việc sắp xếp ra sao... Sự dễ tâm chạy quá nhanh so với hành động đang diễn ra sẽ làm suy giảm hiệu quả của việc cần làm. Và dĩ nhiên, tôi vẫn đang trên bước đường thực hành những điều đó, nên đâu thể tránh khỏi những lúc tinh thần bị chao đảo trước những tác động trong cuộc sống. Những khi ấy để có thêm vững chãi, tôi nghĩ rằng có được những người bạn đồng đạo tốt sẽ sách

tấn chúng ta rất nhiều, “*ăn cơm cần có canh, tu hành cần có bạn*”. Như tại tịnh thất Hoa Nghiêm nơi tôi làm công quả, tôi gặp được một vị sư huynh mới xuất gia. Mỗi ngày cứ 4h00 sáng sau thời công phu chú Lăng Nghiêm, sẽ ở lại chánh điện lần lượt đọc từng chữ rồi đứng lên quỳ xuống lạy 200 lạy trong kinh *Pháp Hoa* để gửi niệm lành, bình an đến mọi người.

Sau buổi cùng nhau lạy trang kinh đầu tiên, sư huynh kể về trải nghiệm bản thân và nói với tôi rằng: “*Sự vi diệu của Phật pháp chỉ có thể tự bản thân chứng nghiệm thôi ă!*”. Mà chính như bản thân sư huynh ấy thừa nhận từng là một tay ăn chơi thứ thiệt, trải đủ không thiếu một món ăn chơi nào. Vậy mà khi có duyên đọc được một câu chữ trong kinh thì tự động thay đổi tính tình, từ bỏ tất cả thói



Ảnh tác giả Tánh Pháp (Soul)

xấu trước đây, kiên thành tinh tấn không ngờ. Tôi hết sức ngạc nhiên vì chỉ có hai năm tụng kinh, mà một tay “tứ đồ tường” ngày nào đang ngồi giảng giải từng ý nghĩa trong kinh, mà rất thâm diệu.

Điều khiến huynh ấy đặt trọn lòng tin còn là vì nhờ lạy mấy chục ngàn lạy mà vượt qua một tai nạn tưởng gần chết, mà giờ vẫn khỏe mạnh. Rồi sư huynh đưa hai đầu gối cho tôi xem, hai bên cộm lên những cục da chai dày, “dấu vết” của việc kính thành lạy Phật mỗi ngày, suốt hai năm qua. Cũng chính nhờ cục chai này mới phát duyên có sự xuất gia ở hiện tại. Chạm vào cục chai đó tự nhiên thấy mình có phước được gặp gỡ một “vị thầy” của sự bền lòng, vững chí, sống động trong đời thực. Câu chuyện của sư huynh càng động viên tôi thực hiện cho tâm ý của bản thân.

Câu hỏi cuối cùng, theo anh “Chánh tinh tấn” của người ở Đạo và ở Đời giống và khác nhau thế nào? Trong đời sống hàng ngày mỗi người chúng ta đều mang trên vai những trách nhiệm, nghĩa vụ phải ưu tiên hoàn thành trước việc tu tập. Vậy việc giữ trọn Chánh tinh tấn liệu có mâu thuẫn, đối nghịch dẫn đến mất đi an vui trên con đường tu tập tâm linh không? (Ví dụ, đặc biệt là người phụ nữ với những trách nhiệm làm vợ, làm mẹ phải chăm lo gia đình, không đủ thời gian để miên mật thực hành sám hối, đọc kinh, thiền định... sẽ dễ dẫn đến việc tự trách bản thân mình giải đãi). Với kinh nghiệm của mình cũng như được tiếp xúc nhiều trường hợp thực tế từ bạn đọc trên fanpage “Chuyện của Soul” và đọc giả sách anh đã xuất bản, anh có lời khuyên gì cho các trường hợp như thế không?!

Mỗi người đến với cuộc đời này bằng những mối duyên khác nhau. Vì khác nhau nên nhận thức và mục tiêu cuộc sống cũng chẳng ai giống ai. Có người sẽ tìm thấy hạnh phúc bình yên thông qua sự sung túc vật chất. Có người lại chọn một đời sống hướng thượng tâm linh là giá trị hướng đến hoặc có người lại kết hợp hài hoà cả hai. Tùy theo nhu cầu, Đức Phật cũng chỉ ra rằng, để có được hạnh phúc vật chất cần đủ bốn điều kiện sau: *Thứ nhất*, phải khéo léo, phải có chuyên môn, nghị lực trong công việc mình đang làm. *Thứ hai*, phải bảo vệ tiền của nhà mình kiếm được trong gian khó một cách kỹ lưỡng. *Thứ ba*, không nên giao du với người xấu. *Thứ tư*, phải chi tiêu chừng mực, đúng lúc đúng chỗ.

Để đạt được hạnh phúc tinh thần cần có bốn nguyên tắc: *Thứ nhất*, phải có lòng tin vào những giá trị đạo đức, tinh thần và tâm linh. *Thứ hai*, phải từ bỏ những việc ác như sát sinh, trộm cắp. *Thứ ba*, phải thực hành lòng thương xót và bố thí cho những kẻ bất hạnh, cơ nhỡ. *Thứ tư*, phải trau dồi trí tuệ để tìm kiếm hạnh phúc tâm linh tối thượng. Trên con đường đạt đến sự giác ngộ, có rất nhiều phương tiện. Phương tiện mà bạn đang áp dụng có thể chưa hẳn là chân lý, nhưng phải hợp lý thì mới giúp chúng ta an ổn về cả đời sống vật chất lẫn tinh thần.

Như với người tu tập sẽ dành thời gian nhiều cho việc thiền định, công phu kinh kệ, tìm hiểu tâm linh. Người lao động, sản xuất sẽ dành thời gian nhiều cho công ăn việc làm, kinh doanh. Một người làm ăn mà công việc chưa thuận lợi như kế hoạch thì rõ ràng phải xem lại sự hợp lý trong cách thức, quy trình có phù hợp với nhu cầu hiện tại hay vị trí công việc đó có phù hợp với bản thân chưa. Một người hướng về đời sống tâm linh nhưng không thấy an ổn, phải xem lại phương pháp thực hành đó có đang quá sức hay bị tắc chỗ nào. Chính khi nhìn nhận ra những khiếm khuyết, sai lầm, điều chỉnh từ từ, chỉnh đến khi nào thấy hợp lý thì tự nhiên chân lý sẽ hiển hiện. Đó là điểm tôi nghĩ có nét tương đồng ở tinh tấn giữa đạo và đời.

Tuy vậy, Chánh tinh tấn thể hiện ở đạo là sự dũng mãnh, kiên cường hướng đến mục đích chân chính tốt đẹp, giải thoát. Khác rất nhiều so với nỗ lực của thế gian để đạt được những địa vị, quyền lợi, chiếm hữu riêng cho bản thân. Tuy vậy, dù ở đạo hay đời chúng ta cũng đừng để rơi vào sự quá cực đoan, đừng để cho bản ngã trỗi dậy. Do đó, chúng ta cứ linh hoạt, “tùy duyên thuận pháp” mà tiếp nhận những góc nhìn, những trải nghiệm, mở tâm rộng lớn để dung hoà và giúp cho bản thân ngày càng phát triển. Vì mỗi người đều có một vai trò riêng. Dù muốn hay không, sự hiện hữu của chúng ta đã gắn liền với rất nhiều những con người khác bằng các mối nhân duyên để hoà cùng dòng chảy của nhân sinh tạo dựng nên thế giới.

Xin cảm ơn anh vì những chia sẻ vô cùng quý báu đến với Tạp chí Văn Hoá Phật Giáo. Ban Biên tập xin chúc anh mọi sự an lạc, bình an và hạnh phúc. Vô cùng trân trọng và biết ơn!

VỮNG CHÃI TINH TẤN

ĐỜI SỐNG PHẠM HẠNH



CỦA SA MÔN



Mặc Nhiên*

DẪN NHẬP

Phật giáo ra đời đã đề ra những phương pháp tu tập mà nếu như cá nhân hay xã hội nào có thể thực hành theo thì đều đạt được hạnh phúc. Tư tưởng Phật giáo đó là những phương pháp, cách thức, giúp cho hành giả áp dụng vào đời sống hằng ngày. Tất nhiên, mỗi cá nhân tồn tại trong không gian và thời gian cụ thể nên Phật giáo cũng hướng đến từng cá nhân, với những phương pháp cụ thể tùy vào căn cơ của mỗi người nhằm hoàn thiện khả năng hòa nhập của cá nhân với xã hội; hoàn thiện nhân cách; mở rộng hiểu biết và tìm được lối đi của chính mình.

ĐỨC SA-MÔN GOTAMA

Dù người ở ngoài xã hội hay ở trong đạo cũng cần có người dẫn đầu toàn năng toàn trí. Người dẫn đầu của đạo Phật chính là Đức Sa-môn Gotama hay là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Các đệ tử xuất gia tu tập theo Ngài được gọi là Sa-môn Thích tử. Đức Phật đã rời bỏ đời sống giàu sang ở chốn hoàng cung, chấp nhận nếp sống kham khổ của một vị Sa-môn không nhà không cửa, không người thân quyến, quyết tâm tu dưỡng giới đức, tâm đức, tuệ đức, sống đời sống phạm hạnh. Sau khoảng 06 năm tu tập cũng đến ngày Ngài đạt được giác ngộ, năm Ngài 35 tuổi. Từ đó, Ngài được mọi người tôn quý gọi là “*Sa-môn Gotama - bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác (Arahato Sammasambuddho)*”.

Để người đời gọi là Sa-môn và tự nhận mình là Sa-môn thì vị ấy cần phải thực hành các pháp tác thành của Sa-môn mới có thể có danh xưng chơn chánh và xứng danh là “*Sa-môn Thích tử*”. Với đạo hạnh của Đức Thế Tôn được mọi người cung kính và xứng đáng thọ nhận bốn sự cúng dường, xuất gia không phải trở thành người vô dụng, trái lại việc đó đem đến lợi ích lớn, có thành quả lớn, và hơn thế chúng ta có thể hiểu thêm nhân phẩm đáng quý của đời sống Sa-môn như trong kinh *Trung Bộ I*, kinh *Potaliya*, số 54 viết: “*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật sự đã gọi ở nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các vị Sa-môn, lòng tịnh tín Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tôn kính Sa-môn đối với các Sa-môn*”.

Trong kinh *Pháp Cú* thuộc Khuddaka Nikaya, kệ số 388 dạy:

“*Bāhitapāpoti brāhmaṇo samacariyā samaṇoti vuccati,
Pabbājayattano malaṃ tasmā pabbajitoti vuccati*”.

Dịch Việt:

*Đứt ác gọi Phạm Chí,
Tịnh hạnh gọi Sa-môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi bậc xuất gia.*

(HT. Thích Minh Châu)

Tư tưởng Phật giáo
đó là những phương
pháp, cách thức, giúp cho
hành giả áp dụng vào
đời sống hằng ngày.

Trong tập thể, mỗi người đều có vai trò, trách nhiệm xây dựng tập thể vững mạnh, hài hòa với vận hành chung của xã hội, đem lại lợi ích cho cả tập thể và từng cá nhân. Để đạt đến những đến điều đó, mỗi hành giả trong Tăng đoàn có những bốn phận - các pháp tác thành cần thành tựu và chướng ngại cần phải vượt qua. Các pháp tác thành nên Sa-môn gồm trong pháp học - Tam tạng kinh điển và pháp học là Giới - Định - Tuệ. Bên cạnh đó, cần vượt qua những trở ngại lớn nhỏ luôn bủa vây lấy người tu hành mỗi giây mỗi phút, ở tận sâu trong tiềm thức hay thể hiện ra như mây mù che lối người đi đường dễ cản bước chân, che lối đi và làm người ta lạc lối trong đó, mù mờ về tương lai. Những chướng ngại đó là các thói quen xấu hằng ngày, là những triền cái hay lậu hoặc khó trừ, khó bỏ mà các Sa-môn đệ Thích tử phải nỗ lực hết mình để chiến đấu vượt qua.

BA NGÔI TAM BẢO

Đầu tiên chúng ta cần tìm hiểu sơ lược về Phật-Pháp-Tăng, tức là ba ngôi Tam Bảo để hiểu hơn về đời sống phạm hạnh của Sa-môn cần phải trải qua những con đường nào hướng đến lộ trình giác ngộ tự tâm. “Phật” tiếng Pāli là ‘Buddha’ với căn là “Bud” nghĩa là sự hiểu biết, sự giác ngộ. Trí biết ấy là biết một cách sâu sắc về bản chất của vạn pháp không có “tôi” “ta”, vạn vật thay đổi vô thường biến hoại; hiểu biết về sự thống khổ do đâu, nguyên nhân thống khổ là do thiếu trí tuệ còn Phật thì trí tuệ tròn



Kinh Trường A-hàm (tập 1) viết: “Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, có tâm từ đối với hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khổ cũng không buồn, gặp vui cũng không mừng, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn”.

đầy. Thức ăn của thiếu trí tuệ là ái dục và chấp thủ. Trong kinh *Mi Tiên Vấn Đáp*, đức vua Mi Lan Đà đã hỏi về sự tối thắng của đức Phật như thế nào, ngài Na Tiên đã trả lời như sau: “*Phật là bậc tối thượng, tối thắng là vượt người, là vượt trời; là thầy của chư Thiên và loài người*”.

Sa-môn là danh từ chung chỉ cho các tu sĩ hay đạo sĩ, người rời bỏ đời sống gia đình đi xuất gia, cạo bỏ râu tóc và khoác lên người chiếc áo cà sa. Vị Sa-môn sống bằng hạnh khát thực tức nhờ vào sự bố thí của người khác. Ngày đêm suy tư, tìm cầu con đường đưa đến chấm dứt luân hồi khổ đau, thành tựu quả giải thoát Niết bàn. Sa-môn ngoại đạo hay là Sa-môn Bà-la-môn được dùng chung cho tất cả người tu hành theo các trường phái ngoài Phật giáo ở Ấn Độ thời cổ. Người ngoại đạo gọi Đức Phật là Sa-môn Gotama (hay Gautama), và gọi đệ tử của Ngài là Sa-môn Thích tử. Từ đó, Đức Phật sử dụng danh từ Sa-môn nhưng theo nghĩa mới của Phật: “*Sa-môn Thích tử*” là người đoạn trừ tất cả ác pháp,

thực hành mọi hạnh lành, chứ không phải vì xuống tóc, mặc áo cà sa, mà gọi là Sa-môn.

Danh từ Sa-môn, phiên âm từ tiếng Phạn Sa Ca Muộn Nã (Phạn: श्रमण śramaṇa; Pāli: शमण samaṇa), đời Diêu Tần dịch là Càn Hành, nghĩa là siêng tu những pháp lành, đi đến Niết bàn, đời Đường dịch là Càn Tức, nghĩa là người này siêng tu thiện phẩm, dứt các điều ác. Có khi gọi là Sa-môn Na, hoặc Môn. Ngoài ra, Sa-môn được định nghĩa trong các kinh đa dạng như sau:

Đại Phương Quảng Bảo Khiếp kinh chép: “*Lìa hết các trói buộc, cho nên gọi là Sa-môn*”. Kinh *Bảo Tích* chép: “*Sa-môn nghĩa là tịch diệt, điều phục, thọ giáo, giới thân tịnh, như thật được giải thoát, lìa tám pháp ở đời, tâm vững vàng không lay động như đất, hộ trì ý mình người, không đắm nhiễm ở nơi các hình tướng, như đưa tay dao động ở giữa hư không, không bị ngăn ngại, thành tựu nhiều pháp như thế cho nên gọi là Sa-môn*”.

Kinh Trường A-hàm (tập 1) viết: “Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, có tâm từ đối với hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khổ cũng không buồn, gặp vui cũng không mừng, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn”.

Sa-môn (Samana) được mọi người quý trọng và tin tưởng, nên Đức Phật rất quan tâm giáo dục hàng đệ tử xuất gia về lý tưởng và mục đích của đời sống Sa-môn. Ngài nhắc nhở các Tỷ kheo: “Sa-môn! Sa-môn! Đây các Tỷ kheo, dân chúng biết các thầy là vậy. Nếu các thầy có được hỏi: “Các thầy là ai?”, các thầy phải tự nhận: “Chúng tôi là Sa-môn”. Đây các Tỷ kheo, các thầy đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì đây các Tỷ kheo, các thầy phải tự tu tập như sau: “Những pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, chúng ta sẽ tu tập pháp môn ấy. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chính và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật. Và những thứ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích”.

HẠNH SA-MÔN

Thế nào là xuất gia làm Sa-môn có kết quả, có thành tích, không trở thành vô dụng? Theo lời Phật thì Sa-môn có nghĩa là: “Người làm cho dừng lại các ác, bất thiện pháp, những pháp này làm ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai”.

Trong kinh *Lôi Cây*, Đức Phật dạy có năm hạng người hướng đến xuất gia, do thấy khổ trên cuộc đời và khổ xảy ra cho bản thân mình. Vị này muốn chấm dứt khổ vĩnh viễn nên chọn con đường xuất gia, từ bỏ đời sống gia đình đi vào đời sống không gia đình.

- Hạng thứ nhất xuất gia một thời gian vì lợi dưỡng vật chất, được cung kính cúng dường, khiến tâm bị ô nhiễm, sanh tự mãn thích hưởng thụ.
- Hạng thứ hai cố gắng vượt qua lợi dưỡng và cung kính, thành tựu giới đức nhưng sanh tự mãn, khen mình chê người.
- Hạng thứ ba tiến đến chứng đắc các tầng thiên nhưng lại sanh tự mãn.
- Hạng thứ tư đạt tri kiến (thấy, hiểu) rồi sanh tâm tự mãn, cống cao.
- Hạng thứ năm nhìn sâu vào bản chất các pháp

bằng cái nhìn thiên quán, đoạn trừ các lậu hoặc, đắc đạo quả giải thoát: Tâm giải thoát này chính là cứu cánh của đời sống phạm hạnh.

Bốn hạng người đầu vì tự mãn, cống cao nên sẽ khiến cho sự tu tập chững lại, hoặc mất đi dẫn đến những ác pháp bất thiện, còn hạng thứ năm vì nhìn được bản chất thật sự của các pháp biết cho mình một hướng tu tập để hướng đến những thiện pháp cuối cùng sẽ hoàn thành sở nguyện chứng đắc đạo quả giải thoát giác ngộ.

Trong mục số 18, theo kinh *Na-Tiên Tỷ kheo* thuộc hệ thống Mahayana có nêu lên bốn hạng người đi tu theo hạnh Sa-môn: (1) Người vì nợ nần; (2) Người vì sợ quan quyền; (3) Người vì nghèo khó; (4) Người muốn dứt bỏ mọi khổ nhọc đời này, đời sau. Và Tỷ-kheo Na-Tiên cho biết, mình đi tu làm sa-môn là vì cầu Đạo.

Trong *Đại Kinh Xóm Ngựa*, Đức Phật thuyết về 7 pháp tác thành một vị Sa-môn khác như sau: 1. Biết tầm quý; 2. Thân hành thanh tịnh; 3. Khẩu hành thanh tịnh; 4. Ý hành thanh tịnh; 5. Mạng sống thanh tịnh; 6. Hộ trì các căn; 7. Chú tâm cảnh giác. Bảy nguyên tắc tác thành vị Sa-môn mang tinh thần giới luật đầu tiên, đề cao giới luật của Phật giáo. Bảy nguyên tắc là nền tảng để xây dựng đời sống phạm hạnh cho người xuất gia có chí hướng cầu giải thoát giác ngộ. Vì một vị xuất gia thành tựu những nguyên tắc này thì danh xưng Sa-môn của vị ấy mới chơn chánh, như thật, và vị ấy xuất gia không thành kẻ vô dụng. Ngược lại, người xuất gia không thực hành những nguyên tắc này thì danh xưng Sa-môn của vị ấy không chơn chánh, không như thật, mặc dù vị ấy có hình thức là người xuất gia, vị ấy sẽ trở thành kẻ vô dụng.

Hành giả tu tập chuyên tâm, ngày đêm học hỏi, nghiên cứu giáo lý, thông suốt về giáo pháp lẫn giáo nghĩa. Pháp học bao gồm Tam tạng Phật điển thông qua tiến trình tu tập “Văn-Tư-Tu”:

- Văn tuệ: Là phương pháp tu tập trí tuệ nhờ vào sự nghe hoặc trực tiếp nghiên cứu, tụng đọc giáo lý mà lãnh hội ý nghĩa, phát sanh trí tuệ.
- Tư tuệ: Là trí tuệ có được nhờ vào quá trình tư duy, xét đoán, trầm tư về những lời dạy của Đức Phật mà khai sáng thêm trí tuệ. Đây là giai đoạn tiếp theo văn tuệ, tư duy những gì đã được nghe, được



Trong kinh *Pháp Cú* thuộc Khuddaka Nikaya, kệ số 388 dạy:

*“Bāhitapāpoti brāhmaṇo samacariyā samaṇoti vuccati,
Pabbājayattano malaṃ tasmā pabbajitoti vuccati”.*

Dịch Việt:

*Dứt ác gọi Phạm Chí,
Tịnh hạnh gọi Sa-môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi bậc xuất gia.*

(HT. Thích Minh Châu)

đọc... Đó là tư duy về giáo lý Tứ đế, Thập nhị nhân duyên... liên hệ đến con người và sự vật.

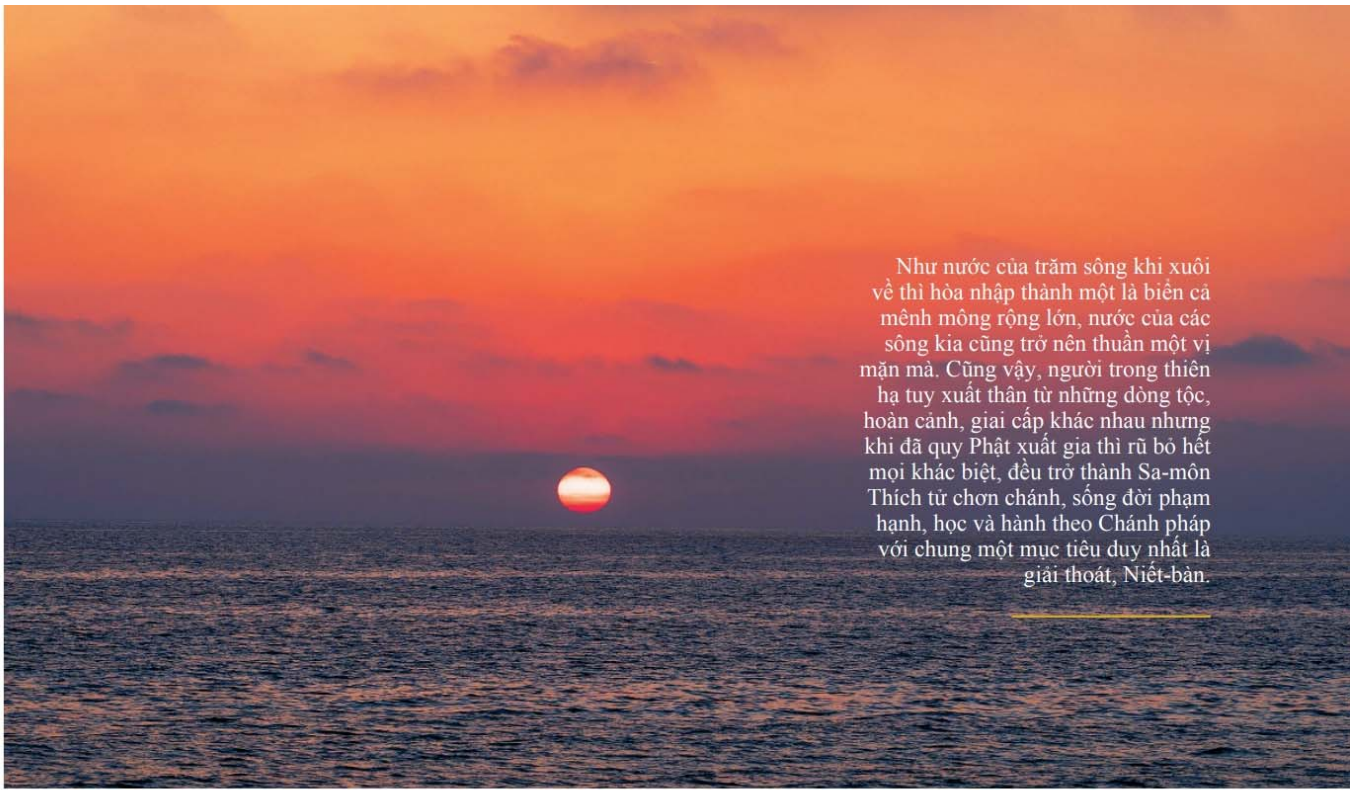
- Tu tuệ là đem áp dụng trí tuệ đó vào cuộc sống mà tu tập và hành trì thông qua thiền định, để thể nghiệm và thể nhập sự thật của các pháp là vô thường, khổ và vô ngã. Thực hiện pháp hành thì có bảy bước thanh tịnh, nhằm phát sanh trí tuệ trong lúc tu tập Thiền quán là 16 tầng Tuệ Minh sát.

Dù các pháp tác thành vị Sa-môn Thích tử thật phong phú nhưng đều quy về mục tiêu tối cao là giác ngộ giải thoát cho nên trong kinh *Đại Bát Niết Bàn* khi được hỏi Đức Phật đã trả lời như thế này: *“Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn... Này Subhadda, nếu những vị Tỳ kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán”.*

Sa-môn phạm hạnh cần có tinh tấn là một trong năm sức mạnh (ngũ lực). Và các sức mạnh khác được giải thích như sau: Sức mạnh của tín (niềm tin) cần phải tìm thấy trong Bốn Dự Lưu phần. Sức mạnh của Tấn cần phải tìm thấy trong Tứ Chánh Cần. Sức mạnh của Niệm (ghi nhớ) cần phải tìm thấy trong Tứ Niệm Xứ. Sức mạnh của Định cần phải tìm thấy trong Tứ Thiền. Sức mạnh của Tuệ (hiểu biết thấu đáo) cần phải tìm thấy trong Tứ Thánh Đế. Sa-môn ví như hồ nước trong mát khéo xây cát ở ven đường, có thể giúp giải trừ cảm giác mệt mỏi và nóng bức, mang lại sự thoải mái, an lạc cho những kẻ bộ hành đường xa bị mệt mỏi và nóng bức.

Như vậy, vị Sa-môn phạm hạnh do siêng năng tu tập, hiện tại được mọi người kính nể. Khi thân hoại mạng chung được giải thoát, niết bàn. Do nhờ giới thanh tịnh, nên các pháp thanh tịnh được phát sanh, được tăng trưởng, chứng ngộ trí tuệ viên mãn và đạt được an lạc ngay trong hiện tại cũng như tương lai. Cảnh giới tái tục hoặc chứng quả vô sanh của người chứng tứ thánh quả hướng về Niết bàn giải thoát.

Như nước của trăm sông khi xuôi về thì hòa nhập thành một là biển cả mênh mông rộng lớn, nước của các sông kia cũng trở nên thuần một vị mặn mà. Cũng vậy, người trong thiên hạ tuy xuất thân từ những dòng tộc, hoàn cảnh, giai cấp khác nhau nhưng khi đã quy Phật xuất gia thì rũ bỏ hết mọi khác biệt,



Như nước của trăm sông khi xuôi về thì hòa nhập thành một là biển cả mênh mông rộng lớn, nước của các sông kia cũng trở nên thuần một vị mặn mà. Cũng vậy, người trong thiên hạ tuy xuất thân từ những dòng tộc, hoàn cảnh, giai cấp khác nhau nhưng khi đã quy Phật xuất gia thì rũ bỏ hết mọi khác biệt, đều trở thành Sa-môn Thích tử chơn chánh, sống đời phạm hạnh, học và hành theo Chánh pháp với chung một mục tiêu duy nhất là giải thoát, Niết-bàn.

đều trở thành Sa-môn Thích tử chơn chánh, sống đời phạm hạnh, học và hành theo Chánh pháp với chung một mục tiêu duy nhất là giải thoát, Niết-bàn. Sa-môn Thích tử là người đã hoàn thiện chính mình hay đang trên con đường hoàn thiện, đã đoạn tận tất cả các ô nhiễm lậu hoặc nơi tâm trở thành bậc chân nhân. Tinh tấn nỗ lực đoạn trừ các tâm ô nhiễm ngủ ngầm trong tâm, hướng đến giải thoát mọi nhiễm ô, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn.

Trong cuộc sống hằng ngày, nếu ta không nhận biết được tâm ta hiện khởi gì thì không thể trừ diệt được, vì thế nếu nói tu là sẽ giống tu mù, không biết nó sao đoạn tận lậu hoặc. Tu chính là sửa, sửa đổi những tập khí xấu thành tốt, thiện lành. Thấy điều gì là pháp bất thiện làm tâm dao động thì không nên làm, không làm nô lệ, nuôi dưỡng dục vọng của tâm tham, sân, si. Trên con đường tu tập cần trau dồi pháp học từ trí văn bằng cách học, nghe, tìm hiểu, tiếp thu và tiếp nhận giáo pháp của Đức Phật đúng Chánh pháp, sử dụng trí tư trong việc tu tập và pháp hành, thành tựu Tam vô lậu học (Giới - Định - Tuệ).

Chúng ta hãy kiên định trên con đường này như Phật đã khuyến khích. Chúng ta tin tưởng vào một tương lai tươi sáng của Phật giáo, vừa nhận thấy trách nhiệm trạch pháp quan trọng của tự thân, đó là mình định rõ ràng đâu là giáo lý của Phật, đâu là hổ thẹn ngũ dục mình cần phải tránh xa. Vượt lên tất cả chướng ngại, chúng ta hãy nỗ lực tu hành và

thực hiện bản nguyện của Phật: *“Này các Tỳ kheo, các người cần phải du hành, vì an lạc cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc của chư thiên và loài người. Các người hãy thuyết giảng Chánh pháp tuyệt diệu trong ban đầu, tuyệt diệu ở chặng giữa, tuyệt diệu ở đoạn cuối, đầy đủ trong ý nghĩa và ngôn thuyết. Các người hãy đề cao đời sống phạm hạnh toàn diện và thanh tịnh”*.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

*Tên thật là Nguyễn Thanh Long, pháp danh là Hải Tạng, hiện công tác tại Trung tâm Biên phiên dịch - Tư liệu Phật giáo Quốc tế - Vĩnh Nghiêm Tùng Thư.

1. Thích Minh Châu (dịch) (2017), *Trường Bộ kinh*, tập I, II, Việt Nam: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo.
2. Thích Minh Châu (dịch) (2017), *Trung Bộ kinh*, tập I,II, Việt Nam: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo.
3. Thích Minh Châu (dịch) (2005), *kinh Tăng Chi Bộ I,II,III*, Việt Nam: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo.
4. Thích Minh Châu (dịch) (2005), *Kinh Tương Ưng Bộ I,II,III*, Việt Nam: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo.
5. Phạm Kim Khánh (dịch) (1998), *Đức Phật và Phật Pháp*, Việt Nam: Nxb. TP HCM, 1998.
6. Đức Hiền (biên soạn) (2017), *kinh Pháp Cú* (Phân tích từ ngữ Pāli), Việt Nam: Nxb. Tôn giáo.
7. Độ Sa-môn Thích Quảng (dịch) (2014), *Phật Quang Đại Từ Điển*, Nxb. Phương Đông.
8. Tuệ Sỹ (Việt dịch) (2014), *kinh Trường A-hàm*, Nxb. Tôn giáo.
9. HT. Giới Nghiêm (dịch) (2014), *kinh Mĩ Tiên Văn Đáp*, Nxb. Tôn giáo.
10. Bhikkhu Anālayo, Nguyễn Văn Ngàn (dịch) (2017), *Satipatthāna Con đường thẳng tới chứng ngộ & Nguyên cứu đối chiếu với các bộ A-hàm*, Nxb. Hồng Đức.

NHÂN QUẢ CÔNG BẰNG

Thích Nữ Diệu Hoa

Từ tế thường ta sẽ được an nhiên
Không buồn khổ hay muộn phiền quấy nhiễu
Lương thiện tánh như ánh trăng huyền diệu
Xua bóng đêm rọi chiếu khắp vùng trời

Thanh tịnh lòng nhủ dạ chớ buông lơi
Luôn chánh niệm thì một đời giải thoát
Bằng giải đãi nghiệp chướng vây hàng loạt
Mệt mỏi thêm nếu đã trót gieo sâu

Nhân quả thì không tránh khỏi được đâu
Từ muôn thuở trồng bầu không gặt tảo
Ươm bí đỏ chẳng ra dưa lúa gạo
Lẽ đương nhiên vì cáo chẳng sanh mèo

Phật dạy rồi tinh tấn gắng hành theo
Tâm độ lượng giàu hay nghèo rõ biết
Học người trí đúng sai cần phân biệt
Tựa loài sen thanh khiết giữa ao sinh

Nơi cửa thiền thư thái mở trang kinh
Sống tỉnh thức sống yên bình hỷ xả
Tâm tĩnh lặng ý lành an lạc quá
Nhắc nhở nhau luật nhân quả công bằng.



ĐÓA HOA YÊU THƯƠNG

Nhật Quang



Sống làm người
ta hãy sống để yêu thương
lòng từ bi
như những cánh hoa luôn tươi nở
ánh xuân về trong lành rạng rỡ
tô thắm trần đời màu nắng tỏa lung linh

Lòng bao dung
thắm những ân tình
mang nhựa sống
ươm mầm cây hạnh phúc
đời sẽ ngát hương ngọt ngào đạo đức
ấm tình người, sâu nẻo biển thành thơ

Ta hãy đem yêu thương
gieo rắc
giữa cuộc đời
sẽ vui đi muôn khổ đau nhân thế
mang nụ cười che khuất bao dòng lệ
tình nhân ái chan hòa khắp muôn phương.



PHẬT GIÁO & **THỜI ĐẠI**

Nguồn



Phật giáo là tôn giáo lớn ở Việt Nam, hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) có 53.400 Tăng Ni, 18.200 cơ sở thờ tự, khoảng trên 14 triệu tín đồ và hàng chục triệu người có tình cảm tín ngưỡng Phật giáo.

LTS: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng bài viết *Nguồn lực của Phật giáo Việt Nam đối với đời sống xã hội và phát triển đất nước - nhận định và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý nhà nước* của ThS. Nguyễn Phúc Nguyên. Đây là bài tham luận trích từ Hội thảo Phát huy vai trò của Tăng, Ni GHPGVN trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ), tổ chức vào tháng 01/2022.

Phật lực

của Phật giáo • Việt Nam

**đối với đời sống xã hội và phát triển đất nước
- nhận định và những vấn đề đặt ra trong
công tác quản lý nhà nước**

Nguyễn Phúc Nguyên*

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ lâu đời và đã trở thành một thành tố quan trọng trong đời sống văn hóa của con người Việt Nam. Trải qua tiến trình lịch sử hơn 2.000 năm, Phật giáo luôn đồng hành với dân tộc và có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội, góp phần tạo nên bản sắc, cốt cách văn hóa, đóng góp to lớn vào công cuộc dựng nước và giữ nước. Trong giai đoạn hiện nay, thực hiện phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Phật giáo tiếp tục có nhiều đóng góp vào công cuộc đổi mới đất nước thông qua các hoạt động phật sự và hoạt động xã hội hướng đến con người, vì con người, trong đó các hoạt động an sinh xã hội là điểm sáng, thể hiện rõ tinh thần “nhập thế giúp đời” của Phật giáo Việt Nam.

Trải qua quá trình lịch sử gắn bó và đồng hành với dân tộc, nhiều triết lý của Phật giáo đã hòa quyện với triết lý sống, giá trị, chuẩn mực đạo đức của con người Việt Nam đến mức nhuần nhuyễn. Chẳng hạn, thuyết nhân quả của Phật giáo đã hòa quyện

với lối tư duy của người Việt để tạo thành triết lý sống tương đơn giản nhưng mang giá trị nhân văn sâu sắc: “ở hiền gặp lành”, “gieo nhân nào gặt quả ấy”... Hay hạnh Bồ thí của Phật giáo khi hòa quyện với tinh thần nhân ái của con người Việt Nam đã hình thành triết lý sống coi trọng việc thực hành điều thiện: “Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người”. Phát huy truyền thống gần bó, đồng hành cùng dân tộc, với phương châm “nhập thế giúp đời”, Phật giáo Việt Nam luôn tham gia tích cực vào các hoạt động nhân đạo, từ thiện, xã hội. Sự tham gia của Phật giáo vào an sinh xã hội ngày càng sâu rộng, với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt, đạt hiệu quả cao.

Phật giáo là tôn giáo lớn ở Việt Nam, hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) có 53.400 Tăng Ni, 18.200 cơ sở thờ tự, khoảng trên 14 triệu tín đồ và hàng chục triệu người có tình cảm tín ngưỡng Phật giáo. Phật giáo Việt Nam là tôn giáo có truyền thống lâu đời, với tinh thần hộ quốc an dân, Phật



Về trợ giúp y tế, Tăng Ni, Phật tử nhiều nơi đã hăng hái tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo; quyên góp hỗ trợ mổ mắt miễn phí cho bệnh nhân bị đục thủy tinh thể; tổ chức các bếp ăn từ thiện, nôi cháo tình thương cho bệnh nhân nghèo,...

giáo đã luôn hòa mình cùng với dân tộc và có nhiều đóng góp trong lịch sử cũng như trong hiện tại vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

1. NGUỒN LỰC CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Những năm qua, GHPGVN, trên tinh thần lục hòa, đã phát huy đoàn kết, giữ vững niềm tin đạo pháp, đẩy mạnh hoạt động giảng dạy giáo lý, giáo luật cho Tăng, Ni và tín đồ, xây dựng mối quan hệ giữa Phật giáo với các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể từ trung ương đến địa phương. Các hoạt động trên luôn thể hiện tinh thần tốt đời đẹp đạo, gắn liền với phương châm của GHPGVN: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Vì lẽ đó, Tăng Ni, Phật tử luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ mà GHPGVN đề ra, đóng góp phần công sức vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Song song với việc duy trì nề nếp hoạt động, nắm bắt tình hình quản lý cơ sở vật chất và hoạt động của Tăng Ni, Phật tử, GHPGVN còn tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Hiến chương và các văn kiện của Giáo hội... tới Tăng Ni, Phật tử nhằm hướng mọi hoạt động theo tôn chỉ mục đích của Giáo hội và quy định của pháp luật Nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương.

Phật giáo tham gia vào tất cả các nội dung chính của an sinh xã hội ở những mức độ khác nhau, bao gồm: Bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững; trợ giúp xã hội cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát triển bảo hiểm xã hội (bao gồm cả bảo hiểm y tế) và tiếp cận dịch vụ xã hội ở mức tối thiểu (dịch vụ giáo

dục, y tế, nhà ở tối thiểu; dịch vụ nước sạch và dịch vụ thông tin). Trước đây, Phật giáo chủ yếu tham gia vào nội dung nhân đạo, từ thiện và hình thức chủ yếu là quyên góp kinh phí để trợ giúp cho đồng bào bị thiên tai, lũ lụt. Việc trợ giúp thường xuyên chủ yếu dành cho một số cơ sở từ thiện (trung tâm bảo trợ, Tuệ Tĩnh đường). Hiện nay, Phật giáo đã mở rộng ra các hoạt động tăng cường giải quyết việc làm gắn với giảm nghèo bền vững; tổ chức trợ giúp cơ bản về giáo dục, y tế và chỗ ở cho người dân.

Với ý thức, trách nhiệm của người tu hành, những năm qua, Tăng Ni, Phật tử GHPGVN không ngừng phấn đấu thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng chùa cảnh gương mẫu gắn liền với chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do có sự tuyên truyền, phổ biến về chính sách tôn giáo và định hướng hoạt động cụ thể nên các chùa trên địa bàn huyện đều chủ động tổ chức các nghi lễ vừa bảo đảm trang trọng, vui tươi, tiết kiệm, đoàn kết, vừa thể hiện được nghi thức tôn giáo truyền thống theo đúng các quy định của pháp luật.

Là tổ chức có nhiều cơ sở thờ tự trên hầu khắp các địa bàn, đặc biệt là tại các đô thị, khu tập trung đông dân cư, do đó GHPGVN đã tích cực, chủ động triển khai việc tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh ở cơ sở thờ tự và khu dân cư. Những nội dung đáng chú ý của Phật giáo là xây dựng cơ sở thờ tự xanh, sạch, văn minh, bảo vệ môi trường ở khu dân cư và chống các biểu hiện mê tín dị đoan.

Theo đó, cùng với cải tạo cảnh quan các chùa hướng đến trở thành điểm du lịch tâm linh, các Sư trụ trì cam kết phối hợp cùng chính quyền quản lý tốt, không để tái phát các hiện tượng chèo kéo bán hương đèn, các đồ vật pháp khí gây cảnh nhốn nháo trước cổng chùa. Các Sư trụ trì cam kết vận động bà con Phật tử không tiếp tay cho những đối tượng bầy chim đem cất cánh để bán phóng sinh trước chùa; khi khách mua đem thả, chim không bay được xa, bị các đối tượng này bắt lại để bán tiếp. Tham gia xây dựng nếp sống văn minh ở khu dân cư, các Sư trụ trì vận động đồng bào Phật tử không đốt giấy vàng mã khi cúng, không tổ chức đám tang dài ngày, bảo vệ môi trường sống...

GHPGVN đã ký cam kết với Ủy ban An toàn giao thông quốc gia để vận động Tăng Ni nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông; tăng cường tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống không bị ô nhiễm; chú trọng giáo dục đạo đức học đường để các em học sinh có ý thức trong giao tiếp ứng xử.

GHPGVN phối hợp với chính quyền các cấp để phát hiện, xử lý những trường hợp giả danh, đội lốt tu hành để bán hương đạo, lừa đảo quyên góp từ thiện cũng là hoạt động hưởng ứng *Năm văn hóa văn minh đô thị*. GHPGVN cũng vận động Phật tử hưởng ứng, cam kết thực hiện việc cưới, việc tang, cầu nguyện, cúng Tổ tiên không có các hình thức dị đoan. Các nghi lễ được tiến hành bảo đảm thuận lợi và tốt đẹp nhất. Bên cạnh đó, là tham gia tích cực vào việc tạo cảnh quan cơ sở thờ tự trang nghiêm góp phần xây dựng văn hóa, văn minh đô thị. Đặc biệt, các vị chức sắc Phật giáo đã rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường sống xanh, sạch, đẹp; xây dựng nếp sống văn hóa trong quan hệ cộng đồng.

Về quy mô huy động nguồn lực, mức độ huy động nguồn lực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội không ngừng gia tăng. Trong những năm 1980, mặc dù đời sống của nhân dân cũng như của Tăng Ni còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng Phật giáo tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, thăm hỏi, tặng quà cho đồng bào vùng bị bão lụt, thiên tai. Tuy giá trị kinh tế không lớn, nhưng các hoạt động xã hội của Phật giáo thời kỳ này đã góp phần thiết thực vào an sinh xã hội trong bối cảnh khó khăn chung.

Kết quả huy động nguồn lực cho các hoạt động từ thiện xã hội của GHPGVN từ nhiệm kỳ III đến nhiệm kỳ VI như sau: Nhiệm kỳ III (1992-1997) là 111,733 tỷ đồng, nhiệm kỳ IV (1997-2002) 296,972 tỷ đồng, nhiệm kỳ V (2002-2007), đạt trên 400 tỷ đồng, nhiệm kỳ VI (2007-2012) lên tới 2.879,432 tỷ đồng, tăng gấp gần 10 lần nhiệm kỳ trước. Trong nhiệm kỳ VIII, công tác từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo có bước tiến vượt bậc. Chỉ trong 4 năm gần đây (2016-2019), tổng số kinh phí dành cho từ thiện xã hội của Phật giáo đã đạt trên 6.000 tỷ đồng, lớn hơn tổng kinh phí của tất cả các nhiệm kỳ trước.

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Cùng với sự gia tăng về kinh phí, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, an sinh xã hội của Phật giáo ngày càng đa dạng, phong phú. Về bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững, Phật giáo tham gia vào các hoạt động như: Xây cầu, đào giếng, làm đường nông thôn, hỗ trợ gia đình chính sách, chiến sĩ biên phòng, nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; tham gia ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, chương trình nghĩa tình biển đảo, ủng hộ quỹ Cựu chiến binh, quỹ nạn nhân chất độc da cam, quỹ người mù, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ hỗ trợ ngư dân,... Nhiều tự viện, Tăng Ni, Phật tử đã có sáng kiến tặng thẻ bảo hiểm y tế và đóng bảo hiểm xã hội cho người già cô đơn không nơi nương tựa, người nghèo, trẻ mồ côi...

Hoạt động trợ giúp xã hội được đẩy mạnh cả với trợ giúp đột xuất và trợ giúp thường xuyên. Với trợ giúp đột xuất, Phật giáo tập trung vào các hoạt động cứu trợ đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc; thăm và tặng quà cho bệnh nhân trại phong, trại tâm thần, nhà dưỡng lão, người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam; tặng xe đạp cho học sinh nghèo; tổ chức bếp ăn từ thiện, nồi cháo tình thương cho bệnh nhân nghèo,... Cùng với trợ giúp xã hội trong nước, năm 2015, GHPGVN còn phát động đợt quyên góp cứu trợ động đất ở Nepal với số tiền quyên góp tương đương 552.700 USD và 4700 rupi.

Bên cạnh đó, Phật giáo ngày càng chú trọng tới các hoạt động bảo trợ thường xuyên, mang tính bền vững: Hình thành được hệ thống trường nuôi dạy trẻ, chăm sóc người già cô đơn, không nơi nương tựa, như: Tại Hà Nội có Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật, trẻ bị nhiễm HIV chùa Bồ Đề; Lớp học tình thương chùa Đồng Cự; TP. Hồ Chí Minh có 05 trường nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật; 04 cơ sở chăm sóc người già neo đơn, 13 lớp tình thương; Thừa Thiên - Huế có Trường dạy nghề miễn phí Tây Linh, trường Mầm non tư thực Diệu Đế, trường Mẫu giáo từ thiện Phú Lộc,... Nhìn chung, các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo khá khang trang, tiện ích. Hoạt động bảo trợ xã hội thường xuyên của Phật giáo đã đi vào nền nếp và mang lại hiệu quả cao.

Một trong những hoạt động hướng đến cộng đồng của Phật giáo được đánh giá cao là tổ chức các



Chủ trương, chính sách an sinh xã hội của Đảng rất phù hợp với tinh thần từ bi, hường thiện của Phật giáo, đặc biệt, chủ trương xã hội hóa công tác an sinh xã hội tạo điều kiện rất thuận lợi để Phật giáo tham gia vào các nội dung của công tác này.

hoạt động trợ giúp cơ bản về y tế và chỗ ở cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Về chỗ ở, các chùa, tự viện là nơi thường xuyên tiếp nhận các cảnh đời cơ nhỡ, bất hạnh, không nơi nương tựa. Phát huy tinh thần phụng đạo yêu nước và đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Ăn quả nhớ người trồng cây*”, Tăng Ni, Phật tử trong cả nước đã nhiệt tình hưởng ứng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trao tặng nhà tình nghĩa, tình thương cho các mẹ, các thương binh, bệnh binh, người nghèo neo đơn, xây dựng trung tâm bảo trợ dành cho người già neo đơn, trẻ em khuyết tật,... Về trợ giúp y tế, Tăng Ni, Phật tử nhiều nơi đã hăng hái tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo; quyên góp hỗ trợ mổ mắt miễn phí cho bệnh nhân bị đục thủy tinh thể; tổ chức các bếp ăn từ thiện, nồi cháo tình thương cho bệnh nhân nghèo,...

Nhiều nơi, Ban Trị sự Phật giáo đã thành lập trung tâm tư vấn, hỗ trợ người bị nhiễm HIV/AIDS. Đặc biệt, hệ thống Tuệ Tĩnh đường, phòng khám Đông y hoạt động rất hiệu quả, mang lại nhiều lợi ích cho mọi người. Hiện nay, Phật giáo có 150 Tuệ Tĩnh đường, 655 phòng chẩn trị y học dân tộc, 01 phòng khám đa khoa và hàng trăm nhà thuốc nam, phòng chăm cứu đang hoạt động ở nhiều tỉnh thành trong cả nước như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau,... Các cơ sở y tế này đã thực hiện khám bệnh và phát thuốc, chăm cứu, bấm huyệt cho hàng chục nghìn lượt người bệnh.

Theo thống kê của GHPGVN, tính đến cuối năm 2020, cả nước hiện có 133 phòng khám Đông y với 206 lương y tham gia công tác, 10 phòng khám Tây y với 40 bác sĩ. Mỗi năm các cơ sở này chữa trị và cấp phát thuốc miễn phí cho hàng ngàn lượt bệnh nhân với số kinh phí lên đến hàng trăm tỷ đồng. Hàng năm, GHPGVN đều kết hợp với các y, bác sĩ tổ chức các đoàn khám, phát thuốc, chữa bệnh miễn phí cho đồng bào nghèo các địa phương, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa. Các chương trình lớn như: Mô mắt, đục thủy tinh thể, phẫu thuật tim, chữa hàm ếch...

Về giáo dục dạy nghề, theo thống kê của GHPGVN, tính đến cuối năm 2020, cả nước hiện có 02 trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề với 65 học viên và 06 giáo viên hướng dẫn giảng dạy; trên 1.500 trường, lớp tình thương với 20.000 em thiếu nhi theo học.

Về công tác bảo trợ xã hội, theo thống kê của GHPGVN, tính đến cuối năm 2020, cả nước hiện có 46 trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi với 1.329 trẻ em và 160 bảo mẫu; 15 trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn có 527 cụ già được chăm sóc và có 49 người trực tiếp chăm sóc.

Các cơ sở bảo trợ xã hội này đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội, công tác nhân đạo đối với những đối tượng yếu thế. Góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội. Kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội được huy động từ cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; góp phần chia sẻ với Nhà nước trong việc chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội;

đạt được đồng thuận của cộng đồng, xã hội trong hoạt động bảo trợ xã hội.

Các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội của Phật giáo được thành lập theo Nghị định số 68/2008/NĐ-CP hoạt động theo đúng quy định và đáp ứng tốt các tiêu chuẩn cơ sở vật chất, chăm sóc, dinh dưỡng và vui chơi, giải trí. Tuy nhiên, các cơ sở còn hạn chế trong công tác lập, quản lý hồ sơ theo dõi đối tượng; hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng. Diện tích của nhiều cơ sở bảo trợ xã hội còn chật hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội như người già cô đơn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nhiễm HIV/AIDS...

Có thể khẳng định, các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội của Phật giáo ngày càng tăng về quy mô, mở rộng về đối tượng thụ hưởng, phong phú, đa dạng về hình thức thể hiện và linh hoạt, sáng tạo trong cách thức tiến hành. Quá trình hoạt động đã có sự phối hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đặc biệt, đã thu hút được sự tham gia không chỉ của Tăng Ni, Phật tử mà còn của đông đảo người dân, doanh nghiệp, góp phần chia sẻ gánh nặng với Nhà nước trong việc giải quyết vấn đề an sinh, phúc lợi xã hội; cùng Nhà nước và xã hội chung tay vì một xã hội tốt đẹp, mọi người dân có cuộc sống hạnh phúc.

2. NHẬN ĐỊNH

Trong bối cảnh đổi mới đất nước đạt được nhiều thành tựu, rất cần sự tham gia của toàn xã hội vào an sinh xã hội. Ở Việt Nam, Phật giáo là một tôn giáo lớn, không chỉ có số lượng tín đồ đông đảo, mà còn có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội, đó là điều kiện thuận lợi để Phật giáo tham gia tích cực vào công tác an sinh xã hội, góp phần chia sẻ gánh nặng với Nhà nước.

Chủ trương, chính sách an sinh xã hội của Đảng rất phù hợp với tinh thần từ bi, hướng thiện của Phật giáo, đặc biệt, chủ trương xã hội hóa công tác an sinh xã hội tạo điều kiện rất thuận lợi để Phật giáo tham gia vào các nội dung của công tác này.

Phát huy tinh thần phụng đạo yêu nước, thiết thân cùng xã hội, hiện hữu trong lòng dân tộc, quyết tâm giữ vững tinh thần độc lập dân tộc, “Phụng sự

chúng sinh”, đồng thời, để phát huy vai trò thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện hữu hiệu phương châm hoạt động của Giáo hội: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”.

Các thành viên của GHPGVN các cấp, Tăng Ni, Phật tử cả nước đã tích cực tham gia các phong trào ích nước lợi dân, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi sinh, môi trường sinh thái, xây dựng nếp sống mới trên địa bàn khu dân cư, ủng hộ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu; tích cực trong các mặt hoạt động từ thiện xã hội, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, cứu trợ đồng bào các tỉnh vùng sâu, vùng xa; tham gia ủng hộ công tác xây dựng trường học, lớp học, phòng học tại các vùng sâu vùng xa, đắp lộ hàng chục km, xây hàng trăm cây cầu, hàng trăm giếng nước sạch. Nổi bật nhất là bếp ăn từ thiện, nồi cháo tình thương giúp đỡ cho bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện được các tự viện, các nhóm Phật tử thực hiện thường xuyên; động viên con em gia đình Phật tử thi hành nghĩa vụ quân sự, làm tròn bổn phận công dân đối với đất nước và xã hội.

GHPGVN tiếp tục động viên, khích lệ Tăng Ni, Phật tử tham gia các hoạt động xã hội hóa giáo dục, y tế và từ thiện xã hội, bảo trợ xã hội theo nghị quyết Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII đã đề ra, trong đó đẩy mạnh các hoạt động mà GHPGVN có thế mạnh như công tác từ thiện xã hội, chăm sóc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Tiếp tục nhân rộng và phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng các khóa tu học mùa hè dành cho thanh thiếu nhi ở các tỉnh thành có tổ chức GHPGVN. Trong chương trình tu học cần đưa vào các bài học về ứng xử có văn hóa, nhân văn, lòng tôn trọng, biết ơn đối với tổ tiên, các truyền thống hay đẹp của địa phương cũng như của dân tộc, giống nòi về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật; các giá trị sống mang tính nhân văn...

Thường xuyên tổ chức việc thăm viếng và tặng quà các gia đình có công với đất nước, thương bệnh binh, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật, mồ côi, trại dưỡng lão, hội những người khiếm thị, người bị phơi nhiễm chất độc da cam... trong các dịp lễ cổ truyền của dân tộc và đại lễ của Phật giáo. Hướng đến các đối tượng trong cộng đồng cần đến giáo dục Phật giáo chuyên hóa, hỗ trợ, nâng đỡ như

những người đang thụ án, các trung tâm giáo dục phục hồi nhân phẩm... bên cạnh việc giáo dục Phật học cho Tăng Ni, Phật tử.

Tiếp tục phối hợp với các y, bác sĩ, các cơ sở y tế để thực hiện các chương trình y tế từ thiện cho bệnh nhân nghèo, bệnh nhân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn ở các địa phương trong cả nước; phát huy giá trị tích cực của các phòng chẩn trị đông y trong hoạt động khám chữa bệnh; thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng để kiểm tra định kỳ, đảm bảo việc khám chữa bệnh cho người dân an toàn, hiệu quả.

3. KIẾN NGHỊ

Đối với cơ quan nhà nước

(1) Tăng cường cơ chế phối hợp của các cơ quan nhà nước như: Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh, xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cũng như các địa phương trong việc tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục và từ thiện xã hội hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

(2) Chính phủ giao các ngành chức năng liên quan tăng cường việc quản lý đối tượng từ việc tiếp nhận, lập hồ sơ quản lý đối tượng, chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở; tổ chức thực hiện chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở ngoài công lập theo quy định; tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác xã hội cho các cơ sở thuộc tổ chức tôn giáo trong lĩnh vực hoạt động trợ giúp xã hội.

(3) Hoàn thiện, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục và từ thiện xã hội, trên cơ sở đó vận động, tuyên truyền chức sắc, tín đồ Phật giáo thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tham gia các hoạt động trên.

(4) Các cơ quan chức năng liên quan đề định kỳ tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cũng như đào tạo kiến thức chuyên ngành liên quan đến các hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện xã hội và bảo trợ xã hội; tích cực thực hiện văn minh, văn hóa trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội Phật giáo.

(5) Tổ chức các buổi tuyên truyền, truyền thông đến Tăng Ni, Phật tử để hướng ứng và tích cực tham gia các phong trào như: Thực hiện Năm văn minh đô thị; Nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ khi tham gia giao thông; Cam kết sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm

đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu...

(6) Tổ chức kiểm tra, thanh tra các cơ sở của Phật giáo tham gia các hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục và các hoạt động từ thiện xã hội, bảo trợ xã hội để kịp thời phát hiện, đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn.

Đối với GHPGVN

(1) Tổ chức tổng kết, đánh giá về công tác xã hội



Có thể khẳng định, các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội của Phật giáo ngày càng tăng về quy mô, mở rộng về đối tượng thụ hưởng, phong phú, đa dạng về hình thức thể hiện và linh hoạt, sáng tạo trong cách thức tiến hành.

hóa giáo dục, y tế và từ thiện xã hội của giáo hội trong vòng 10 năm trở lại đây, qua đó nêu lên những mặt làm được và những mặt chưa làm được. Theo đó, trong phương hướng hoạt động, GHPGVN sẽ xem xét và chấn chỉnh lại các mặt về công tác lãnh đạo - tổ chức thực hiện, nội dung hoạt động.

(2) Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hơn nữa của các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Những chương trình từ thiện xã hội như: Cứu tế an sinh tuy là cần thiết nhưng không nên đầu tư quá nhiều kinh phí cho chương trình mà nên chăng cần có những dự án có tính khoa học hơn, tập trung hơn, mang tính dài hạn hơn như dự án giúp dân xây dựng cầu đường, giếng nước, trường trạm, nhà cửa cho người nghèo sẽ thiết thực và ý nghĩa lớn lao hơn, để lại được nhiều dấu ấn hơn.

(3) GHPGVN chỉ đạo các Tăng Ni, cơ sở tự viện tham gia hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục và từ thiện xã hội tiếp tục giữ mối liên hệ với các ngành chức năng (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Lao động Thương binh và Xã hội...) để được hướng dẫn và giúp đỡ về mặt chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội theo đúng quy định của pháp luật; hoàn thiện, bổ sung những vấn đề còn tồn tại để thực sự đem lại hiệu quả trong các hoạt động này.

(4) Ban hành các “Quy chế hoạt động” về lĩnh vực giáo dục, y tế và từ thiện xã hội, bảo trợ xã hội, quy định rõ trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, tự viện, cá nhân Tăng Ni trong tham gia xã hội hóa giáo dục, y tế và từ thiện xã hội.

Chú thích:

* Thạc sĩ Nguyễn Phúc Nguyên - Nguyên Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ).

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị số 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ (2007), *Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

Các tuyến du nhập

Phật



Hưng Trung

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương là cầu nối nối địa lý giữa hai nền văn minh lớn của nhân loại là Ấn Độ và Trung Hoa, do đó từ lâu, nước ta chịu ảnh hưởng từ hai nền văn minh này.

Ấn Độ là một tiểu lục địa với dân số đông, sản vật phong phú. Từ thời trước Công nguyên, thương nhân Ấn Độ đã giao thương với các dân tộc trên bán đảo Ả Rập, các nước ven Địa Trung Hải và La Mã. Họ còn ra khơi theo gió mùa Tây Nam đi về phía Đông Nam Á, đến Mã

Sự truyền bá Phật giáo đến Việt Nam không phải xảy ra trong một lúc mà liên tục từ đầu Công nguyên đến các thế kỷ về sau.

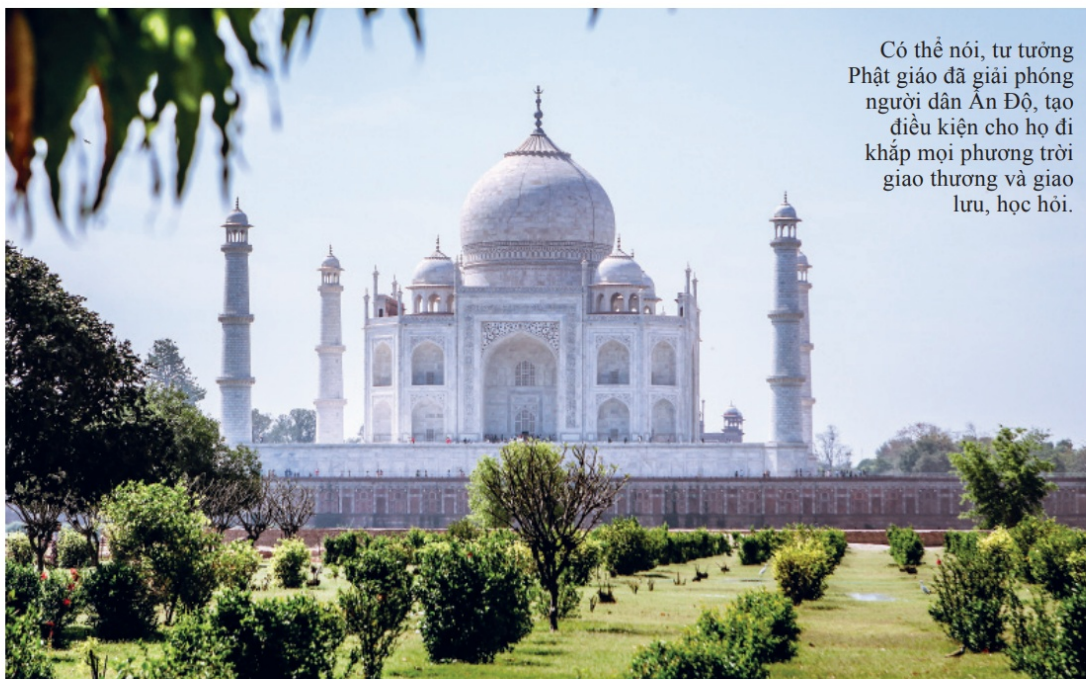
giáo

thời đầu vào nước ta Công nguyên

Lai, đến quần đảo Indonesia, qua eo biển Malacca vào Biển Đông, đến Việt Nam (bấy giờ miền Bắc là Giao Chỉ, miền Trung là tiền thân nước Lâm Ấp, miền Nam là nền văn minh Óc Eo) và lên Trung Hoa, Nhật Bản. Khi đi, họ nương theo gió mùa Tây Nam, còn lúc về phải chờ đến sang năm, theo gió mùa Đông Bắc về lại Ấn Độ. Ròng rã một năm ở lại, đủ thời gian để họ buôn bán và dần dà ảnh hưởng sâu đậm đến các dân tộc địa phương về sản xuất, văn hóa, sinh hoạt, tôn giáo. Họ tham gia vào quá trình Ấn Độ hóa các xứ phương Đông một cách hòa bình, bình đẳng. Đó là sự thâm

thấu, truyền bá về văn hóa tốt đẹp. Trong số những người Ấn Độ tham gia đoàn thương buôn cũng có một số người ở lại, sinh cơ lập nghiệp. Đó là nguồn gốc của những gia đình, làng, phố Ấn Độ ở các đảo tại Perak, Célebes, ở Malaysia, Campuchia, Indonesia... Họ mang tôn giáo là đạo Phật và đạo Bà La Môn cùng văn tự Sankrit, Pali đến đây. Quá trình Ấn Độ hóa đã góp phần tạo nên những nhà nước nhỏ học tập văn minh Ấn Độ từ thế kỷ II. Các bi ký cổ nhất khắc văn tự Sanskrit có niên đại thế kỷ IV là chứng nhân cho làn gió Ấn Độ ở Đông Nam Á.

Trên quần đảo Nam Dương (Indonesia), các nhà khảo cổ tìm thấy những dòng chữ Phạn của vua Mulavarman ở vùng Kutei, ở đảo Borneo niên đại thế kỷ V, cũng như của vua Purnavarman ở Tây Java giữa thế kỷ V. Họ cũng tìm thấy dấu tích Phật giáo cổ xưa hơn rất nhiều là các tượng Phật thuộc trường phái Amaravati tại Sampaga, ở Giember (Đông Java), ở Palembang (Samatra). Hậu Hán Thư của Trung Hoa nhắc đến Java với tên gọi Diệp Điều vào năm 132 thời nhà Hán bởi vì người nước Java đã đến triều đình nhà Hán thông thương.



Có thể nói, tư tưởng Phật giáo đã giải phóng người dân Ấn Độ, tạo điều kiện cho họ đi khắp mọi phương trời giao thương và giao lưu, học hỏi.

Tình hình trên cho thấy mức độ nhộn nhịp của hoạt động hàng hải Ấn Độ trong vài thế kỷ trước và sau Công nguyên, đặc biệt từ thế kỷ II trở đi. Không thể lý giải tình hình như vậy trong bối cảnh hệ tư tưởng của đạo Bà La Môn vốn lên án mọi tiếp xúc với người ngoại bang là không thanh tịnh. Chỉ có thể lý giải tình hình này trong tương quan tư tưởng Bà La Môn giáo bị lay chuyển tận gốc rễ bởi tư tưởng bình đẳng giai cấp của Phật giáo, nhất là của Phật giáo Đại thừa vào đầu Công nguyên. Tư trào Phật giáo Đại thừa ngoài kế thừa những yếu tố của Phật giáo Nguyên thủy còn nhấn mạnh lý tưởng Bồ tát đạo. Các vị Bồ tát không quán ngại khó khăn khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, đã đặt lên trên hết mục đích cao cả “*Chúng sinh vô biên thế nguyện độ*”. Có thể nói, tư tưởng Phật giáo đã giải phóng người

dân Ấn Độ, tạo điều kiện cho họ đi khắp mọi phương trời giao thương và giao lưu, học hỏi.

Phật giáo Đại thừa còn khẳng định vai trò gia hộ của các vị Phật và Bồ tát đối với những ai đặt niềm tin và thường niệm danh hiệu của các ngài. Bồ tát Quán Thế Âm là nhân vật được thủy thủ, thương nhân Ấn Độ thời bấy giờ cầu xin gia hộ thường xuyên. Ngài nổi tiếng ở các xứ phương Đông như là vị Bồ tát nghìn mắt nghìn tay, có lòng từ bi và quyền năng lớn lao có thể cứu độ người trong cơn hoạn nạn. Phật Nhiên Đăng (Dipankara) cũng được giới đi biển hết lòng tôn kính vì tên Ngài gợi lên nghĩa của các hòn đảo (dipa, dvipa), gần như trở thành vị Phật bảo hộ cho người đi biển [1]. Việc các thủy thủ và thương nhân Phật tử Ấn Độ mang theo tượng Phật Nhiên Đăng và

Bồ tát Quán Thế Âm hàng ngày lễ bái, niệm danh hiệu các Ngài, không tránh khỏi ảnh hưởng đến dân chúng những nơi họ đến và lưu trú tạm thời hay định cư.

Bên cạnh lối giải thích trên, các nhà nghiên cứu còn đề ra một số yếu tố khác góp phần truyền bá Phật giáo đến Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng:

- Việc Hoàng đế Asoka vào thế kỷ III TCN đánh chiếm xứ Kalinga nằm ở bờ biển phía Đông Ấn Độ, có thể là đòn bẩy kích thích phong trào di tản hải ngoại của người dân xứ này;

- Các cuộc xâm lăng của người Kushan vào những năm đầu Công nguyên cũng có thể tạo ra những cuộc di cư mới từ Ấn Độ ra vùng Đông Nam Á.

Theo tác giả G.Coedès, nguyên nhân sâu xa của sự truyền bá văn

Phật giáo Đại thừa còn
khẳng định vai trò gia hộ
của các vị Phật và Bồ tát đối
với những ai đặt niềm tin
và thường niệm danh hiệu
của các ngài.



hóa Ấn Độ và Phật giáo buổi đầu Công nguyên ở Đông Nam Á là thương mại và kinh tế. Sự tiếp xúc giữa Viễn Đông và vùng Địa Trung Hải, tiếp theo là chiến dịch Đông tiến của Alexander Đại đế, sự thành lập vương triều Maurya và sau đó là Kanishka ở Ấn Độ, sự xuất hiện đế quốc của dòng họ Séleucides và nhất là đế quốc La Mã ở phương Tây đã kích thích mạnh mẽ sự phát triển thương mại hàng xa xỉ, một sự phát triển mà nhiều học giả Latin vào thế kỷ I đã tỏ ra lo ngại [2]. Các mặt hàng xa xỉ ấy là gia vị, hương liệu, nhất là gỗ trầm hương,... có nhiều không phải ở chính trên đất Ấn mà ở các xứ, các đảo hải ngoại, nằm về phía đông Ấn Độ. Các địa danh mang âm hưởng tiếng Phạn như: Takkola (chợ Hạt Tiêu), Karpuradvipa (đảo Long Não), Narikeladvipa (đảo Dừa) gợi ý cho chúng ta về những miền

mà thương nhân Ấn Độ thường lui tới. Sylvain Lévi trong tác phẩm Kouen louen et Dvipantara nhắc đến Kanakapuri là “*Thị trấn vàng*” ở đảo Dvipantara, bởi vì vàng cũng là món hàng mà người Ấn tìm tòi ở hải ngoại, đặc biệt là ở quần đảo Indonesia. Cần nhấn mạnh rằng vào thời điểm trước Công nguyên, người Ấn Độ vẫn mua được vàng ở tận Siberia thông qua con đường xuyên xứ Đại Hạ (Bactrian) nhưng vào khoảng hai thế kỷ trước Công nguyên, các đợt di dân lớn ở Trung Á đã cắt đứt con đường chuyên chở vàng ấy. Họ phải chuyển sang nhập vàng từ đế quốc La Mã và những đồng tiền vàng của Rome được nấu lại, dùng vào các mục đích khác nhau tại Ấn Độ. Ngay nay thi thoảng người ta lại khai quật được những đồng tiền vàng La Mã ở Ấn Độ. Đến thời hoàng đế La Mã Vespasien (69-79),

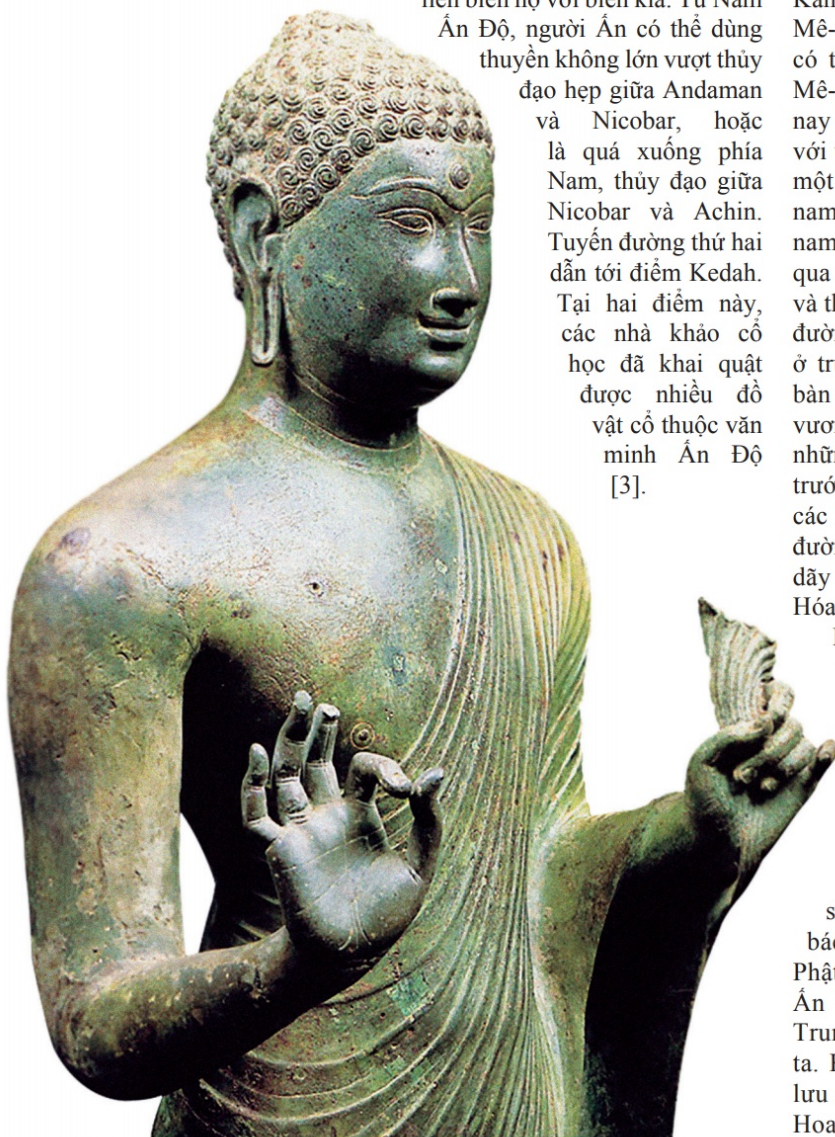
ông cấm hẳn việc xuất khẩu tiền vàng sang Ấn Độ. Do đó, người Ấn buộc phải tìm vàng bằng con đường khác.

Sau các đợt di của thủy thủ và thương nhân, có thể là các đợt Tăng sĩ Phật giáo đi truyền bá đạo Phật. Tăng sĩ Phật giáo bấy giờ thường là những người học rộng, biết nhiều, tức là lớp người trí thức. Không có họ thì ảnh hưởng của đạo Phật và văn chương Sanskrit không thể đạt mức độ sâu sắc đến như vậy trong các nền văn minh ở Đông Nam Á. Ở nước ta, nền văn minh Phù Nam ở Nam Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Phật giáo Ấn Độ đến mức các vị quan chức trong triều đình Phù Nam đa số đều là người Ấn, ít nhiều chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Tại vương quốc Chăm-pa ở miền Trung nước ta, các nhà khảo cổ tìm thấy tượng Phật Đồng

Dương - một trong những kỷ vật còn lại đẹp nhất của trường phái Amaravati Ấn Độ.

Ngoài đường biển, thương nhân và Tăng sĩ Phật giáo có thể kết hợp con đường vừa thủy, vừa bộ

để đến Đông Nam Á và Đông Dương. Thay vì đi vòng xuống eo biển Malacca, xa về phía Nam, họ có thể chuyển hàng hóa qua eo đất Kra và bán đảo Mã Lai, theo những tuyến đường bộ tiện lợi, có thể vượt trong vài giờ, nối liền biển nọ với biển kia. Từ Nam Ấn Độ, người Ấn có thể dùng thuyền không lớn vượt thủy đạo hẹp giữa Andaman và Nicobar, hoặc là quá xuống phía Nam, thủy đạo giữa Nicobar và Achin. Tuyến đường thứ hai dẫn tới điểm Kedah. Tại hai điểm này, các nhà khảo cổ học đã khai quật được nhiều đồ vật cổ thuộc văn minh Ấn Độ [3].



Tại vương quốc Chăm-pa ở miền Trung nước ta, các nhà khảo cổ tìm thấy tượng Phật Đồng Dương - một trong những kỷ vật còn lại đẹp nhất của trường phái Amaravati Ấn Độ.

Đối với tuyến đường bộ, các đoàn Ấn Độ có thể xuất phát từ Trung Ấn dùng tuyến đường bộ ngang qua đèo Ba Chùa (Passe des Trois Pagodes, nay là đồi Tenasserim ở biên giới Thái Lan và Myanmar) và dọc theo sông Kanburi xuống châu thổ sông Mê-nam. Xa lên phía bắc cũng có thể tới thung lũng châu thổ Mê-nam bằng tuyến đường hiện nay vẫn nối liền cảng Moulmein với thành phố Raheng, nằm trên một nhánh của con sông Mê-nam. Một tuyến khác nối Mê-nam với sông Mê-kông, ngang qua cao nguyên Khorat, Si Thép và thung lũng Mun. Chính tuyến đường này dẫn tới vùng Bassak, ở trung lưu sông Mê-kông, địa bàn của vương quốc Kambujas, vương quốc này có thể là do những di dân Ấn Độ thành lập trước Công nguyên. Rất có thể các Tăng sĩ Ấn Độ đã theo con đường này đến đất Lào rồi vượt dãy Trường Sơn tiến vào Thanh Hóa, Nghệ An [4]. Xa về phía Bắc, là con đường nối Ấn Độ với Nam Trung Hoa ngang qua Assam, Thượng Myanmar và Vân Nam. Tuyến đường này dường như đã được sử dụng từ thế kỷ II.

Tất cả những sự kiện lịch sử và địa lý nêu trên đều bác bỏ giả thuyết cho rằng Phật giáo đầu tiên truyền từ Ấn Độ qua Trung Hoa rồi từ Trung Hoa truyền sang nước ta. Không ai phủ nhận sự giao lưu văn hóa Phật giáo từ Trung Hoa sang Giao Chi thời bấy giờ, nhưng có thể nói, Việt Nam từ rất xa xưa được các cao tăng Ấn Độ đến truyền giáo trực tiếp, thời điểm ấy xưa hơn thời điểm

Phật giáo truyền vào miền Nam Trung Hoa khá nhiều. Đi theo các tuyến đường thủy hay bộ, đi một mình hay đi thành nhóm riêng, hay ghép vào các đoàn thương nhân, một số Tăng sĩ ngoại quốc chủ yếu là người Ấn Độ và Trung Á đã đến nước ta truyền bá Phật pháp.

Về việc truyền bá Phật giáo đến các nước, có thể lấy một dấu mốc quan trọng là thời đại vua Asoka ở Ấn Độ. Dưới triều vua Thiên Ái Thiện Kiến, nhiều phái đoàn truyền giáo đã được gửi đi khắp các lân bang của Ấn Độ. Một phái đoàn do cao Tăng Uttara và Sona được gửi đến Suvannabhumi- xứ của vàng, trở khu vực Đông Nam Á. Cả sử liệu Phật giáo Thái Lan lẫn Myanmar đều nhận hai vị cao Tăng ấy đã đến nước họ truyền giáo. Liệu hai vị cao Tăng ấy có tiếp tục đến nước ta hay không là vấn đề còn bỏ ngỏ. Có học giả dựa vào tài liệu Trung Hoa, nói rằng ở Giao Châu tại thành Lê Nê, có bảo tháp của vua Asoka. Họ xác định thành Lê Nê mà sử liệu Trung Hoa nói đến là thuộc Đồ Sơn hiện nay nhưng do thời gian và binh hỏa mà nền tháp đã phong hóa đến mức không còn xác định được.

Nam Ấn lại chính là vùng đầu tiên kết tập các kinh điển Đại thừa thuộc văn hệ Bát Nhã. Chính dựa vào các bộ kinh *Bát Nhã* và luận sư Long Thọ đề xướng thuyết Trung luận nổi tiếng, ảnh hưởng sâu rộng đến Phật giáo Đại thừa. Dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông chịu ảnh hưởng tương đối sâu sắc của tư tưởng Bát Nhã dẫn đến một giả thuyết cho rằng dòng Đại thừa Bát Nhã đã

truyền trực tiếp từ miền Nam Ấn Độ đến nước ta. Ở Trung Hoa, tuy ngài Chi Lô Ca Sấm đã dịch kinh *Bát Nhã* ra vào thời Đông Hán nhưng mãi đến khi bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập ra đời vào đầu thế kỷ V thì tư tưởng Bát Nhã mới phổ biến ở Phật giáo Trung Hoa. Còn ở Giao Châu, từ đầu thế kỷ III, ngài Khương Tăng Hội đã dịch *Bát thiên tụng Bát Nhã* và đây được xem là tác phẩm thuộc văn hệ Bát Nhã xưa nhất. Còn quyển kinh *Bát Nhã (Đạo Hành Bát Nhã Kinh)* mà ngài Chi Lô Ca Sấm dịch thì thuộc thời kỳ thứ hai của văn hệ Bát Nhã [5]. Như vậy vào đầu thế kỷ III, sư Khương Tăng Hội đã có trong tay bộ kinh *Bát Nhã* sớm nhất của toàn bộ văn hệ Bát Nhã và bộ kinh này gần như có thể khẳng định là do các Tăng sĩ Phật giáo từ Ấn Độ mang sang nước ta và đến trước hơn thời điểm dịch thuật. Tại trung tâm Phật giáo Luy Lô đã có một số tu viện, trường hợp giảng kinh *Bát Nhã*, trong đó có bộ *Bát thiên tụng Bát Nhã*.

Ngoài ra, sự truyền bá Phật giáo đến Việt Nam không phải xảy ra trong một lúc mà liên tục từ đầu Công nguyên đến các thế kỷ về sau. Ngoài người bản địa, người Ấn Độ, người Trung Hoa và các dân tộc khác đều có công lao trong quá trình truyền bá và xây dựng nền tảng Phật pháp tại nước ta.

Sử sách còn ghi lại danh tính nhiều nhà sư Trung Hoa trên đường sang Thiên Trúc đã đi tuyến phía Nam và dừng chân ở Giao Châu trước khi đi tiếp như: Vu Pháp Lan, Vu Đạo Thúy ở đầu thế kỷ IV, Minh Viễn cuối

thế kỷ IV, sư Huệ Mạng, Vô Hành, Đàm Nhuận, Trí Hoàng, Hội Ninh, Nghĩa Tịnh... trong các thế kỷ V, VI, VII. Họ sang Ấn Độ để tìm thêm *Tam tạng Kinh điển* và ước vọng dịch sang Hán văn để phổ biến tại Trung Hoa. Ngoài các nhà Sư Trung Hoa còn có các nhà Sư bản địa như: Khuy Xung, Huệ Diệm, Trí Hành, Đại Thặng Đăng...

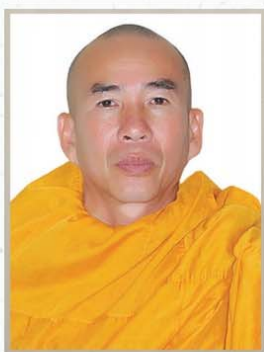
Sự truyền bá Phật giáo đến Việt Nam diễn ra mãi tới thời kỳ độc lập, chỉ có điều chiều hướng dần thay đổi. Hướng Tây Nam từ Ấn Độ sang dần thay đổi thành hướng Bắc từ Trung Hoa xuống. Do đó, các tông phái Phật giáo Trung Hoa dần xuất hiện ở nước ta. Từ thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, đến sau này là thiền phái Lâm Tế, Tào Động... xã hội Việt Nam hòa nhịp cùng phổ văn minh Đông Á nên Phật giáo Trung Hoa dễ hòa nhịp vào xã hội nước ta hơn. Việc đó xảy ra đồng thời với quá trình suy vong của Phật giáo tại Ấn Độ. Tựu chung, sự đa dạng trong các luồng tiếp nhận Phật giáo đã định hình đặc thù của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Chú thích:

- [1] Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (2022), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, tr.22.
- [2] George Coedès (1944), *Histoire acienne des états hindouisés d'Extrême-Orient*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, p.23.
- [3] H.G.Quaritch Wales (1935), "A newly explored route of ancient Indian cultural expansion", *Indian Art and letters*, Vol IX, pp.1-31.
- [4] Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (2022), *Sđđ*, tr.26.
- [5] Jaideva Singh (1978), *Introduction to Madhyama Philosophy*, Motilal Publisher, New Delhi, p.09.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đán, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn**.
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn





PHẬT GIÁO

**VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG**

Dấu ấn Phật giáo trong "Tư Dung văn" của Đào Duy Từ nhìn từ phương diện ngôn ngữ

Phạm Tuấn Vũ*



“TƯ DUNG VĂN” - TÁC PHẨM MANG CẢM QUAN PHẬT GIÁO SÂU SẮC

Đào Duy Từ, hiệu Lộc Khê (1572-1634) là nhà chiến lược quân sự, nhà văn hóa lớn của Việt Nam trong thời Trung đại. Là vị trọng thần dưới thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, Đào Duy Từ có công lớn trong việc xây dựng vương triều Đàng Trong hùng mạnh dù thời gian ra làm quan của ông chỉ vỏn vẹn 08 năm. Ông được các chúa, vua Nguyễn tôn vinh là Đệ nhất Công quốc khai thần, được truy tặng Quận công và thờ tại Thái miếu.

Trong lịch sử văn học dân tộc, Đào Duy Từ có một vị trí trang trọng. Ông “có những đóng góp đáng ghi nhận vào sự phát triển của văn hóa, văn học Thuận Quảng” [1]. Đối với nghệ thuật tuồng, Đào Duy Từ là “người có công phát triển nghệ hát bội, là người khởi thảo tuồng Sơn Hậu” [2]. Trong sự phát triển của văn học Nôm, với hai bài thơ Nôm trường thiên hiện còn là *Ngọa Long cương văn* và *Tư Dung văn*, ông được xem là người mở đầu dòng văn học chữ Nôm ở Đàng Trong, đúng như nhận định của Bùi Duy Tân: “Đào Duy Từ là một tác gia có đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của thơ văn Nôm; hai bài văn nói riêng và những bài thơ Nôm nói chung của ông mà ta chưa sưu tầm hết được, là những tác phẩm Nôm xuất hiện vào loại sớm nhất ở khu vực Đàng Trong” [3].



Mang trong mình sắc
thái trang nghiêm,
lớp từ ngữ nhà Phật
còn giữ vai trò quan
trọng trong việc làm
nên tính chất trong
trọng, thanh nhã,
đỉnh đặc cho lời thơ
Tư Dung vẫn.



Trên phương diện cảm quan nghệ thuật, *Tư Dung* vẫn chịu ảnh hưởng của ba luồng tư tưởng Nho, Phật, Lão.

Trong di sản văn chương Đào Duy Từ, *Tư Dung* vẫn là tác phẩm quan trọng. *Tư Dung* vẫn được viết bằng chữ Nôm, theo thể văn ca. Tác phẩm này dài 380 câu thơ, gồm 332 câu lục bát và 48 câu thuộc các thể thất ngôn xen lục ngôn, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn tứ tuyệt, trường đoản cú cú... Đây là “một bài ca trường thiên ca tụng phong vật cửa biển *Tư Dung* (Thừa Thiên Huế), đề cao sự nghiệp của chúa Nguyễn, ca ngợi cuộc sống tươi vui, yên bình và miêu tả cái thú yên hà mà người cao sĩ có thể tìm thấy trong phong cảnh nước non tươi đẹp” [4].

Trên phương diện cảm quan nghệ thuật, *Tư Dung* vẫn chịu ảnh hưởng của ba luồng tư tưởng Nho, Phật, Lão. Có điều này là bởi Đào Duy Từ tuy là một nhà Nho “nhưng trong tư tưởng của ông không chỉ thuần túy chịu ảnh hưởng Nho gia, mà ít nhiều còn chịu ảnh hưởng tư tưởng Thiên - Phật, Lão - Trang” [5]. Sự kết hợp hài hòa giữa các luồng tư tưởng trên mang đến cho khúc văn ca nhiều giá trị độc đáo. Trong các mạch nguồn tư tưởng của *Tư Dung* vẫn, cảm quan Phật giáo chi phối tác phẩm này một cách khá đậm nét. Trong bài viết “Cảm quan Phật giáo trong *Tư Dung* văn của Đào Duy Từ”, Nguyễn Công Lý chỉ ra: “*Riêng viết về thiên*

Phật, có thể thấy bài Tư Dung vẫn có mấy đoạn viết về cảnh chùa chiền, sư sãi, mang cảm quan Phật giáo, thể hiện tư tưởng sắc không, ngợi ca cuộc sống tự tại nơi thiền môn, thể hiện quan điểm Phật ở trong tâm, không cần nhọc công tìm ở nơi nào khác” [6]. Sự ảnh hưởng của cảm quan Phật giáo đối với tác phẩm còn thể hiện rõ nét ở ý thức lựa chọn từ ngữ của tác giả mà lớp từ ngữ có nguồn gốc từ kinh sách nhà Phật là một dấu ấn nổi bật.

TỪ NGỮ NHÀ PHẬT TRONG “*TƯ DUNG VĂN*”

Nhìn từ phương diện ngôn ngữ, ảnh hưởng của Đạo Phật trong *Tư Dung* vẫn thể hiện sinh động của lớp từ ngữ nhà Phật được tác giả chủ động đưa vào tác phẩm. Ý đồ lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ này góp phần kiến tạo nhiều giá trị quan trọng cho bài văn nói chung, sự thể hiện cảm quan Phật giáo của tác giả nói riêng. Khảo sát 380 dòng thơ của *Tư Dung* vẫn [7], chúng tôi thống kê được hơn 64 lượt từ, ngữ có nguồn gốc nhà Phật được sử dụng. Không chỉ xuất hiện với tần suất tương đối cao, lớp từ ngữ này còn khá đa dạng, được sử dụng linh hoạt với nhiều kiểu loại khác nhau. Dưới đây là những nhóm từ, ngữ tiêu biểu:



“Đào Duy Từ tuy là một nhà nho nhưng ông rất am hiểu và thông tỏ Kinh văn Phật giáo Đại thừa”.

- Nhóm từ, ngữ chỉ danh xưng của Phật có: *Di Đà, Như Lai, Phật, Thích Ca...*
- Nhóm từ, ngữ chỉ chư Tăng: *Đồ Lê, thiền Tăng, thầy...*
- Nhóm từ, ngữ chỉ địa danh Phật giáo: *Linh Sơn, Tây Thiên...*
- Nhóm từ, ngữ chỉ không gian tự viện: *Chùa chiền, tam quan, hải tự, mái thiền, mái chiền, Phật đình, tháp...*
- Nhóm từ, ngữ chỉ kinh, sách, pháp khí nhà Phật: *Kim Cương, Bát nhã, kinh, kệ, chuông, chày, mõ, nhang...*
- Nhóm từ, ngữ chỉ hoạt động tu hành: *Cứu vật độ người, niệm, tu...*
- Nhóm từ, ngữ chỉ giáo lý nhà Phật: *Thế giới ba nghìn, thế giới Bà sa, từ bi, nước Ma a, tuệ kiến, y bát, Bồ đề, thiền, Nam mô, đạo hăng, tâm chánh, duyên, hạnh...*

Trong bài văn, từ ngữ nhà Phật được tác giả sử dụng với những mục đích nghệ thuật cụ thể. Trước hết, nhà thơ sử dụng lớp từ ngữ này nhằm miêu tả cảnh chùa, cụ thể là ngôi hải tự nơi cửa biển Tư Dung, cũng như không khí thanh tịnh, đậm chất thiền môn của nơi này. Chẳng hạn:

- *Tam quan trông thấy uy linh động người;*
- *Phật đình nào khác vương đình;*
- *Kinh ngâm thánh thốt, chuông chiền đình đang;*
- *Chuông đầu vừa động mái thiền*
Mây lành kết đóa, trái tiên phơi màu;
- *Trăng thiền soi tỏ, rừng thiền rạng thanh;*
- *Ngay vắng vang reo chuông Bát nhã*
Đêm thanh dóng dôi kệ Di Đà;

Thể hiện cuộc sống tu hành giản dị, thoát tục của nhà sư nơi rừng thiền, chốn già lam, tác giả cũng sử dụng nhiều từ ngữ nhà Phật:

- *Rừng thiền lẫn dấu vào ra;*
- *Đạo chơi thế giới bà sa;*
- *Tới lui cần niệm đạo hăng*
Loan le gá bạn, giá trắng kết màn;
- *Người đà nên đứng cao thiền*
Phật đầu chưa hẳn, ắt tiên đã gần;

Bày tỏ những suy nghiệm về đạo Phật sâu xa, nhiệm màu, nhà thơ mượn nhiều từ ngữ có nguồn gốc kinh sách nhà Phật, chủ yếu lấy từ *Kinh Bát nhã*:

- *Há đạo đâu xa mà nhọc kiếm*
Bồ đề kết quả ở lòng ta;
- *Sao bằng tâm chánh thân tu;*

Có thể thấy, lớp từ ngữ có nguồn gốc Đạo Phật được sử dụng linh hoạt, hiệu quả trong *Từ Dung văn* là minh chứng rõ nét cho ảnh hưởng của Phật giáo đối với tác phẩm này trên phương diện ngôn ngữ.



- Ngâm thế sự thể bóng đèn
Cớ chi quyến luyến trần duyên nhọc mình;
- Nghiêm thay tướng pháp Như Lai
Giờ cao tuê kiểm, sáng ngời thủy tinh;
- Vẳng nghe tiếng mõ Đồ Lê
Ngôi thiền bển nã rửa thì sạch không;

Trong các trường hợp trên, từ ngữ nhà Phật rõ ràng được dẫn dụng một cách có chủ đích. Thể hiện cảnh chùa, hình ảnh nhà Sư, triết lý nhà Phật không gì thích hợp và hiệu quả bằng chính lớp từ ngữ nhà Phật. Hơn nữa, “Đào Duy Từ tuy là một nhà Nho nhưng ông rất am hiểu và thông tỏ Kinh văn Phật giáo Đại thừa” [8]. Bằng cảm quan Phật giáo sâu sắc, nhà thơ ý thức giá trị của lớp từ ngữ nhà Phật và sử dụng chúng một cách đặc lực nhằm mang đến những sắc thái thẩm mỹ mới lạ cho tác phẩm.

Xét trên phương diện hình thức nghệ thuật, cũng như *Ngọa Long cương vân*, thơ Nôm trong *Từ Dung*

văn được đánh giá là “khá hoàn chỉnh, có nhịp điệu hài hòa, âm thanh réo rắt; ngôn ngữ bình dị, tự nhiên” [9]. Ngôn ngữ *Từ Dung văn* là một thành tựu nghệ thuật lớn của thơ Nôm đầu thế kỷ XVII, đúng như nhận định của Bùi Duy Tân: “Về mặt thể tài và ngôn ngữ “*Ngọa Long cương vân*”, nhất là “*Từ Dung văn*” có nhiều thành tựu đáng ghi nhận” [10]. Trong tác phẩm, cùng lớp thi liệu, điển cố Hán học kết hợp hài hòa với ngôn ngữ dân tộc, lớp từ ngữ nhà Phật đã để lại dấu ấn riêng với những giá trị độc đáo, khác biệt.

Trước tiên, chuyển tải các tư tưởng của đạo Phật, lớp từ ngữ nhà Phật góp phần kiến tạo nên tính chất triết lý, uyên áo cho lời thơ của tác phẩm, chẳng hạn:

- Nghiêm thay tướng pháp Như Lai
Cao giờ tuê kiểm, sáng ngời thủy tinh;
- Rừng công cây đức diêm đà
Trổ chồi y bát, kết hoa bồ đề;

- *Kíp thâu thế giới ba nghìn;*
- *Dạo chơi thế giới bà sa;*

Mang trong mình sắc thái trang nghiêm, lớp từ ngữ nhà Phật còn giữ vai trò quan trọng trong việc làm nên tính chất trang trọng, thanh nhã, đỉnh đặc cho lời thơ *Từ Dung* vẫn, như trong các câu:

- *Đã rằng nương dấu Thích Ca*
Nào thuyền Bát nhã vượt qua ái hồ;
- *Thời lành cả mở hội lành*
Reo đưa gió Phật quét thanh bụi tà;
- *Trăng thiền soi tỏ, rừng thiền rạng thanh;*

Nhiều từ ngữ vốn gắn liền các hình ảnh, địa danh, tích truyện Phật giáo góp phần gia tăng tính gợi cảm, sức liên tưởng cho lời thơ, mang đến cho câu thơ nhiều hình ảnh thi vị, ấn tượng; ví như:

- *Những khi khói tỏa yên hà*
Những âu mây chốn Di Đà Tây Thiên;
- *Linh Sơn một đỉnh tần ngần*
Tám phương cõi thọ đài xuân sum vầy;
- *Vẳng nghe tiếng mõ Đồ Lê*
Ngôi thiền bên nãi rửa thì sạch không;

Như vậy, không chỉ xuất hiện một cách thường xuyên, đa dạng, lớp từ ngữ nhà Phật trong *Từ Dung* vẫn còn được sử dụng vào nhiều mục đích nghệ thuật khác nhau, mang đến nhiều hiệu quả thẩm mỹ đặc sắc cho lời thơ nói riêng, tác phẩm nói chung. Từ ngữ nhà Phật xuất hiện trong khúc văn ca không phải do ngẫu nhiên hay gượng ép. Đây chính là phương tiện, chất liệu nghệ thuật quan trọng, đặc lực được nhà thơ lựa chọn nhằm phục vụ cho ý đồ thể hiện cảm quan Phật giáo của mình trong tác phẩm. Điều này phần nào cho thấy tác giả Đào Duy Từ là người am tường và có nhiều tình cảm tốt đẹp đối với đạo Phật.

TẠM KẾT

Có thể thấy, lớp từ ngữ có nguồn gốc đạo Phật được sử dụng linh hoạt, hiệu quả trong *Từ Dung* vẫn là minh chứng rõ nét cho ảnh hưởng của Phật giáo đối với tác phẩm này trên phương diện ngôn ngữ. Được sử dụng một cách hợp lý, lớp từ ngữ đặc biệt này đã mang lại cho bài văn những thành công nhất định; đóng góp vào thành tựu chung của ngôn ngữ thơ Nôm *Từ Dung* vẫn.

Lộc Khê Đào Duy Từ “không chỉ là một trong vài tác giả cầm cái móc mở đầu cho văn học Đàng

Trong, đặc biệt là văn học Nôm, mà còn là tác giả mở đầu viết về cảm hứng thiền Phật của văn học vùng đất mới, tạo tiền đề cho bộ phận văn học Phật giáo nơi đây về sau tiếp tục khơi dòng và phát triển” [10]. Trong ý nghĩa đó, *Từ Dung* vẫn là tác phẩm có vị trí hết sức quan trọng trong tiến trình vận động và phát triển của văn học Đàng Trong nói chung, văn học Phật giáo khu vực này nói riêng. Vì vậy, nghiên cứu *Từ Dung* vẫn không thể không đặt tác phẩm ở vị trí đặc biệt.

Chú thích:

* Thạc sĩ Phạm Tuấn Vũ, Quảng Ngãi.

- [1] Trần Thị Băng Thanh (Chủ biên, 2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam - Tập 4. Văn học thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.1063.
- [2] Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học - bộ mới*, Nxb. Thế giới, tr.379.
- [3] Nhiều tác giả (2004), *Sđd*, tr.379.
- [4] Trần Thị Băng Thanh, *Sđd*, tr.1063.
- [5] Nguyễn Công Lý (2018), “Cảm quan Phật giáo trong *Từ Dung* vẫn của Đào Duy Từ”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Văn học Phật giáo Bình Định và văn học Bình Định*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, tr.42.
- [6] Nguyễn Công Lý, *Tlđđ*, tr.44.
- [7] Chúng tôi sử dụng bản *Từ Dung* vẫn trong *Hợp tuyển văn học Việt Nam*, tập 2, Nxb. Văn học, 1976; in lại trong *Tinh tuyển văn học Việt Nam. Tập 4. Văn học thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Khoa học xã hội làm văn bản khảo sát.
- [8] Nguyễn Công Lý, *Tlđđ*, tr.49.
- [9] Trần Thị Băng Thanh, *Sđd*, tr.1063.
- [10] Trần Nho Thìn (giới thiệu và tuyển chọn) (2007), *Bùi Duy Tân tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, tr.398.
- [11] Nguyễn Công Lý, *Tlđđ*, tr.49.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Đoàn Trung Còn (2015), *Phật học Từ điển*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học. Bộ mới*, Nxb. Thế giới.
- [3] Nhiều tác giả (2018), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Văn học Phật giáo Bình Định và văn học Bình Định*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội.
- [4] Đinh Gia Khánh (chủ biên), Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (2006), *Văn học Việt Nam (thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII)*, Nxb. Giáo dục.
- [5] Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập*, Nxb. Văn học.
- [6] Trần Thị Băng Thanh (Chủ biên, 2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam. Tập 4. Văn học thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [7] Trần Nho Thìn (giới thiệu và tuyển chọn) (2007), *Bùi Duy Tân tuyển tập*, Nxb. Giáo dục.
- [8] Phạm Tuấn Vũ (2022), “*Từ ngữ nhà Phật trong thơ chữ Hán Nguyễn Du*”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, số 388, tr.52-57.



Nguồn gốc và giá trị của tác phẩm "Quan Âm Diệu Thiện"

Dương Thụy

Tóm tắt: *"Quan Âm Diệu Thiện"* là truyện thơ Nôm khuyết danh do Nguyễn Văn Kinh phiên âm, được nhà in Nguyễn Văn Viết xuất bản ở Sài Gòn vào năm 1925. Đến nay, đây vẫn được xem là tác phẩm truyện thơ phiên âm sớm nhất về *Quan Âm Diệu Thiện* và ít người biết đến.

1. NGUỒN GỐC PHẬT THOẠI VÀ VĂN HỌC CỦA TRUYỆN "QUAN ÂM DIỆU THIỆN"

Với các nước Đông Á nói chung và Việt Nam nói riêng, Quan Thế Âm Bồ tát đại từ đại bi là hình tượng quen thuộc với các tín đồ Phật giáo. Với 33 ứng thân tùy từng hoàn cảnh, Ngài hiện hữu ở khắp mọi nơi, lắng nghe những tiếng kêu than, cứu nhân độ thế, giải thoát chúng sanh khỏi những khổ đau cuộc đời. Trong truyền thuyết Phật giáo, có không ít truyện lý giải sự ra đời của Quan Thế Âm Bồ tát, như: *Quan Âm Diệu Thiện*, *Quan Âm Thị Kính*, *Quan Âm Tọa Sơn*, *Quan Âm Tống Tử*,... Trong đó, *Quan Âm Diệu Thiện* và *Quan Âm Thị Kính* là hai truyện được nhắc đến nhiều nhất, bên cạnh vẫn xuôi còn có truyện thơ Nôm và chèo.

Nhờ ngôn ngữ không cầu kỳ bác học, thơ truyện dễ đọc dễ thuộc, *Quan Âm Diệu Thiện* rất gần gũi với tầng lớp bình dân. Hiện chưa xác định được thời gian ra đời cụ thể, nhưng có lẽ, tích truyện lưu truyền rộng rãi từ thế kỷ XI - giai đoạn Phật giáo phát triển hưng thịnh dưới thời Lý. Tuy nhiên, phải đến giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII, với sự xuất hiện của hàng loạt tác phẩm chữ Nôm, đặc biệt là những tác phẩm có đề tài tôn giáo (*Phạm Công - Cúc Hoa*, *Bạch Viên Các*, *Đào Đình mộng ký*, *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai*...), truyện thơ Nôm *Quan Âm Diệu Thiện* mới được nhiều người biết đến.



Bao trùm lên toàn bộ tác
phẩm là màu sắc linh thiêng,
huyền bí, tôn lên phép
nhiệm màu của đạo Phật.

Truyện kể ở Ấn Độ có một tiểu quốc tên là Hưng Lâm, phía Tây giáp Thiên Trúc quốc, phía Bắc giáp Trường Xuân quốc, phía Đông giáp Phật Minh quốc, phía Nam giáp Thiên Chân quốc. Nhà vua trị vì tên Linh Ưu, niên hiệu Diệu Trang. Trong ba nàng công chúa, Diệu Thiện được cha mẹ yêu thương và tin tưởng nhất. Khi đến tuổi cập kê, phụ mẫu mong nàng cưới một chàng phò mã để sau này cùng trị vì vương quốc. Nhưng Diệu Thiện đã khước từ mọi vinh hoa phú quý để chọn con đường tu hành.

Người sinh trăm tuổi chiêm bao

Vinh hoa phú quý khác nào lửa diêm.

Đức vua và hoàng hậu đau lòng trước quyết định của con. Khuyên can bất thành, Diệu Trang vương nổi trận lôi đình, ra lệnh giam nàng ở khu vườn phía sau hoàng cung, ngày ngày ăn uống thiếu thốn, lao động cực nhọc.

Đầy đi lên chốn huê đình

Tưới nước làm cỏ thất kinh ắt từ.

Nào ngờ, Diệu Thiện vẫn giữ đúng tâm nguyện. Không hề buồn bã, nàng xem đó là khởi đầu cho việc tu tập sau này. Thấy vậy, Diệu Trang vương đành phải thương lượng với trụ trì chùa Đại Tuệ, chấp nhận cho nàng quy y tại chùa nhưng phải tiếp tục làm những công việc nhọc nhằn, như: Gánh nước, bở củi, cuốc đất trồng rau với hy vọng khiến nàng nản chí, từ bỏ ý định xuất gia. Trái lại, nàng không hề chán nản, khi luôn được các loài chim muông và Tạng, Ni trong chùa giúp đỡ. Biết được điều này, cha nàng vô cùng giận dữ, ra lệnh phóng hỏa đốt chùa Đại Tuệ cùng công chúa Diệu Thiện và 500 vị Tạng, Ni. Ngọn lửa thiêu rụi tất cả nhưng Diệu Thiện vẫn điềm tĩnh như thường. Nàng chỉ lặng lẽ chấp tay

cầu nguyện Đức Phật, chư vị Bồ tát gia hộ, tức thì mây kéo mịt mù, mưa xuống như thác đổ khiến ngọn lửa bị dập tắt. Dù rằng hết sức ngăn cản nhưng chẳng thể làm lung lay ý chí của con, hoàng hậu đành ra sức khuyên chồng:

Thiếp nguyện sanh tử liễu mình

Dầu vua buộc trời, gia hình cũng ung

Thương vì con trẻ nên xuân

Quyết tu hành đạo cứu chường mẹ già

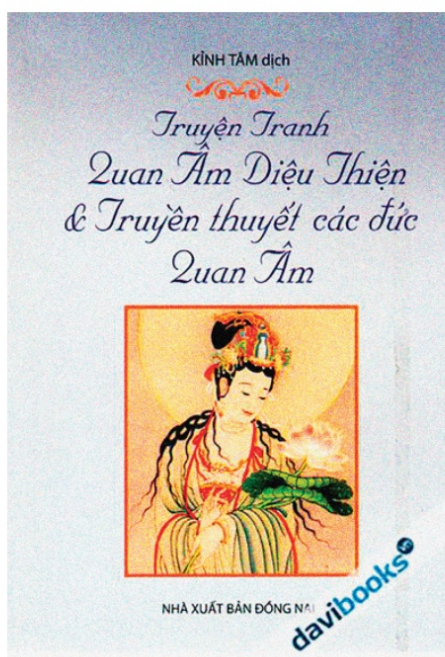
Xin vua xuống đức dung tha

Ngày sau nó độ cứu ta khỏi nạn...

Diệu Trang vương nghe thế, bưng bưng nổi giận, sai quân lính đưa công chúa ra pháp trường xử trảm. Thổ Địa biết vậy liền tâu sự ấy lên cho vua trời. Vua trời hạ lệnh Thổ Địa giữ bình an cho công chúa Diệu Thiện, người ấy chính là Bồ tát tái sinh kiếp cuối cùng. Giờ hành quyết đã đến, đao phủ giờ gươm lên thì đao gãy, rút giáo đâm thì giáo tét làm hai. Đến khi hành quyết bằng cách thắt cổ thì cuồng

phong thổi tới, làm cho đất trời rung chuyển, tối tăm nhưng xung quanh công chúa Diệu Thiện vẫn hào quang sáng rực. Thổ Địa hóa ra một con hổ lớn nhảy vào pháp trường công chúa chạy thẳng vào núi.

Sau này, nàng được đưa đến chốn Thiên thai gặp Đức Phật Thích Ca, rồi được Kim Đồng - Ngọc Nữ dắt xuống âm phủ thăm các tầng địa ngục, chứng kiến hình phạt dành cho tội nhân. Tại đây, nàng đã xin Diêm Vương tha cho các tội nhân lầm lạc. Từ cõi âm trở về trần gian, được sự chỉ dẫn của thần linh, nàng quyết chí tu hành trên núi Hương Sơn. Qua đó, sau chín năm, nàng chứng ngộ đạo màu, trí tuệ tinh tấn. Nghe tin Diệu Trang vương bị quả báo, nhiễm bệnh toàn thân ghê lở, vô phương cứu chữa, Diệu



Trong truyền thuyết Phật giáo, có không ít truyền lý giải sự ra đời của Quan Thế Âm Bồ tát, như: *Quan Âm Diệu Thiện, Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Tọa Sơn, Quan Âm Tống Tử...* Trong đó, *Quan Âm Diệu Thiện* và *Quan Âm Thị Kính* là hai truyền thuyết được nhắc đến nhiều nhất, bên cạnh vẫn xuôi còn có truyện thơ Nôm và chèo.



Quan Âm Diệu Thiện là tác phẩm mang tính nhân văn sâu sắc. Cả thiên truyện là chuỗi ngày trải qua bao cực hình khó nhọc của công chúa Diệu Thiện trên bước đường tu nghiệp, để đi đến bến bờ giác ngộ. Cuộc đời tu hành của nàng là tấm gương phản chiếu về đức hy sinh, lòng từ bi hỷ xả cho các Tăng đồ và quần chúng noi theo.

Thiện giả thành vị cao Tăng truyền cho nhà vua thứ thân được chế từ tay và mắt của nàng để thoát khỏi cơn tai biến. Sau khi lành bệnh, nhà vua và hoàng hậu tìm lên núi để tạ ơn, mới hay ân nhân chính là con gái mình, lúc này đã được Phật độ thành Quan Thế Âm Bồ tát. Hối hận vì những việc làm tàn bạo, ông cũng quyết định đi tu.

2. GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA TÁC PHẨM

Quan Âm Diệu Thiện là tác phẩm mang tính nhân văn sâu sắc. Cả thiên truyện là chuỗi ngày trải qua bao cực hình khó nhọc của công chúa Diệu Thiện trên bước đường tu nghiệp, để đi đến bến bờ giác ngộ. Cuộc đời tu hành của nàng là tấm gương phản chiếu về đức hy sinh, lòng từ bi hỷ xả cho các Tăng đồ và quần chúng noi theo. Khi quyết định xuất gia, Diệu Thiện đã trải qua quá trình tự ngộ chân lý, một

lòng hướng về đạo Phật, không bị tác động bởi bất cứ yếu tố khách quan nào. Đã bao lần bị vua cha ngăn cản, chịu mọi nhục hình, nàng vẫn không từ bỏ con đường đã chọn. Toàn bộ tác phẩm mang màu sắc Phật giáo đậm nét, từ đầu đến cuối phản ánh tư tưởng lớn của đạo Phật, đặc biệt qua những lời nói của Diệu Thiện trước cha mẹ khi trình bày quan điểm hành đạo của mình và cuộc chu du đến âm ty hay quá trình tu tập ở động Hương Tích.

Nhìn vào tác phẩm, những tín đồ Phật giáo có thể tự soi mình để tìm con đường chân tu đạt đến chánh quả. Truyện cũng đúc kết chân lý: Chỉ có lòng từ bi, bác ái, không tham - sân - si mới giúp con người tìm ra chân lý, không vướng vào các bẽ khổ trần gian và khi thác xuống, họ được giải thoát về thế giới Tây phương cực lạc. Với ý nghĩa tôn giáo sâu sắc ấy, có thể nói, *Quan Âm Diệu Thiện* vừa là tác phẩm văn

học, vừa như một cuốn kinh giúp con người sống tốt đời đẹp đạo và hướng thiện hơn. Truyện cũng phê phán nghiêm khắc những kẻ bạo quyền, tàn ác, mà Diêu Trang vương là nhân vật tiêu biểu. Nhiều lần ông đầy đoạ, thậm chí ra lệnh giết con chỉ để thỏa mãn mong muốn con gái lấy chồng, thay ông trị vì đất nước. Không chỉ vậy, ông còn giết nhiều người vô tội. Cái giá phải trả chính là căn bệnh quái ác, đây chính là luật Nhân quả trong giáo lý nhà Phật. Tác phẩm cũng thể hiện tính nhân văn của người Việt, cái thiện sẽ luôn luôn thắng cái ác và tinh thần từ bi của Phật giáo khi ở cuối truyện, công chúa Diêu Thiện đã chữa lành bệnh cho cha mình. Để rồi, từ đó, Diêu Trang vương cùng gia đình đã rũ bỏ cuộc sống vinh hoa, tìm đến thiền môn tu hành, được Phật độ siêu thoát.

Bao trùm lên toàn bộ tác phẩm là màu sắc linh thiêng, huyền bí, tôn lên phép nhiệm màu của đạo Phật. Đó là hình ảnh trận mưa lớn cứu công chúa Diêu Thiện khỏi hỏa hoạn; mảnh hổ xuất hiện đúng lúc đưa nàng ra khỏi pháp trường; không khí u tịch chốn âm ty; Diêu Thiện chữa khỏi bệnh nan y cho cha,... Những chi tiết này còn giúp tác phẩm lôi cuốn, hấp dẫn hơn. Ngôn ngữ trong truyện giản dị, gần gũi, dễ hiểu, đậm tính giáo huấn nhưng vẫn lột tả các tình tiết, tính cách và diễn biến tâm trạng từng nhân vật. Công chúa Diêu Thiện là hình mẫu người phụ nữ kiên định, lạc quan, bất chấp khó khăn gian khổ để đạt đến mục đích cao cả của cuộc đời:

*Cúi xin cha mẹ nghiệm tường
Nay con nguyện học theo đường tu thân
Sát, dâm, đạo vọng chẳng gần
Tam quy ngũ giới ân cần tâm sâu.*

Và:
*Hết lời cha mẹ đoạn phân
Con rằng quyết chí đoạn trường xuất gia
Uống cốc cơm áo mẹ cha
Trí tài mà lại hóa ra thấp hèn
Như vậy thể sự ai khen
Sanh con cũng tưởng một phen cậy nhờ
Hiển vinh phú quý làm ngơ
Dạy khuyên chẳng dặng ước mơ tu hành.*

Với hoàng hậu, bà tiêu biểu cho hình tượng người mẹ Việt Nam hết mực thương con nhưng phải sống cam chịu trước người chồng bạo chúa. Tác phẩm đã khắc họa tâm trạng dằn vặt, đau đớn của bà khi

đứng giữa hai người bà yêu thương: Bà không muốn trái lệnh chồng nhưng cũng không thể không chiều lòng con khi Diêu Thiện kiên quyết chọn con đường tu hành.

*Xin vua chớ chấp hoàng nhi
Trẻ thơ nó đã quyết đi tu hành
Mai sau quả mãn công thành
Thời ta cũngặng giàu sang thiên đường
Nó độ ta về Tây phương
Tiêu diêu thẳng cánh vô cương cõi trời
Lưu danh hậu thế muôn đời
Tiếng bia ngàn thời, ta thời khỏi lo.*

Bên cạnh đó, Diêu Trang vương cũng là nhân vật khá tiêu biểu cho tầng lớp thống trị, khi ông không dung tha cho bất kì ai trái lệnh, dù đó có là đứa con gái ông yêu thương nhất. Lợi ích hoàng tộc, tìm người nối ngôi, giữ vững ngôi báu luôn được ông đặt trên hết. Cũng chính vì vậy mà ông đi ngược lại luân lý xã hội khi sẵn sàng giết con và nhiều người vô tội. Từ truyền thuyết dân gian, tác phẩm đã khắc họa thành công tính cách nhiều hình tượng nhân vật khác nhau, qua đó, góp phần đưa truyện thơ Nôm *Quan Âm Diêu Thiện* đến gần với đông đảo quần chúng.

3. SO SÁNH GIỮA HAI TÁC PHẨM QUAN ÂM DIÊU THIÊN VÀ QUAN ÂM THỊ KÍNH

Cả hai tác phẩm đều giải thích nguồn gốc của Quan Thế Âm Bồ tát. Về văn bản chữ Nôm, cả hai đều có nhiều dị bản nhưng *Quan Âm Thị Kính* được biết đến rộng rãi hơn nhờ đã chuyển thể sang chèo, gần gũi với đời sống tinh thần cư dân đồng bằng Bắc bộ.

Về phương thức thể hiện, truyện Nôm *Quan Âm Thị Kính* mang tính bác học hơn vì dùng nhiều điển cố, điển tích, ngôn từ trau chuốt, đan xen ca dao - dân ca, dùng nhiều hình ảnh so sánh và ẩn dụ, tính cách nhân vật cũng được khắc họa chi tiết, sinh động. Nếu lấy bản kịch của Nguyễn Văn Kinh (khoảng 7.000 câu thơ), ngôn ngữ của *Quan Âm Diêu Thiện* bình dân, dễ hiểu hơn, không bị ràng buộc bởi các điển cố, một phần vì tác phẩm được sáng tác nhằm thuyết giảng đạo pháp. Xã hội trong *Quan Âm Thị Kính* thể hiện nội bật hơn sự thối nát, mục ruỗng của hệ thống quan lại nông thôn thời phong kiến. Còn truyện *Quan Âm Diêu Thiện* chủ yếu lên án tư tưởng cực đoan của tầng lớp thống trị, tiêu biểu qua hình tượng Diêu Trang vương.



Truyện cũng đúc kết chân lý: Chỉ có lòng từ bi, bác ái, không tham - sân - si mới giúp con người tìm ra chân lý, không vướng vào các bẽ khổ trần gian và khi thác xuống, họ được giải thoát về thế giới Tây phương cực lạc.

Dù đều có nguồn gốc từ tích Phật thoại nhưng *Quan Âm Diệu Thiện* mang đậm tính huyền thoại hơn, thể hiện qua các phép nhiệm màu, con vật trợ giúp Diệu Thiện, cõi trần - cõi Tiên - âm ty đan xen như trong truyện cổ tích. Còn tác phẩm *Quan Âm Thị Kính* phần nào thể hiện tính thế sự, không gian truyện gắn liền với đời sống dân gian, những sinh hoạt thường ngày. So với Thị Kính, Diệu Thiện đến với con đường tu hành giác ngộ có phần tự nguyện hơn, xuất phát từ ý thức ngay từ nhỏ. Còn Thị Kính tìm đến cửa Phật để dẹp bỏ quá khứ khổ đau, oan khuất. Tuy nhiên, con đường tu hành của cả hai nhân vật đều trải qua nhiều công gai, nghịch cảnh, trước khi được Phật tổ siêu độ, về cõi Niết bàn hóa thân thành vị Bồ tát đại từ đại bi, luôn lắng nghe những đau khổ của chúng sanh để giúp đời. Điểm chung quan trọng nhất: Cả hai nhân vật dù trải qua bao sóng gió, tai ương nhưng vẫn luôn tin tưởng vào con đường tu đạo, qua đó vượt lên số phận để đắc đạo thành Bồ tát.

TẠM KẾT

Có thể nói, *Quan Âm Diệu Thiện* là truyện thơ Nôm mang màu sắc Phật giáo hiếm hoi vừa mang giá trị văn học, vừa ảnh hưởng sâu đậm đến văn hóa tâm linh của người Việt, đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cả cộng đồng.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đồng Chi (1993), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Viện Văn học.
2. Nguyễn Tô Lan và Rostislav Berezkin (2021), *Phật bà Bé Nam - Truyện Quán Âm Diệu Thiện tại Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm.
3. Nguyễn Thị Nhân (2004), *Mô hình kết cấu truyện Nôm qua nhóm truyện đề tài tôn giáo*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 8, tr.118-129.
4. Nguyễn Đức Đan (1957), *Quan Âm Thị Kính - Giới thiệu và chú thích*, Nxb. Văn Sử Địa.
5. Nguyễn Văn Kinh phiên âm (1925), *Quan Âm tế độ diễn nghĩa kinh*, Nhà in Nguyễn Văn Việt.
6. Viên Trí (2005), *Khái niệm về Bồ tát Quán Thế Âm*, Nxb. Tôn giáo.



Lưu giữ văn hóa tâm linh với nghệ thuật gốm thủ công Nam Bộ

Quốc An

Trong mỗi chúng ta ắt hẳn ai cũng có một khái niệm và cảm nhận nhất định về sự xoay vần khôn cùng của thời gian. Tuy nhiên, đã bao giờ ta đặt khái niệm thời gian song hành cùng dòng chảy lịch sử của nghệ gốm thủ công truyền thống để thực sự hiểu thấu sự khôn cùng ấy?

GÓM VÀ XƯA

Các nền văn minh hưng thịnh đó rồi lại suy tàn. Như hôm nay đây ta lần giở sử sách để tìm hiểu về nền văn minh Maya, Ai Cập, Ấn Độ... Liệu chúng ta có trấn trở rằng thế hệ mai sau - những người con, người cháu của ta sẽ nhớ đến văn hóa của thế hệ hôm nay như thế nào?

Ngày nay, gốm cũng đã được chứng minh là một nhân tố để cung cấp các góc nhìn, nhận định về lịch sử nói chung và lịch sử Phật giáo nói riêng. Trong quyển sách “Nguồn gốc văn minh” của tác giả Will Durant được dịch bởi Nguyễn Hiến Lê đã chỉ ra rằng đồ gốm thực chất đã xuất hiện từ rất sớm ở giai đoạn người sơ khai. Và ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, đề tài trên gốm sẽ thay đổi, góp phần thể hiện một số khía cạnh văn hóa của giai đoạn đó.

Nghề gốm thủ công là một trong những ngành nghề có truyền thống lâu đời của Việt Nam, phát triển rực rỡ nhất khoảng từ cuối thế kỉ X, khi nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập. Đó cũng chính là thời kỳ Phật giáo hưng thịnh, do đó đề tài Phật giáo đã ảnh hưởng không ít đến các hình ảnh, hoa văn, họa tiết trang trí trên gốm. Ví như thời Lý, từ vua quan đến dân chúng đều sùng tín đạo Phật, tôn làm quốc giáo. Thế nên các tòa tháp thu nhỏ, các phù điêu trang trí, các loại gạch lát nền... bằng đất nung không phủ men được khai quật dưới các phế tích đời Lý, thể hiện những đề tài Phật giáo như: Hình Đức Phật tọa thiền, hình rồng ẩn mình trong cánh hoa sen, lá bồ đề hay bay trên mây hoặc đùa giỡn cùng sóng nước. Ngoài loại gốm đất nung, thời



Như Đấng Thế Tôn đã dạy trong kinh *Phước Đức*:
“Có học, có nghề hay... là phước đức lớn nhất”.
 Và có chăng từ những bước đi đầu này, văn hóa
 tâm linh trên gốm thủ công Nam Bộ không còn là
 những câu chuyện đã lưu dấu và đã được kể, mà
 còn là những câu chuyện sẽ được kể.

Lý còn sản xuất được loại gốm gia dụng cao cấp phủ men ngọc, men ngà, men xanh lục rất đẹp. Hoa sen là nguồn cảm hứng dạt dào để tạo mẫu. Những loại bát, đĩa có đồ án trang trí hình hoa sen búp, nở bằng cách đắp nổi hoặc khắc chìm trước khi phủ men đặc sắc. Cuối thời Lý phát minh thêm màu men nâu đậm đã có thể dùng bút lông tô, vẽ thẳng lên cốt gốm. Nhờ đó các đề tài trang trí phong phú và bay bướm hơn. Đến thời Trần, đạo Phật vẫn được cả nước tôn sùng. Vua quan và dân chúng xây dựng chùa tháp khắp nơi. Trên cơ sở truyền thống, nghề gốm liên tục phát triển. Các đề tài Phật giáo như: hình Phật, rồng, hình tháp, hoa sen, hoa cúc, lá bồ đề... vẫn thể hiện trên các vật phẩm gốm xây dựng trang trí và thờ cúng, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng. Ở thời Mạc, văn minh đắp nổi hay khắc chìm trên các sản phẩm gốm ghi lại đủ mọi thành phần xã hội, tầng, tước, nam, nữ... phản ánh tinh thần bình đẳng trong chốn Thiền môn [1].

Ngày nay, dọc theo chiều dài đất nước Việt Nam, nơi đâu nghề gốm thủ công cũng để lại dấu ấn với các sản phẩm tinh xảo, độc đáo ghi đậm hơi thở của văn hóa vùng miền.

Miền Bắc xưa có một số trung tâm gốm cổ như: Bát Tràng (Hà Nội), Phù Lãng (Bắc Ninh), Thổ Hà (Bắc Giang), Hương Canh (Vĩnh Phúc). Nhưng gìn giữ và phát triển đến hiện tại phải kể đến làng nghề gốm Bát Tràng. Danh tiếng của Bát Tràng đã vươn xa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Miền Trung lại có những điều kiện địa lý, lịch sử và văn hóa mang đặc thù riêng biệt từ vùng đất Champa xưa, nên nghề gốm thủ công cũng mang dấu ấn của người Chăm. Sự giao hòa giữa hai dòng gốm Việt - Chăm đã tạo dấu ấn về một dòng gốm mộc mạc, giản dị, thô ráp mà không kém phần cuốn hút bởi đất sét nâu và đất sét vàng ở đây. Tiêu biểu có



thể kể đến gốm Gò Sành (gốm cổ) và Bàu Trúc (còn được lưu giữ). Cuối cùng là gốm Nam Bộ được “*sinh sau đẻ muộn*” trong quá trình khai phá vùng đất mới (thế kỷ XVI đến nay). Vùng phân bố của loại gốm này hiện nằm trong địa bàn TP. Hồ Chí Minh và hai tỉnh Đồng Nai, Bình Dương. Căn cứ vào mối liên hệ cội nguồn và quá trình phát triển của gốm ở khu vực Đông Nam Bộ, một số nhà nghiên cứu gọi chung loại gốm sản xuất ở đây từ đầu thế kỷ XX trở về trước là gốm Sài Gòn, gốm sản phẩm của “*xóm lò gốm Sài Gòn xưa*”, gốm Biên Hòa và gốm Lái Thiêu. Ở phạm vi bài viết này, chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn về gốm thủ công Nam Bộ nói chung cũng như đề tài văn hóa tâm linh trên gốm thủ công Nam Bộ nói riêng.

Đối với nghề làm gốm muốn tồn tại và phát triển phải có vị trí thuận lợi: là nơi có hoặc gần nguồn nguyên liệu, có hệ thống đường thủy tiện cho việc chuyên chở hàng hóa đi nhiều nơi, gần trung tâm thương nghiệp để nắm bắt nhanh nhu cầu thị trường... Xóm Lò Gốm của Sài Gòn xưa đã có những điều kiện

thuận lợi, như: nguyên liệu ở đây thích hợp cho việc sản xuất các loại gốm gia dụng và gốm xây dựng. “*Nhất cận thị, nhị cận giang*”, làng nghề này lại ở giữa Sài Gòn - nơi tập trung nhiều phố chợ nhất miền Gia Định khi ấy. Nam bộ lúc đó là vùng đất đang trong quá trình khai phá nên nhu cầu về đồ gốm gia dụng rất lớn, do vậy thị trường của xóm Lò Gốm không phải chỉ ở Sài Gòn-Bến Nghé mà còn cả miền Tây rộng lớn. Từ cuối thế kỷ XIX quá trình đô thị hóa diễn ra ở Sài Gòn-Bến Nghé và một số thị tứ ở Nam bộ, sản phẩm của xóm Lò Gốm có thêm các loại hình mới phục vụ nhu cầu xây dựng, trang trí kiến trúc của đình, chùa, hội quán, phố chợ, công sở, nhà ở... Khảo sát các di tích cổ ở nhiều tỉnh Nam bộ đều thấy phổ biến các loại gốm trang trí, thờ cúng, nhiều di tích nổi tiếng với những quần thể tượng trang trí trên mái nhà hay tượng thờ, đồ thờ trong nội thất... [2].

Hiện nay, sản phẩm gốm Cây Mai còn có một khối lượng lớn quần thể tượng trang trí, tượng thờ, vật thờ bằng đất nung, gốm sành được lưu giữ ở nhiều

Quá trình tạo tác tượng Phật nói chung hay tượng Phật Thích Ca nói riêng được nghệ nhân điêu khắc - anh Hùng tại Xưởng Thủ Biên chia sẻ là cả một quá trình cân - đo - đong - đếm về thẩm mỹ và kỹ thuật để có được sản phẩm mang tính nghệ thuật cao đến người thưởng thức.

(Ảnh: Vườn Nhà Gốm)



cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dân gian và các tư gia. Trên đồ gốm Sài Gòn còn ghi những hàng chữ như năm sản xuất và chữ điểm (tiệm), điều (lò), như: tượng Giám Trai ở chùa Giác Viên (quận 11), ở góc dưới bên phải có ghi: “Đề Ngạn, Nam Hưng Xương, Điểm Tổ”, “*Canh Thìn Trọng Đông Cát Đán Lập*” (1880). Ở miếu Thiên Hậu (Quảng Triệu Hội quán – quận 1) trên quần thể tiểu tượng gốm ở phần sân miếu có những băng gốm chữ nổi “*Lương Mỹ Ngọc Điểm tạo*” (tiệm Lương Mỹ Ngọc tạo), “*Quang Tự Thập Tam Niên*” (1887) và “*Thạch Loan Mỹ Ngọc tạo*” (lò Mỹ Ngọc ở Thạch Loan tạo), “*Quang Tự Đinh Hợi Tuất*” (1887). Cũng ngay trên quần thể tiểu tượng này còn có những băng gốm khác ghi: “*Đề Ngạn Bửu Nguyên Diêu tạo*” (lò Bửu Nguyên ở Đề Ngạn làm), “*Dân Quốc, Tân Dậu Trùng Kiến*” tức trùng tu năm Tân Dậu, Trung Hoa Dân Quốc (1921). Chữ *Diêu* còn gặp ở một số di tích khác như: Ở đình Minh Hương Gia Thạnh (quận 5), trên quần thể tiểu tượng bằng gốm có ghi “*Mai Sơn, Đồng Hòa Diêu Tạo*” (lò Đồng

Hòa – Mai Sơn tạo), “*Thiên Liên, Tân Sửu Niên Lập*” (1901) hoặc ở miếu Thiên Hậu (Tuệ Thành Hội quán – quận 5) trên những quần thể tiểu tượng gốm trang trí trên nóc miếu có ghi “*Bửu Nguyên Diêu Tạo*” (lò Bửu Nguyên tạo), “*Mậu Thân Niên Lập*” (1908), “*Đồng Hòa Diêu Tạo*” (lò Đồng Hòa tạo), “*Quang Tự Mậu Thân*”... [3].

Đến hiện tại, xóm Lò Gốm cũng như các sản phẩm mỹ thuật của nơi ấy (gọi chung là gốm Cây Mai) hầu như đã mai một. Gốm đa phần chỉ còn là câu chuyện được kể trên đất sét. Vì những nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan (đô thị hóa, kênh rạch bị lấp cản trở giao thương, nhu cầu tiêu dùng...), xóm Lò Gốm của Sài Gòn xưa đã khép lại những trang sử cực thịnh. Tại vùng đất hoàng kim của gốm thủ công Nam Bộ khi xưa, nay chỉ còn mỗi lò gốm chuyên làm bếp lò của ông Năm Tiếp. Viết tiếp câu chuyện của nghề gốm thủ công truyền thống chính là các sản phẩm của gốm Biên Hoà và gốm Lái Thiêu.



Hầu như mỗi công đoạn đều được phụ trách bởi một nghệ nhân lâu năm trong nghề. Một thành phẩm gốm thủ công được tạo nên từ rất nhiều công đoạn như: tạo hình (bởi các phương pháp xoay gốm trên bàn xoay, điều khắc, rót khuôn, nặn...), trang trí (vẽ, chạm khắc, đắp nổi, phủ men...), phơi khô, nung lò.

(Ảnh: Vườn Nhà Gốm)

Các thợ gốm ở Sài Gòn dần dời về vùng ven, và Lái Thiêu là điểm đến lý tưởng, nơi có nguồn nguyên liệu dồi dào, việc giao thương thuận tiện đi các vùng miền khác thông qua cảng Bà Lụa. Những lò gốm dần hình thành với ba trường phái rõ rệt, đặc trưng của gốm Lái Thiêu xưa, đó là dòng gốm Quảng Đông, Phước Kiến, và Triều Châu. Nếu như ở gốm Sài Gòn, thế mạnh là sản xuất các dòng đồ tự khi (thờ cúng), đồ dùng cao cấp, với những kỹ thuật tinh xảo, cầu kỳ, chi tiết, đặc sắc thì sang đến gốm Lái Thiêu, các lò gốm tập trung vào sản xuất dòng đồ gia dụng, từ đồ thờ tự đến các sản phẩm phục vụ nhu cầu sử dụng hàng ngày của giới bình dân như: tô, chén, đĩa, hũ, hộp, ống nhỏ, tượng (tô lớn), tô, σ, thố, ấm, xanh, gỏi, đến sản phẩm sân vườn như đôn, chậu, bình bông, chổi, khạp, lu, đồ thờ cúng tượng, bát nhang, đèn... [4].

Trong khi gốm Cây Mai sử dụng kỹ thuật nặn tay, đắp nổi là chủ yếu; gốm Lái Thiêu lại mạnh về kỹ thuật vẽ trên gốm cũng như sở hữu những màu men hoa biến độc đáo do sản phẩm được nung trong lò củi; thì gốm Biên Hòa được nhớ đến bởi sự tinh xảo của kỹ thuật xoay gốm trên bàn xoay, chạm khắc, chạm lõng, trang trí nét chìm, vẽ nét chìm kết hợp với chạm lõng rồi tô men. Có thể nói, trình độ của gốm Biên Hòa đã vươn ra tầm quốc tế. Năm 1903, người Pháp thành lập Trường dạy nghề Biên Hòa

(École Professionnelle de Bien Hoa), cũng được xem là nơi dạy nghề gốm đầu tiên của Đông Dương, đã góp phần làm thay đổi về chất của gốm Biên Hòa. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, gốm Biên Hòa là thương hiệu lớn với các sản phẩm gốm của Trường dạy nghề Biên Hòa tham dự triển lãm quốc tế tổ chức tại Paris năm 1925 đã từng vang danh trên “thị trường gốm” thế giới (Theo Tiến sĩ - Họa sĩ Đoàn Minh Ngọc - ĐH Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh).

GÓM VÀ NAY

Cách mạng công nghiệp bùng nổ, thị trường xuất khẩu ngày càng được khuyến khích kéo theo sự phát triển của nghề gốm chuyển dịch từ hướng thủ công sang dây chuyền sản xuất. Cộng hưởng với sự thu hẹp đất đai gây nên thiếu hụt nguyên liệu đất sét sản xuất, giao thương cản trở (thay vì đi lại bằng đường thủy dễ dàng như trước) và quan trọng hơn cả là bài toán kinh tế, nhiều làng nghề, gia đình đã từ bỏ nghề thủ công truyền thống hoặc chuyển vào làm cho các nhà máy sản xuất gốm sứ công nghiệp.

Dòng thời gian trôi, tuy dài mà ngắn, mới đó, rồi mất đó. Khó khăn là thế, ấy vậy mà vẫn có những con người lội ngược dòng, vững chãi trước những chông gai, thử thách của thời đại để bám trụ với nghề. Ở Vườn Nhà Gốm (Lái Thiêu, Bình Dương) có một xưởng gốm thủ công với những con người như thế.



Tại Xưởng Thủ Biên trực thuộc Vườn, những nghệ nhân nghề gốm thủ công với thâm niên kinh nghiệm có khi ngót nghét 20 năm, vẫn cần mẫn, trầm lặng nuôi dưỡng tình yêu với đất, dùng những kỹ thuật tạo hình và trang trí của gốm thủ công được truyền lại từ bao đời để tạo ra những sản phẩm của hôm nay. Mỗi người mỗi công đoạn sản xuất, họ tự hiểu rằng dấu đi hết cuộc đời cũng để dấu gì đi hết cái nghề gốm thủ công này. Hơn ai hết họ hiểu rất rõ chỉ có đoàn kết, cùng một lòng giữ trọn vẹn nghề mới mong có ngày viết tiếp được câu chuyện gốm cho thế hệ mai sau.

Vì sao lại nói đi hết đời cũng chẳng thể đi hết nghề gốm thủ công nói chung và nghề gốm thủ công Nam Bộ nói riêng? Một thành phẩm gốm thủ công được tạo nên từ rất nhiều công đoạn như: tạo hình (bởi các phương pháp xoay gốm trên bàn xoay, điêu khắc, rót khuôn, nặn...), trang trí (vẽ, chạm khắc, đắp nổi, phủ men...), phơi khô, nung lò. Hầu như mỗi công đoạn đều được phụ trách bởi một nghệ nhân lâu năm trong nghề. Thế nên khi nói một ai đó dành cả đời cho nghề gốm thủ công, thì đa phần là người ấy đang dành cả đời cho một công đoạn mà mình điều luyện nhất để tạo nên sản phẩm.

Nói thế để thấy tâm huyết của người sáng lập cũng như từng cá nhân tại Vườn Nhà Gốm nói chung và Xưởng Thủ Biên nói riêng là vô cùng đáng trân

trọng. Mỗi sản phẩm gốm thủ công làm ra không chỉ có tính nghệ thuật cao, mà còn là giá trị của sự kết tinh hài hòa từ nhiều bàn tay nghệ nhân. Việc khéo léo vận hành và quản trị con người mang đến sự phối hợp nhuần nhuyễn để tạo nên những sản phẩm độc bản, góp phần duy trì nghề gốm thủ công Nam Bộ, lưu giữ văn hóa đến thế hệ mai sau. Đó chính là thành công của Vườn Nhà Gốm. Đây có lẽ là xưởng sản xuất gốm Nam Bộ thủ công duy nhất còn sót lại tại địa bàn Lái Thiêu với quy trình đầy đủ và tiệm cận nhất với nghề gốm khi xưa.

Đau đầu về việc tìm hướng đi và phát triển thêm một tầng cao mới cho đề tài trên gốm thủ công Nam Bộ, bên cạnh việc lưu giữ những nét văn hóa vốn có, các nghệ nhân tại Xưởng gốm Thủ Biên đã ngày đêm tìm hiểu và cho ra đời các sản phẩm gốm sáng tạo, độc đáo. Bên cạnh những sản phẩm độc bản mang tính nghệ thuật cao, còn có các tác phẩm gốm thủ công thể hiện đậm nét văn hóa tâm linh vùng miền mà không nơi đâu có được như: Bộ bình gốm vuốt tay sáng tác theo chủ đề “Đám Rước” Lễ Thượng Nguyên cùng hình ảnh chùa Bà (Thiên Hậu), tượng Phật khắc áo hoa, tượng Phật A Di Đà, tượng Phật Thích Ca. Gốm thủ công không chỉ đơn thuần là sản phẩm sưu tầm hay trang trí mà đã trở thành phương tiện “kể chuyện” cho người thưởng thức, khắc ghi mãi trên thân những giá trị văn hóa tâm linh.



Bộ bình gốm vuốt tay sáng tác theo chủ đề “Đám Rước” Lễ Thượng Nguyên cùng hình ảnh chùa Bà (Thiên Hậu).
(Ảnh: Vườn Nhà Gốm)

Quá trình tạo tác tượng Phật nói chung hay tượng Phật Thích Ca nói riêng được nghệ nhân điêu khắc - anh Hùng tại Xưởng Thủ Biên chia sẻ là cả một quá trình cân - đo - đong - đếm về thẩm mỹ và kỹ thuật để có được sản phẩm mang tính nghệ thuật cao đến người thưởng thức. Từ một khối đất sét vô tri vô giác, được bàn tay tài hoa của nghệ nhân điêu khắc gọt, nặn, khắc, chạm từng đường nét, trải qua gần 30 ngày hoàn thiện cùng hàng giờ liên tục chịu đựng với sức nóng từ 1.130 đến 1.140 độ của lửa đỏ đã trở thành những tác phẩm gốm thủ công lưu dấu ấn sâu sắc. Ở đây không có chỗ cho sự tính toán chi li từng centimet của các chương trình vẽ máy tính, mà tính quyết định hoàn toàn ở nằm ở sự tinh tế của con mắt người làm nghề. Mỗi nét mặt, khuôn mày, dáng ngồi, tà áo của tượng được khắc họa chi li bởi bàn tay và cả tấm lòng của người tạo tác. Và qua từng công đoạn, mỗi tượng ở xưởng lại được khoác thêm một lớp áo hoàn hảo của tay nghề, cũng như thêm một tấm lòng của những người tham gia sản xuất. Có lẽ vì thế mà cái hồn của gốm thủ công luôn trường tồn trước bao biến động của thời cuộc.

Dù dòng chảy thời gian có cuồng quay hay nhịp sống mỗi ngày mỗi hối hả, gốm thủ công của Vườn Nhà Gốm vẫn trầm lắng, rục rờ nhưng không hề phô trương, nhẹ nhàng len lỏi vào đời sống tâm hồn của nhiều người yêu nghệ thuật nói chung và yêu gốm nói riêng, tươi mát cho những gì đã quá cần cỗi. Ví như tượng Phật Thích Ca mới được ra mắt của Vườn Nhà Gốm đang mang trên mình một sự bình yên tuyệt diệu. Có lẽ sự bình yên đó đến từ tấm lòng, tâm hồn của những con người tạo tác nên, rồi

lan tỏa đến người nhìn. Có thể bạn chưa phải là Phật tử thuần thành, hay người quá mến mộ đạo Phật, nhưng khi ngắm nhìn bức tượng, biết đâu một mối nhân duyên nào đó được khơi lên, chúng từ thiện vì thế có nơi đâm chồi.

Thay lời kết

Như Đấng Thế Tôn đã dạy trong kinh *Phước Đức*: “*Có học, có nghề hay... là phước đức lớn nhất*”. Và có chăng từ những bước đi đầu này, văn hóa tâm linh trên gốm thủ công Nam Bộ không còn là những câu chuyện đã lưu dấu và đã được kể, mà còn là những câu chuyện sẽ được kể. Để rồi mai sau, người ta sẽ nhớ đến một nơi với những con người dù không còn ở thời kỳ đỉnh cao của gốm thủ công truyền thống, nhưng vẫn giữ một tình yêu đẹp đẽ nhất với gốm để lưu dấu văn hóa của ngày hôm nay lên từng tác phẩm nghệ thuật của mình. Đó cũng là câu trả lời cho câu hỏi: Liệu rằng thế hệ mai sau - những người con, người cháu của ta sẽ nhớ đến văn hóa của thế hệ hôm nay như thế nào? Sẽ có nhiều cách thức khác nhau để tìm hiểu về một thời kỳ đã qua và gốm thủ công sẽ là một trong những phương thức ấy. Và đến một lúc nào đó của thi tương lai, gốm sẽ thay ta kể những câu chuyện cần được kể.

Chú thích:

- [1] <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/4818/dje-tai-phat-giao-tren-djo-gom-co-viet-nam.html>.
- [2] <http://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3101/69624/xom-lo-gom-sai-gon-xua.html>.
- [3] <http://www.covatvietnam.info/co-vat-chat-lieu-gom/tim-hieu-ve-gom-cay-mai/>.
- [4] <https://www.ktds.vn/gom-lai-thieu->.



PHẬT GIÁO

**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**



NGÀN NĂM MÂY BẠC vẫn thông dong

Tỳ kheo Thích Từ Thông

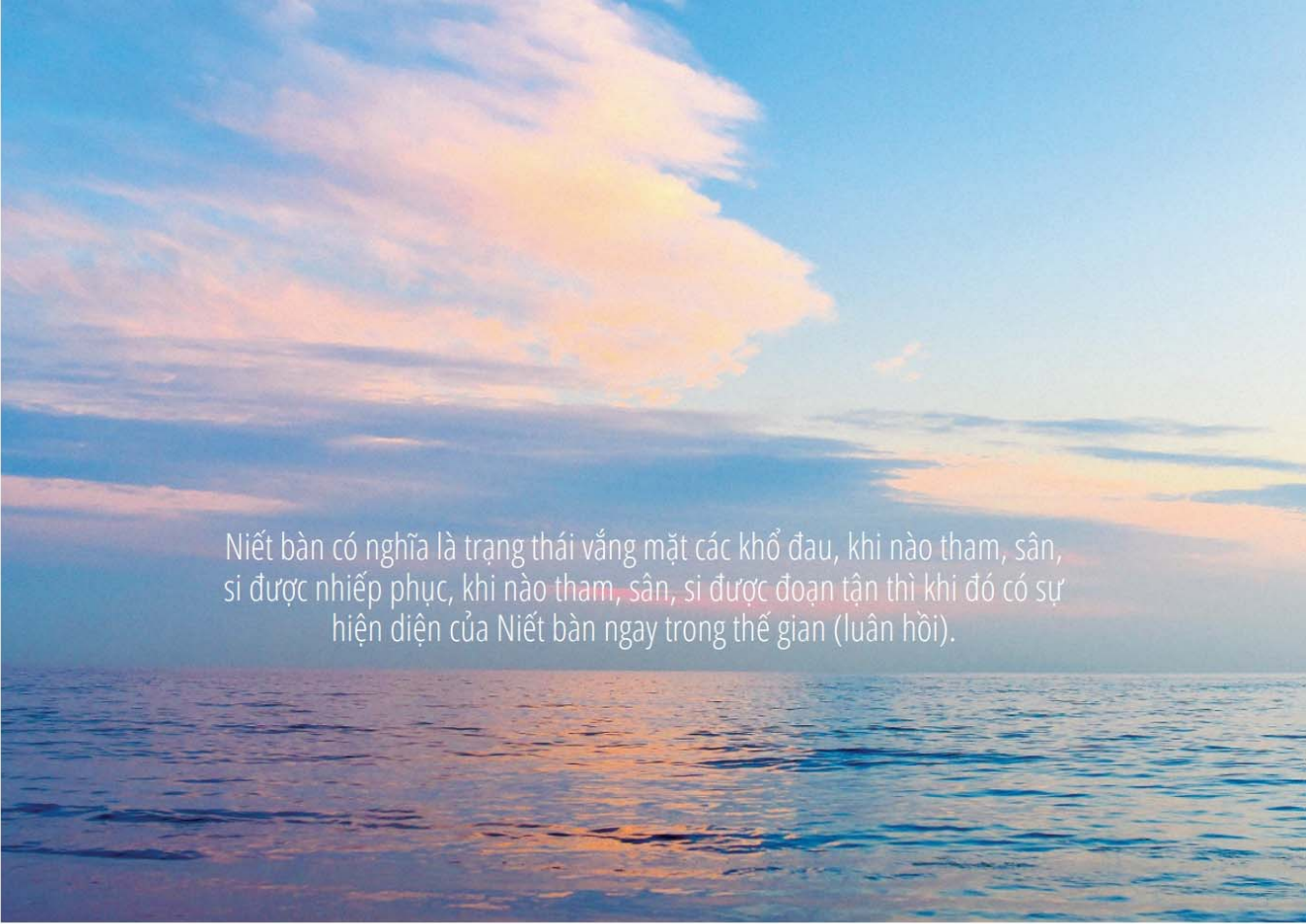
“**Đ**ối với sắc mà sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, đó gọi là Tỳ kheo chứng đắc Niết bàn ngay trong hiện tại” [1].

Cuộc sống của con người là sự đối mặt với những tác động từ những yếu tố ngoại tại với những trạng thái tâm lý phức tạp đan xen lẫn nhau, mà mỗi người có một nhận thức khác nhau về bản chất của sự vật hiện tượng cũng như phương diện hành động. Khát vọng tái sinh về các cảnh giới thù thắng, an vui hoặc buông xuôi tất cả để mặc cho con tạo xoay vần, thả trôi mình theo những dục vọng cuồng say náo nhiệt. Hay là khuynh hướng thoát ly khỏi những bế tắc mà vị ngọt và sự nguy hiểm mà cuộc sống vật chất hiện đại đang bawa vẫy để tìm lại một chút bình yên, những chiêm nghiệm thanh tao thoát tục của một lối sống Thánh xuất thế? Trong bài viết này, chúng ta sẽ tìm hiểu quan điểm về tính hai mặt của một thực tại, cụ thể đó là phạm trù “Niết bàn” và “thế gian” theo tư tưởng của ngài Long Thọ (Nāgārjuna) thông qua tác phẩm Trung Luận (Madhyamikasūtra), qua đó định hướng nhận thức và hành động trong đời sống hiện tại.

1. CHÂN LÝ TƯƠNG ĐỐI VÀ CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI

Thế giới mà chúng ta đang tồn tại, vận hành với các quy luật vận động theo các cặp phạm trù đối lập nhưng tương hỗ: Đẹp - xấu, sáng - tối, hiện hữu - không hiện hữu, sanh tử - Niết bàn, ... Để hiểu được một khía cạnh tuyệt đối, không thể nào bỏ qua các tính chất tương đối. Bởi sự tuyệt đối còn được hiểu là sự phủ định của những thứ tương đối, nằm trong phạm vi khả năng nhận thức suy nghiệm của con người.

Trong Trung Luận, ngài Long Thọ đã khái quát thành hai phạm trù quan điểm tương đối và tuyệt đối, nằm trong học thuyết Tánh không, xây dựng trên Duyên khởi và Trung đạo. Ngài phân loại các phạm trù nhận thức trong Phật giáo thành hai đại bộ phận: Tục đế và Chơn đế: “*Chư Phật y Nhị đế, vì chúng sanh thuyết pháp: Một là thế tục đế, hai là đệ nhất nghĩa đế*” [2] (諸佛依二諦, 為眾生說法: 一以世俗諦, 二第一義諦) [3]. Sở dĩ có sự khái quát này không phải là sự sáng tạo ngẫu nhiên của Long Thọ, mà những tư tưởng chủ đạo được Ngài khai thác trực tiếp từ nguồn kinh điển A-hàm cùng với Nikāya và bao gồm tư tưởng của các nhà Đại thừa thời bấy giờ.



Niết bàn có nghĩa là trạng thái vắng mặt các khổ đau, khi nào tham, sân, si được nhiếp phục, khi nào tham, sân, si được đoạn tận thì khi đó có sự hiện diện của Niết bàn ngay trong thế gian (luân hồi).

Diễn hình như kinh *Poṭṭhapāda* ghi nhận: “*Này Poṭṭhapāda có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. Này Poṭṭhapāda có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát*” [4]. Trong *Arahantasutta* ghi nhận về một vị Tỳ kheo A-la-hán đã làm các điều phải làm, các lậu hoặc kiết sử đã đoạn tận: “*Vị ấy khéo biết rõ, danh xưng ở thế gian, vì chỉ là danh xưng, vị ấy cũng danh xưng*”.

Trong *Tạp A-hàm*, Đức Phật cũng đề cập đến vị A-la-hán: “*Đã lìa nơi ngã mạn, Không còn tâm ngã mạn; Siêu việt tôi, của tôi, Ta nói là lậu tận. Đối tôi, của tôi kia, tâm trọn chẳng chấp trước; hiểu danh tự thế gian, bình đẳng giả danh nói*” [6]; (已離於我慢, 無復我慢心, 超越我我所, 我說為漏。於彼我我所, 心已永不著, 善解世名字, 平等假名說) [7]. Vì thế, ngài Long Thọ trong *Đại trí độ luận* giải thích: “*Đệ nhất nghĩa tất đàn nghĩa là tất cả pháp tánh, tất cả ngôn ngữ luận nghị, tất cả những gì gọi là pháp hay phi pháp, mỗi một phạm trù như vậy đều có thể bị phân tích, xây dựng hay phá vỡ. Tuy nhiên, đối với pháp chân thật được chư Phật, Bích Chi Phật, A-la-hán tuyên thuyết thực hành thì không thể tách rời, không thể phá tan*” [8].

Như vậy, có thể thấy đệ nhất nghĩa tức là phạm trù mà các bậc Thánh đã chứng ngộ và vượt thoát khỏi mọi phạm vi luận nghị, ngôn ngữ của thế gian. Tuy nhiên vì dễ phù hợp với các đối tượng, căn cơ, trình độ khác nhau mà có sự chọn lựa phương tiện sử dụng giáo pháp cho thích ứng với tinh thần khế lý - khế cơ. Do đó, cũng trong *Đại trí độ luận*, Long Thọ đã khái quát thành “*Tứ tất đàn*”: *Thế giới tất đàn* (giáo pháp mang ý nghĩa tùy thuận mọi người với mục đích dẫn mọi người hướng về Phật pháp); *Đối trị tất đàn* (giáo pháp chỉ mang ý nghĩa ngăn chặn các việc làm sai lầm nào đó); *Các các vị nhơn tất đàn* (giáo pháp tùy theo căn cơ khác nhau của chúng sanh, giáo dục họ phát khởi tâm hướng thượng hướng thiện); *Đệ nhất nghĩa tất đàn* (giáo pháp với mục đích làm cho mọi người thấy rõ thật tướng của tất cả các pháp). Long Thọ lấy *Tứ tất đàn* này để hệ thống phân loại toàn bộ lời Phật dạy, không ngoài ý nghĩa tất cả Phật pháp “*đều là thật, không trái ngược mâu thuẫn lẫn nhau*” [9].

Đây cũng chính là tính Không hay Trung đạo mà ngài Long Thọ đề cập, chính nhờ sự phân chia này mà có lẽ đã đưa Long Thọ lên hàng học giả lỗi lạc. Bởi trước Long Thọ, các nhà bộ phái và Đại thừa



Đức Phật tuyên bố: “Cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ‘không’ Ta cũng nói là ‘không’... cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ‘có’ Ta cũng nói là ‘có’... người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là ‘có’... ở trong đời, này các Tỳ kheo có thể pháp (lokadhamma).

kịch liệt kinh chống nhau, một bên thiên nặng về thực tế, một bên nghiêng về chủ nghĩa siêu hình. Vì vậy, Long Thọ đã giải thích dựa trên bản chất tùy duyên bất biến màu nhiệm của Phật giáo và tiến hành hệ thống lại các tư tưởng Phật giáo, đó chính là Tánh không - Trung đạo - Duyên khởi.

Giáo pháp của Đức Phật mang tinh thần “Tùy duyên hóa độ”, tức tùy theo trình độ sai khác ở sự nhận thức của mỗi người mà có những bài pháp thích ứng với từng đối tượng. Đối với hàng cư sĩ tại gia, Đức Phật thường hay khuyên dạy họ thực hành Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện nghiệp, bố thí, cúng dường cho các Sa-môn Bà-la-môn với tài sản thân hoạch hợp pháp. Ngoài ra, Đức Phật còn khuyến khích việc lao động sản xuất làm lợi cho mình làm lợi cho người, cho đến giáo hóa các hạng cùng đinh trong xã hội, người cùi, dân, quan, ngoại đạo, vua chúa,...

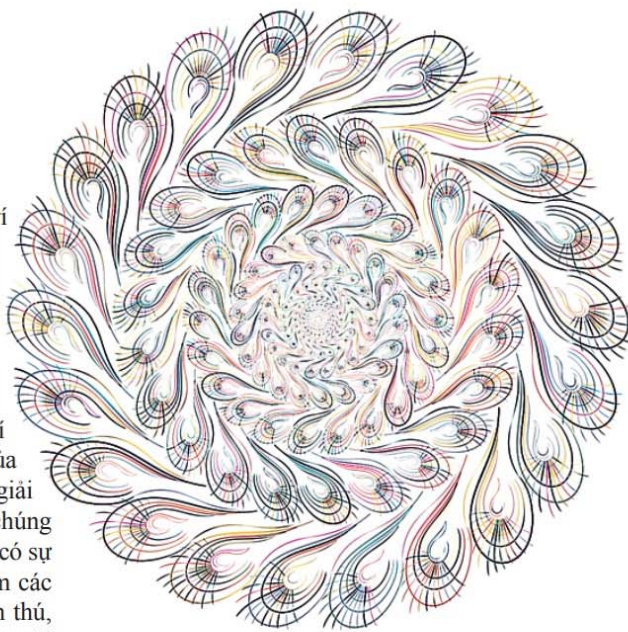
Bởi đơn giản một điều, Phật giáo muốn tồn tại và truyền bá giáo lý trong thế gian phải tùy thuận vào thế gian, để từ đó thuyết giảng pháp xuất thế gian. Điển hình như bài kinh 347 thuộc *Tạp A-Hàm*, khi du sĩ Tu Thâm (Susima) khi đến tham vấn các Tỳ kheo đạt được “*tự giải thoát*”, do không thông hiểu giáo lý căn bản và cũng chẳng hiểu về thiền định trong Phật giáo nên khởi lên các câu hỏi nghi vấn, ông

đến gặp Phật và Đức Phật bảo rằng: “*Không luận là người biết hay không biết, mà trước hết phải tự biết pháp trụ, sau đến biết Niết bàn, như các thiện nam tử kia một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, tâm khéo giải thoát đã*” [10].

Đức Phật đã dạy, trước hết phải biết pháp trụ, sau đến Niết bàn. Như thế nào là pháp trụ, kinh văn tiếp tục giải thích: “*Phật bảo Tu-thâm: “...Có phải vì có sanh nên có già, chết; không phải lìa sanh mà có già, chết chăng?”...Có phải vì có vô minh nên có hành; không phải lìa vô minh mà có hành chăng?”...“Vì không sanh nên không già chết và không thể lìa cái diệt của sanh mà già chết diệt được”...“Vì không có vô minh nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt được”...“Người biết như vậy, thấy như vậy, có phải là ly dục và pháp ác bất thiện, cho đến tự thân tác chứng an trụ đầy đủ chăng?”...“Bạch Thế Tôn, không phải vậy”... “Đó gọi là trước hết biết pháp trụ, sau đến biết Niết bàn, mà các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát”*” [11].

Khi Tu Thâm thưa hỏi Đức Phật làm thế nào để biết được pháp trụ trí, làm thế nào để thấy được pháp trụ

tri. Sau đó, Đức Phật đã giải thích về pháp trụ trí tức là trước tiên người đó phải biết rõ về những gì đang diễn ra trong thế giới hiện tại mà họ đang sinh sống. Đó là các pháp tùy thuận theo nhân - duyên - quả đối với tiến trình 12 nhân duyên (vô minh, hành, thức...), chúng tương hỗ nhau, cái này có cho nên cái kia có, cái này sanh cho nên cái kia sanh. Nhờ nền tảng của Trí Pháp trụ này, từ đó mới có thể nhập vào trí của Niết bàn (Tuệ giải thoát). Như vậy, tức là muốn giải thoát đến Niết bàn, thì ngay trong hiện tại này, chúng ta phải có sự quán sát và hành động, không thể có sự kiện một người thân, khẩu, ý không tu tập, làm các điều bất thiện lại có thể sanh vào các cõi thiện thú, thiên giới. Nhưng người thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, do nhân duyên ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này, sự kiện này có thể xảy ra. [12]



Trong *Tương ưng Vô thí*, Đức Phật dạy: “*Vô thí là luân hồi (saṃsāra), này các Tỷ kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc*”.

2. NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG

Trở lại với bài kệ trong Trung Luận: “涅槃與世間，無有少分別，世間與涅槃，亦無少分別” (Na saṃsārasya nirvāṇāt kimp cid asti viśeṣaṇam, Na nirvāṇasya saṃsārāt kimp cid asti viśeṣaṇam) [13]. Câu kệ trên được dịch là: “*Niết bàn với thế gian, không có chút phân biệt, thế gian với Niết bàn, cũng không chút phân biệt*” [14]. Trong đó chữ “世間” nếu theo nguyên nghĩa trong bài kệ của nó là “saṃsāra” với ý nghĩa rộng hơn “thế gian”. Saṃsāra thường được hiểu là vòng luân hồi, một chu kỳ sinh tử bất tận hoặc một thế giới đời sống trần tục [15]. Còn đối với Niết bàn (nirvāṇa; nibbana) miêu tả một trạng thái vắng mặt tham, sân, si; trạng thái mát mẻ, an vui. Tại sao giữa hai phạm trù đối lập này lại được Long Thọ viết rằng chúng chẳng có chút phân biệt?

Bởi Phật pháp khác hẳn với các phương pháp hiểu biết thường tình của thế gian, vì Đạo Phật được xem là “*đến để mà thấy*” và “*đến để tự mình chứng ngộ*”, do đó không thể dùng các kiến giải thông thường của thế tục mà có thể thấu rõ bản chất của Niết bàn. Đức Phật xác nhận rằng: “*Như Lai sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời và sống không bị đời ô nhiễm*” [16]. Với tuệ giải thoát vô phân biệt, Đức Phật tuyên bố: “*Cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ‘không’ Ta cũng nói là ‘không’... cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ‘có’ Ta cũng nói là ‘có’... người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta*

cũng nói là ‘có’... ở trong đời, này các Tỷ kheo có thể pháp (lokadhamma). Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ” [17].

Thế pháp ở đây nghĩa là năm thủ uẩn, tức nó liên hệ với con người thực tại đang hiện hữu; không chấp trước vào các khái niệm ngôn ngữ, nhìn vào bản chất thực tại của con người mà từ đó Đức Phật chứng ngộ Niết bàn. Cũng như những hoa sen sanh ra trong bùn nước nhơ và vươn lên khỏi nước bùn nhơ, nếu như không có bùn không có nước thì sẽ không có hoa sen; chính nhờ quá trình hấp thu và chuyển hóa vật chất lẫn nhau từ đó mới có sự sanh khởi muôn loài vạn vật, đó cũng chính là tính duyên khởi trung đạo, chẳng rời nhau mà cũng chẳng chống đối với nhau.

Trong *Tương ưng Vô thí*, Đức Phật dạy: “*Vô thí là luân hồi (saṃsāra), này các Tỷ kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc*” [18]. Vòng luân hồi (saṃsāra) là không có khởi điểm, tất cả những kiếp sống mà chúng sanh phải trải qua thật không thể tính điểm được, cũng như nước mắt mà con người đã khóc vì sự chia lìa trong quá khứ nhiều như nước biển trong bốn biển lớn,... tức là vòng luân hồi (saṃsāra) là chỗ mà các loài chúng sanh phải tới



lui; cho đến khi nào thoát khỏi sự che đậy của vô minh và sự trôi buộc của tham ái, thì mới được xem là thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử thế gian, tức đạt đến Niết bàn. Bởi vì: “Đồng nghĩa với Niết bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc”, “Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này các tỳ kheo được gọi là bất tử” và “Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định” [19]. Con đường Thánh tám ngành này tức là Trung đạo mà Như Lai đã tuyên bố lần đầu tiên trong bài kinh Chuyển Pháp Luân [20].

Trạng thái tâm thanh tịnh giải thoát, không bị ba độc chi phối được xem là Tánh không theo kinh Pháp ấn trong Tạp A-hàm [21]: “Nếu Tỳ kheo nào nói như vậy: ‘Tôi đối với tam muội Không chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, là được tri kiến kiêu mạn.’ Chớ nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng,...thì việc này sẽ không xảy ra”.... “Nếu Tỳ kheo nào, ngồi dưới bóng cây, chỗ trống vắng, mà khéo quán sát sắc là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức... Đó gọi là Không”.

“Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn tận của tướng sắc, sự đoạn tận của tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi là vô tướng...
...quán sát sự đoạn trừ tướng tham, tướng sân nhuế, tướng ngu si. Đó gọi là Vô sở hữu...quán sát về ngã, ngã sở từ thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, biết mà sanh ra... “Lại tư duy do nhân gì, duyên gì mà sanh thức; nhân kia, duyên kia của thức đều là vô thường...là hành của hữu vi, từ duyên khởi, là pháp tai hại, là

Thế giới mà chúng ta đang tồn tại, vận hành với các quy luật vận động theo các cặp phạm trù đối lập nhưng tương hỗ: Đẹp - xấu, sáng - tối, hiện hữu - không hiện hữu, sanh tử - Niết bàn,...

pháp hoại diệt, là pháp ly dục, là pháp đoạn tri. Đó gọi là Thánh pháp ấn, tri kiến thanh tịnh” [22].

Qua đó, chúng ta thấy rằng “tam muội Không” nghĩa là sự quán sát về bản chất giả tạm, không thật có của tam thân năm uẩn này (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), sự quán chiếu về năm uẩn như vậy từ đó không còn phát sanh những tư tưởng tham luyến, cố chấp sai lầm. Đây được gọi là “Chánh tam muội tư duy” tức thực hành Trung đạo (Bát thánh đạo), như vậy được gọi là Thánh Pháp ấn, tri kiến thanh tịnh.

3. TỊNH ĐỘ GIỮA TRẦN GIAN

Như vậy, chúng ta nhận thấy, Niết bàn có nghĩa là trạng thái vắng mặt các khổ đau, khi nào tham, sân, si được nhiếp phục, khi nào tham, sân, si được đoạn tận thì khi đó có sự hiện diện của Niết bàn ngay trong thế gian (luân hồi). Trung Luận ghi: “受諸因緣故，輪轉生死中；不受諸因緣，是名為涅槃” [23], nghĩa là: Khi có mặt của sự chấp thủ đối với các nhân duyên, thì vẫn còn sự lưu chuyển trong vòng sanh tử; nếu không còn chấp thủ đối với các nhân duyên nữa thì gọi là Niết bàn.

Do đó Niết bàn được hiểu là tiến trình đoạn giảm, đoạn trừ những nguyên nhân nào dẫn đến sự tái sanh trong vòng luân hồi; cũng như một đồng lửa lớn đang cháy, nếu nó không được tiếp thêm các điều kiện để duy trì sự cháy (nhiên liệu, oxy,...) thì đám lửa đang cháy đó sẽ đi đến tàn lụi, mà không thể nào chỉ ra rằng ngọn lửa đó đã đi về đâu. Tương tự như vậy, chúng ta không thể diễn tả Niết bàn một cách chính xác nhất, nhưng thông qua việc làm chủ các trạng thái tâm lý tiêu cực, lắng đọng các phiền não nhiễm ô đang có mặt, tiến hành điều chỉnh và làm chủ những trạng thái tiêu cực này.

Cần phải có Pháp Trụ trí để nhìn nhận được sự vận hành của các pháp nhân duyên, thì mới chứng được trí tuệ Niết bàn. Đối với những người không tìm hiểu tận tường về “Tánh không” mà lại cho rằng “nhất thiết pháp giai không” điều này có thể dẫn đến những hệ lụy lệch lạc về tư tưởng và phương hướng hành động. Nói đến Tánh không tức là nói đến bản chất của các pháp vốn là duyên sanh do đó chúng không thật có, mà chỉ là giả có. *Bát-nhã tâm kinh*, cũng khẳng định rằng: Nếu như bỏ tất khi thực hành sâu vào trong trí tuệ Bát-nhã-ba-la-mật-đa, soi rọi thấy năm uẩn điều là không thật có, tức vượt thoát mọi khổ ách. Từ góc độ tánh không mà đi sâu vào bản chất của quy luật, thì tánh không này cũng phải được chứng ngộ trong sự thể nhập. Trí hiểu rõ về Tánh không, không phải là phủ nhận tất cả, cho đó là trống rỗng; trái lại cần phải nhìn vào sự hiện hữu của nó và xem xét thấy rằng chúng tuy có nhưng bản chất của chúng là không thật có.

Theo quan điểm thực hành của Đạo Phật, muốn thoát khỏi thế gian hay vòng luân hồi, chúng ta phải thực hành những hành vi đúng đắn, mà không phải là “không làm gì cả”. Để được giải thoát khỏi sanh tử, trước hết người ta phải có những nhận thức đúng dựa trên căn bản thiện và bất thiện, như tín tâm, trì giới, học pháp, bố thí, thiền định, tự trung đồ chính là “không tham, không sân, không si”, mà không phải là sự thụ động rơi vào chủ nghĩa hư vô. Vì vậy, cho dù trên phương diện lý thuyết hay thực hành, thì đây là một quá trình tất yếu để đạt được Niết bàn hay “Tánh không” từ chính ngay trong sự tồn tại của mỗi cá nhân.

4. KẾT LUẬN

Thế gian (luân hồi) với Niết bàn, tuy về mặt ngữ nghĩa mặc dù có sự khác biệt, tuy nhiên bản chất của Luân hồi và Niết bàn đều nằm trong quy luật Duyên khởi, mỗi một cá nhân sẽ tự quyết định cho sự luân hồi hay Niết bàn của mình thông qua sự nỗ lực thực hành đoạn trừ ba độc tham, sân, si. Niết bàn chính là đích đến khi đã đoạn trừ tham, sân, si: “*Đối với sắc mà sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, đó gọi là Tỳ kheo chứng đắc Niết bàn ngay trong hiện tại. (tương tự với thọ, tưởng, hành, thức)*” [24].

Đức Phật tuyên bố: “*Chính ở trong thân thể dài một tầm, có tướng, có thức này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và*

con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới” [25]. Điều này ngụ ý rằng, sự giải thoát giác ngộ là một tiến trình thanh lọc tự thân thoát ra khỏi ba độc, thông qua quá trình tư duy thiền quán và thực hành các công hạnh ba-la-mật ngay tại thế gian này, bằng chính cơ thể với sức lực và trí tuệ của chính chúng ta. Do vậy, giải thoát hay luân hồi nằm ở ý chí tự do hành động của mọi người mà không phải là sản phẩm từ một đấng tuyệt đối chúa tể nào cả.

Bởi, “*Do tâm nhiễm ô, này các Tỳ kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, này các tỳ kheo, chúng sanh thanh tịnh*” [26]. Tâm thanh tịnh hay nhiễm ô cũng là pháp duyên sanh, do đó đối với cái thấy của bậc đã giải thoát hoàn toàn thì xem xét sanh tử với giải thoát không khác, Luân hồi với Niết bàn cũng chẳng sai biệt. Vì các pháp đó vốn dĩ không phải là hỷ luận pháp, không thể thấu rõ do suy lường phân biệt; chỉ có thể tự thân mỗi người đi đến để thấy đến chứng nghiệm, thông qua quá trình rèn luyện trên nền tảng đạo đức (Giới), Thiền định và Trí tuệ một cách tinh tấn tròn đầy mới có thể thấu rõ thật tướng của vạn pháp.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] *Tập A-Hàm I, Tiểu Tạng kinh*, tr.58
- [2] Ân Thuận, *Lược Giảng Luận Trung Quán*, tr.8
- [3] CBETA 2021.Q4, T30, no. 1564, p. 32c16-17
- [4] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.151
- [5] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.19
- [6] *Tập A-Hàm III, Tiểu Tạng kinh*, tr.1841
- [7] CBETA 2021.Q4, T02, no.99, p.154c7-10
- [8] Dẫn theo: *Ân Thuận, LSTTPGÁD*, tr.239
- [9] Xem thêm: *Ân Thuận, LSTTPGÁD*, tr.238
- [10] CBETA 2021.Q4, T02, no. 99, p.97b11-14; *Tập A-Hàm I, Tiểu Tạng kinh*, tr. 629
- [11] CBETA 2021.Q4, T02, no. 99, p. 97b15-c4; *Tập A-Hàm I, Tiểu Tạng kinh*, tr.629-630
- [12] *Tăng Chi Bộ, TTTDPGVN*, tr.32
- [13] *CBETA 2021.Q4, T30, no.1564, p.36a4-5*
- [14] *Ân Thuận, LGLTQ*, tr.32
- [15] Nguồn: <https://www.wisdomlib.org/definition/samsara>
- [16] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.617
- [17] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.617
- [18] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.421
- [19] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.1001
- [20] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.1296
- [21] *CBETA 2021.Q4, T02, no.99, p.20a25*
- [22] *Tập A-Hàm I, Tiểu Tạng Kinh*, tr.149-150
- [23] *CBETA 2022.Q1, T30, no. 1564, p.35b9-11*
- [24] *Tập A-Hàm I, Tiểu Tạng kinh*, tr.58
- [25] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.81
- [26] *Tương Ưng Bộ, TTTDPGVN*, tr.625.



HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP

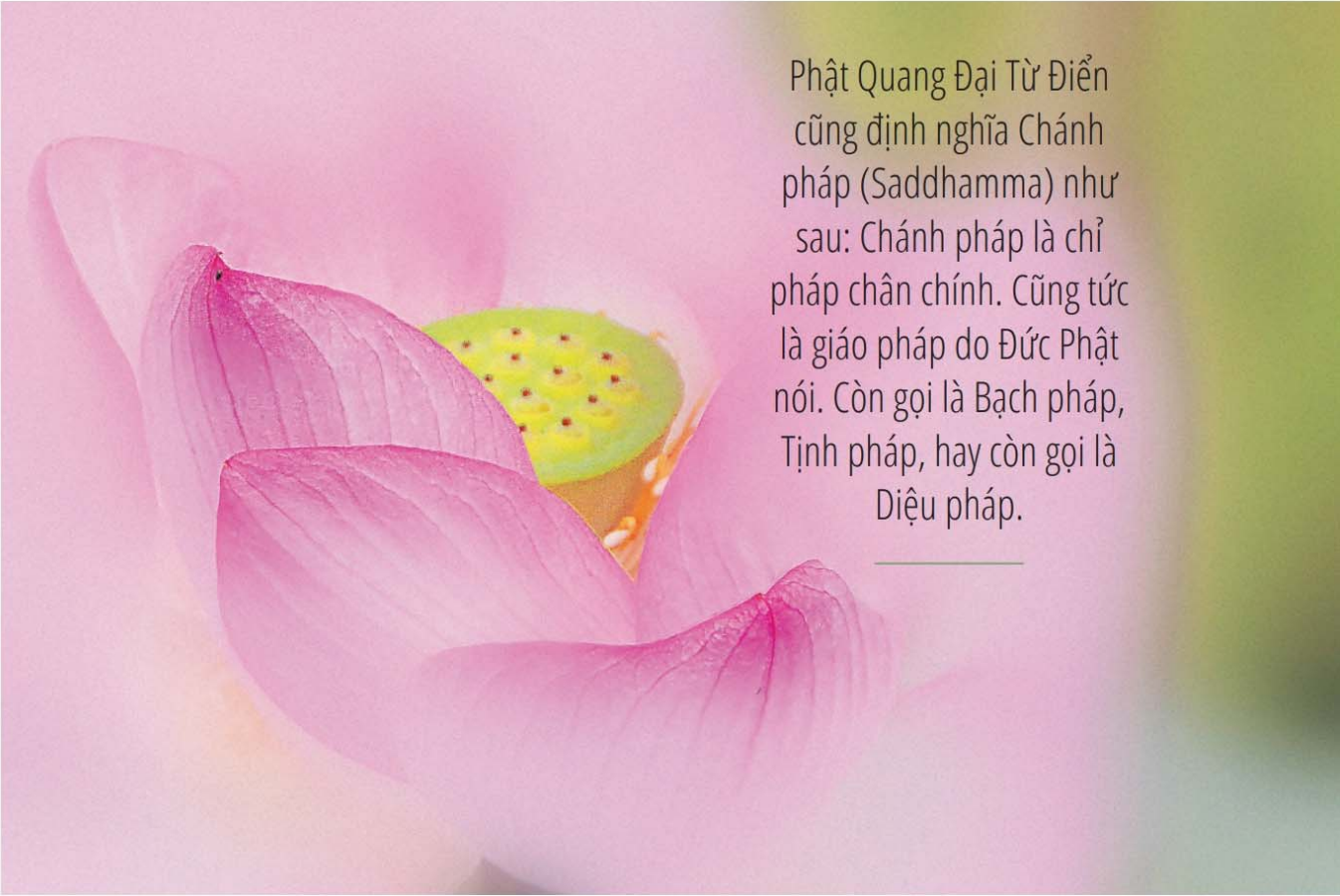
việc làm thiết thực của người con Phật trong mọi thời đại

Thông Bảo

Sau hơn 2.600 năm hình thành và phát triển, Phật giáo đã có mặt trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Sự phát triển ấy có được nhờ những lời dạy minh triết của Đức Phật luôn lấy con người làm trung tâm, phù hợp với mọi căn cơ của chúng sanh. Suốt hàng ngàn năm qua, Chánh pháp do Đức Phật dạy đã mang lại ý nghĩa cho hàng triệu người trên thế giới, là kim chỉ nam soi sáng và thức tỉnh nhân loại. Vì vậy, giữ gìn và phát triển Chánh pháp nhằm đem lại lợi ích cho bản thân và chúng sinh là việc làm thiết thực của mọi người con Phật.

HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP LÀ GÌ?

Hộ là che chở, bảo bọc, làm cho vững chãi, bền lâu. Trì là nắm giữ, giữ gìn. Hộ trì có thể hiểu nghĩa rộng là phát tâm giúp đỡ, bảo hộ làm cho lớn mạnh, vững chãi, dài lâu một việc mà mình tin rằng tốt đẹp, xét ra thấy lợi mình, lợi người ở hiện tại và tương lai. Khi nói về hai từ Chánh pháp, chắc chắn mỗi người đều có khái niệm của riêng mình. Nhưng trong phạm vi bài viết này, người viết theo định nghĩa Đức Phật đã từng dạy về “Chánh pháp” trong kinh Trường Bộ: “Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu” [1]. Phật Quang Đại Từ Điển cũng định nghĩa Chánh pháp (Saddhamma) như sau: Chánh pháp là chỉ pháp chân chính. Cũng tức là giáo pháp do Đức Phật nói. Còn gọi là Bạch pháp, Tịnh pháp, hay còn gọi là Diệu pháp [2].



Phật Quang Đại Từ Diển
cũng định nghĩa Chánh
pháp (Saddhamma) như
sau: Chánh pháp là chỉ
pháp chân chính. Cũng tức
là giáo pháp do Đức Phật
nói. Còn gọi là Bạch pháp,
Tịnh pháp, hay còn gọi là
Diệu pháp.





Đức Phật luôn nhấn mạnh sự nỗ lực của tự thân tu tập Chánh pháp, bằng cách này ta mới có sự hạnh phúc an lạc, thư thái tâm hồn, không sầu não bất an, đó là sự hộ trì giá trị và cao quý nhất, chứ không phải bái lạy hay cúng dường hình thức bề ngoài.

Như vậy, Chánh pháp không phải là tập hợp những chuyện bí ẩn và thần thoại để thử thách con người phán đoán tính hư thực của chúng, mà là những lời Thế Tôn nói ra đúng với sự thật và thiết thực cho đời sống con người, phù hợp với mọi thời đại, mọi căn cơ, mọi hạng người, đem lại lợi ích an lạc cho số đông. Cho nên, Chánh pháp được ví như ngọn đuốc soi đường trong đêm tối, giúp hành giả thấy rõ lối đi để tiến bước đến chân trời bình an và hạnh phúc. Như vậy, hộ trì Chánh pháp tức là giữ gìn và phát triển lời dạy Đức Thế Tôn, tích cực đưa lời dạy của Ngài vào đời để góp phần làm vơi bớt nỗi khổ niềm đau của nhân loại.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP ĐỐI VỚI BẢN THÂN VÀ XÃ HỘI

Ở trên đã điểm qua sơ lược, nhưng thiết nghĩ cũng cần giải thích cụ thể hơn về tầm quan trọng của Chánh pháp đối với bản thân và xã hội, giúp

chúng ta có thêm động lực để dốc lòng hộ trì.

Trách nhiệm với bản thân

Nhiều người nghĩ, lời dạy của giáo chủ các tôn giáo là khối giáo điều cứng nhắc, khó hiểu, khắt khe và bắt buộc mọi người tin theo, không được nghi ngờ. Ngược lại, pháp mà Đức Phật dạy chưa bao giờ yêu cầu con người phải tin lời nói của Ngài nếu chưa có sự suy xét, thực hành đưa đến ích lợi cho đời sống. Ngài cũng không yêu cầu con người phải nương nhờ, cầu thỉnh để được che chở, mà phải tự bước đi trên đôi chân của chính mình. Đó là lý do Ngài luôn nhắc nhở: *“Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi”*. Bởi những suy nghĩ, lời nói, hành động sẽ quyết định sự tốt xấu xảy ra trong đời chúng ta. Điều này giúp con người có đủ bản lĩnh, tự làm chủ, chịu trách nhiệm nếu muốn chinh phục mọi thứ bằng tự thân, thay vì phải lệ thuộc van xin một đấng thần linh nào đó. Ví dụ, nếu thực hành những lời dạy về thiếu dục tri túc của Đức Phật, chúng ta

sẽ không bị ngũ dục chi phối, không chạy theo hoàn cảnh vì lòng tham, thay vào đó là một đời sống tràn đầy hạnh phúc bởi sự ít muốn và biết đủ đem lại. Đó là kết quả tất yếu của hành động chân chánh đưa đến. Khi nào con người còn khổ đau thì khi đó Chánh pháp thật sự rất cần thiết.

Trách nhiệm đối với xã hội

Xã hội cần có sự hỗ trợ kết hợp, chúng ta sẽ không thể sống hạnh phúc giữa một xã hội chỉ biết tranh đấu, hơn thua,... Một người bất thiện thì gia đình thêm một nỗi bất an, một gia đình bất an thì xã hội cũng phải chịu sự cộng hưởng. Ngược lại, tăng thêm một người thực hành theo Chánh pháp thì xã hội tiến lên một bước để đạt đến an vui. Nếu không có Chánh pháp để quay về nương tựa, biết bao con người đã rơi vào nẻo tà, làm các việc bất thiện. Cũng đừng nên lo sợ Chánh pháp khó hiểu, khó chứng bởi Đức Phật đã dùng nhiều phương tiện để trình bày và giải thích, phù hợp với tất cả các tầng lớp xã hội. Do đó, nếu mọi người đối đãi với nhau bằng Chánh pháp, sẽ không bao giờ có vấn nạn khổ đau trên đời.

HỆ TRỊ CHÁNH PHÁP TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

Ngày nay, với sự phát triển bùng nổ của công nghệ, Chánh pháp được tỏa rạng khắp năm châu, dễ dàng tiếp cận đến mọi người. Đó là về phần hình thức, nhưng cốt lõi để Chánh pháp tồn tại vẫn đến từ pháp học và pháp hành của người con Phật.

Đối với hàng xuất gia phải thành tựu pháp học lẫn pháp hành

Hệ trị Chánh pháp là trách nhiệm thiêng liêng không thể thiếu đối với Tăng sĩ. Nhưng muốn giữ gìn và phát triển Chánh pháp, chúng ta không thể chỉ nói suông. Vì vậy, hàng Tăng Ni phải có vốn kiến thức Phật pháp chuẩn, nắm vững những lời dạy minh triết của Đức Phật bằng cách học những bài kinh từ thấp đến cao, bao gồm thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức quan, tu tập quan, giải thoát quan... Trong *Tăng Chi Bộ kinh*, Đức Phật cho biết có 05 lý do khiến giáo pháp của Ngài được an trú lâu dài, không bị pha tạp và biến mất: “Ở đây, này các Tỳ kheo, các Tỳ kheo cần trọng trong nghe Pháp, cần trọng học thuộc lòng Pháp, cần trọng thọ trì Pháp, cần

trọng quan sát ý nghĩa các Pháp được thọ trì và cần trọng thực hành Pháp”.

Bên cạnh đó, một vị xuất gia phải khép mình vào giới luật, trang nghiêm tứ oai nghi và thanh tịnh thân khẩu ý. Nghiêm trì Giới tướng tất sẽ thành tựu Giới thể. Giới thể thanh tịnh là điều kiện tiên quyết để dẫn thân vào đời, phục vụ cho đời và làm lợi ích cho người. Giới thể thanh tịnh, Giới đức tự đầy đủ, khả năng cảm hóa lòng người được lâu bền, tạo được niềm tin sâu sắc đối với quần chúng. Xuyên suốt từ thời Đức Phật đến nay, chư vị Tổ sư nhờ thực hành pháp và luật của Đức Phật, nên biết cập nhật và linh hoạt thích ứng với những thay đổi của thời thế để truyền đạo một cách phù hợp, trên tinh thần “khế lý khế cơ”. Nhờ vậy, Chánh pháp mới có thể tồn tại lâu dài. Càng thực hành lời dạy Đức Phật, chúng ta càng có nhiều khả năng bảo vệ Chánh pháp từ cội rễ.

Hệ trị Chánh pháp rất cần hàng cư sĩ trí thức

Ngoài bốn phận hỗ trợ hàng xuất gia về phương tiện tu học, cư sĩ cũng phải tự ý thức về vị trí nòng cốt của mình trong việc hệ trị Chánh pháp. Vì vậy, nắm vững và thực hành Chánh pháp để không bị lạc hướng giữa đời là việc rất nên làm. Hiện nay, có Phật tử đi chùa lâu năm, nhưng vẫn lúng túng phân biệt được đâu là chánh tín, đâu là mê tín. Có lẽ, giới Phật tử ít nhiều cũng biết đến cư sĩ Cấp-cô-độc qua hình ảnh một đại tín chủ hỗ trợ đắc lực cho Tăng đoàn thời Phật tại thế, nhưng ít ai biết ông cũng là một cư sĩ thông suốt Chánh pháp. Bằng chứng là trong những cuộc nói chuyện với ngoại đạo, ông đều trả lời một cách sâu sắc về giáo lý Đức Phật. Chính Đức Phật đã từng tán thán ông trước hội chúng rằng: “Tỳ kheo nào, dù đã được đầy đủ 100 năm an cư mùa mưa trong Pháp và Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo, với sự khéo léo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như gia chủ Anāthapiṇḍika đã khéo léo bác bỏ” [3].

Việt Nam từ khi Phật giáo du nhập đến nay, lúc nào cũng có bóng dáng của cư sĩ, Phật tử giữ gìn và làm rạng danh Phật pháp. Gần đây nhất có các vị cư sĩ trí thức như: Lê Đình Thám, Mai Thọ Truyền, Nguyễn Phúc Ứng Bằng, Đinh Văn Cháp, Trần Đăng Khoa, Tôn Thất Tùng,



Pháp mà Đức Phật dạy chưa bao giờ yêu cầu con người phải tin lời nói của Ngài nếu chưa có sự suy xét, thực hành đưa đến ích lợi cho đời sống. Ngài cũng không yêu cầu con người phải nương nhờ, cầu thỉnh để được che chở, mà phải tự bước đi trên đôi chân của chính mình.

Võ Đình Cường, Tống Hồ Cầm,... Do đó, việc hộ trì Chánh pháp rất cần đến những cư sĩ uyên thâm Phật pháp, chứ không chỉ đơn thuần cúng dường, làm phước, bố thí.

Một người đệ tử Phật nắm vững giáo lý sẽ hiểu được tầm quan trọng của Chánh pháp đối với cuộc đời để dốc lòng bảo vệ Phật pháp, sẵn sàng chống lại những sự xuyên tạc, bóp méo hình ảnh và lý tưởng Phật giáo. Đức Phật đã dạy: *“Này các Tỳ kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn”, vì như vậy “sẽ có hại cho các người”. Lòng ta đau vì cái hại ấy, cho dù chúng ta viện dẫn: “... các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: ‘Như thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng*

tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi” [4].

Tích cực xiển dương Chánh pháp đến với cuộc đời

Ngoài việc tu tập Giới - Định - Tuệ để hướng đến viên mãn phước trí, thành tựu giác ngộ giải thoát cho tự thân, người con Phật phải đặc biệt quan tâm đến sự thịnh suy của Chánh pháp để lợi ích hữu tình. Với hơn 2.600 năm lịch sử, Chánh pháp được chư vị Tổ sư vận dụng trên tinh thần *“tùy duyên bất biến”*, *“phương tiện thiện xảo”*, nhằm thích ứng với thời đại, để đưa con người trở về với nếp sống thiện, khiến xã hội ngày một phồn vinh. Ở nước ta, khi Tổ quốc lâm nguy bởi giặc ngoại xâm, chư Tăng cũng trực tiếp đồng hành cùng dân tộc đứng lên đấu tranh bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Đến khi nước nhà giành độc lập, Phật giáo không chỉ chăm sóc phần hồn cho con người mà còn đóng góp nhiều công sức trong

công cuộc kiến thiết đất nước. Gần đây nhất, đại dịch COVID-19 đã cướp đi biết bao sinh mạng, đứng trước tình trạng đó, với trái tim thấm đẫm lòng từ bi của người con Phật, không ít Tăng Ni, cư sĩ Phật tử đã tình nguyện xung phong vào tuyến đầu chống dịch bằng những việc làm đầy ý nghĩa như: Bữa cơm yêu thương trong vùng tâm dịch, hỗ trợ an táng những người qua đời, siêu thị không đồng, ATM oxy tại các cơ sở thờ tự,... Qua đó, đem bàn tay nhỏ bé của mình xoa dịu phần nào nỗi khổ đau của đồng loại. Đó chính là những hành động thiết thực xiển dương Chánh pháp.

Việc xiển dương Chánh pháp không phải để thu hút tín đồ, gia tăng Phật tử mà là bốn hoài của chư Phật, nhằm đem Chánh pháp làm lợi lạc quần sanh. Mặt khác, xiển dương Chánh pháp bằng nhiều hình thức như vậy cũng là một cách hộ trì Chánh pháp rất thực tiễn, đem Chánh pháp gần hơn đến con người, giúp xã hội thấy rõ lợi ích của lời Phật dạy. Chính sự hộ trì tâm mình bằng Chánh pháp sẽ là nòng cốt để phát triển Phật pháp.

HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP LÀ HỘ TRÌ TÂM MINH

Trong nhiều nỗ lực để giữ gìn Chánh pháp không bị suy giảm, việc ứng dụng Chánh pháp vào cuộc sống cá nhân để an lạc giữa đời có vai trò quan trọng. Điều đó giúp cho Chánh pháp hưng thịnh hơn là hộ trì bằng hình thức bên ngoài. Bởi Chánh pháp sẽ tồn tại và tăng trưởng nếu được con người hành trì như lời Đức Phật dạy: *“Này Ananda, nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các người phải học tập như vậy”* [5].

Đức Phật luôn nhấn mạnh sự nỗ lực của tự thân tu tập Chánh pháp, bằng cách này ta mới có sự hạnh phúc an lạc, thư thái tâm hồn, không sầu não bất an, đó là sự hộ trì giá trị và cao quý nhất, chứ không phải bá lợi hay cúng dường hình thức bề ngoài. Chính sự an lạc hạnh phúc của thế giới nhân sinh là cốt lõi làm cho Chánh

pháp hưng thịnh. Khi tâm bình an, không còn phiền não, ta đối diện và ứng xử với mọi người bằng tình yêu thương, vô ngã, vị tha, không hơn thua, tranh đấu. Từ một người thực hành Chánh pháp với năng lượng bình an nơi tâm sẽ tiếp tục lan tỏa đến gia đình và xã hội; về lâu dài sẽ hình thành nên nhân cách con người theo Chánh pháp, là căn bản đưa đến đời sống hạnh phúc, xã hội hòa bình, văn minh.

Cứ như vậy, con người liên tục hộ trì Chánh pháp tức là hộ trì tâm của mình để hóa giải tâm tham lam, ganh đua thì cuộc đời này chẳng còn những bất an, chiến tranh, phân biệt đối xử... Thay vào đó là trái tim tràn đầy tình thương và hiểu biết để xây dựng một xã hội lý tưởng tốt đẹp. Hiểu được như vậy, mỗi người hãy tự nhắc nhở bản thân liên tục sống với Chánh pháp như lời Đức Phật đã dạy:

*“Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Chánh pháp”* [6].

Tóm lại, dù trong thời đại nào, con người còn khổ đau thì khi đó Chánh pháp vẫn có giá trị trên cuộc đời. Bởi Chánh pháp mang tính thực tiễn và rất gần gũi với đời sống thường nhật, giúp con người luôn có thái độ sống đúng và hành động đúng mà không lệ thuộc vào bất cứ tha lực nào khác. Tầm quan trọng của Chánh pháp là vậy, nhưng nếu không được hộ trì bởi bốn chúng đệ tử của Đức Phật, chắc chắn rằng sẽ có ngày sẽ bị quên lãng. Chính sự thực hành, giữ gìn, truyền thọ giữa bốn chúng từ thế hệ này sang thế hệ khác, không đứt đoạn, sẽ giúp Chánh pháp trụ vững và phát triển với thời gian. Do đó hộ trì Chánh pháp luôn là việc làm thiết yếu của người con Phật.

Chú thích:

- [1] Thích Minh Châu (1991), *Kinh Trường Bộ 1, kinh Đại Bát Niết bàn*, VNCPHVN, TP. HCM, tr.574.
- [2] Thích Quảng Độ dịch (2014), *Phật Quang Đại từ điển*, Nxb. Phương Đông, TP. HCM, tr.1057.
- [3] Thích Minh Châu (2016), *Kinh Tăng Chi bộ*, tập II, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, tr.663-666.
- [4] Thích Minh Châu (1991), *Kinh Trường Bộ 1, kinh Phạm Võng*, VNCPHVN, TP. HCM, tr.14.
- [5] Thích Minh Châu (1991), *Kinh Trường Bộ 1, kinh Đại Bát Niết bàn*, VNCPHVN, TP. HCM, tr.640.
- [6] Kinh Pháp Cú 297.

Tìm hiểu về DUYÊN KHỞI trong Kinh tạng Nikaya

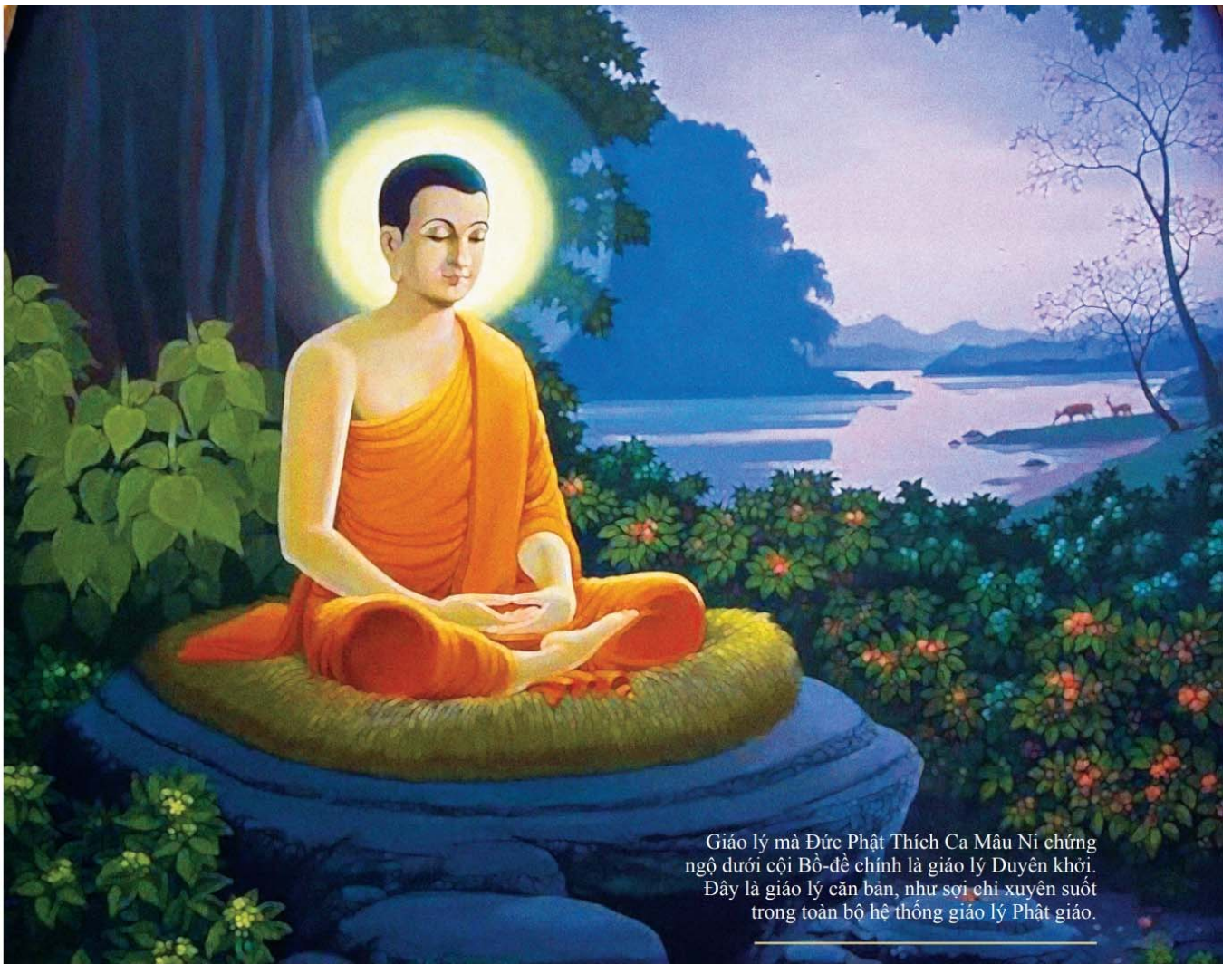


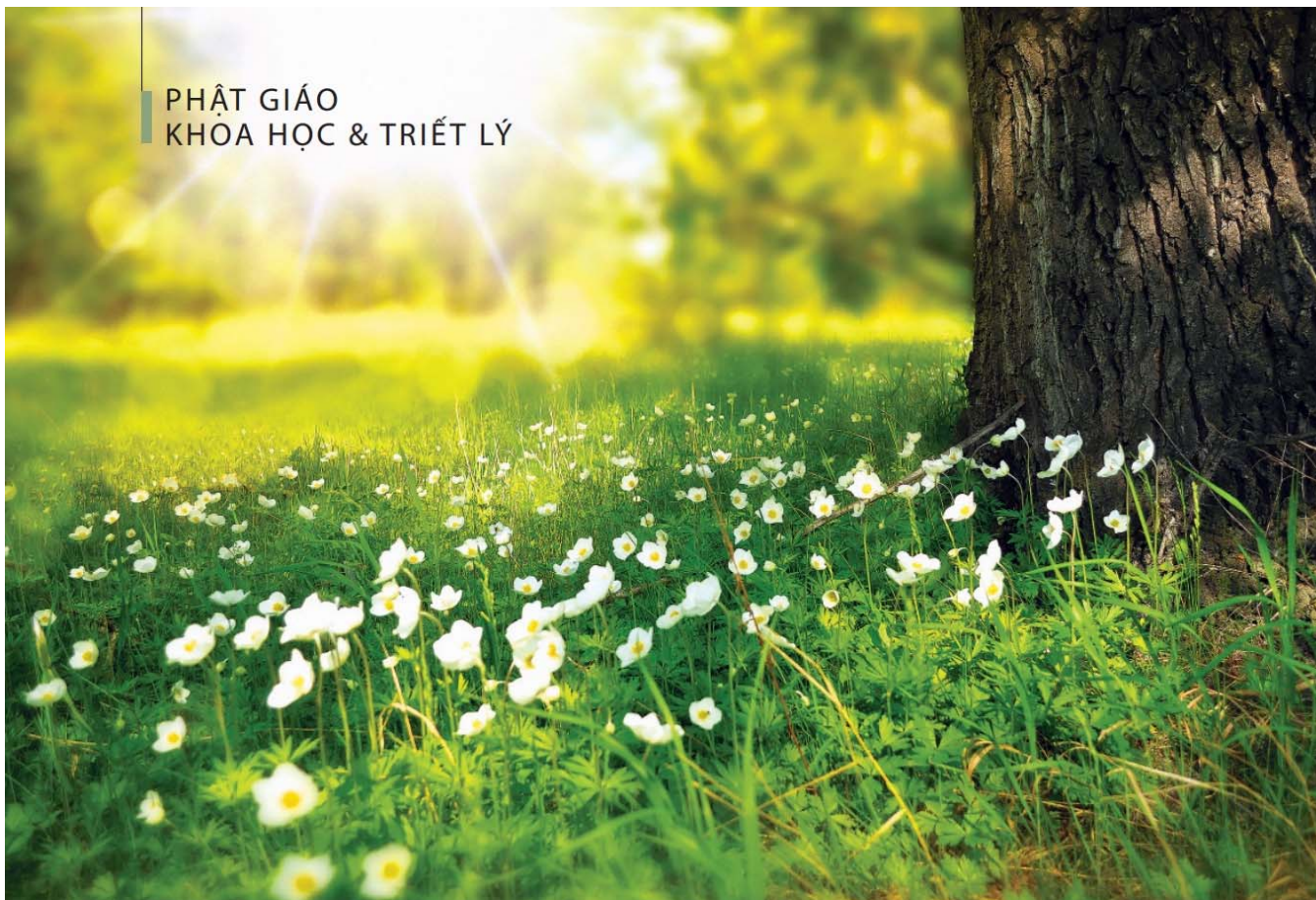
TKN. Nhuận Thức

DẪN NHẬP

Vào thời Đức Phật, xã hội Ấn Độ rất nhiều học thuyết ra đời, mỗi học thuyết là một quan điểm chủ trương. Con người là nạn nhân của các học thuyết đương thời, chủ trương nào cũng nêu cao tính tự ngã của mình, giáo lý mình là cao siêu. Vì vậy, con người rơi vào tình trạng khủng hoảng tinh thần bởi các học thuyết triết lý. Đạo Phật ra đời đã giải quyết những vấn đề trên. Giáo lý mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chứng ngộ dưới cội Bồ-đề chính là giáo lý Duyên khởi. Đây là giáo lý căn bản, như sợi chỉ xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống giáo lý Phật giáo.

Con người vì tham lam cho nên bị ái dục chi phối, khiến cho cuộc sống của chúng ta cứ chạy tìm cầu mọi thứ, để thỏa mãn sự hưởng thụ trong dục lạc. Cho nên, chúng ta bị ái dục chi phối và nhấn chìm trong sanh tử luân hồi. *“Này Ananda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la) không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử”* [1]. Vì thế, việc học và hiểu về giáo lý Duyên khởi giúp tháo gỡ những vướng mắc và nhận thức sai lầm từ trước đến nay. Đồng thời, giúp hành giả hiểu được bản chất của sự vật hiện tượng từ đó có sự tư duy và hành động đúng đắn. Vì vậy, giáo lý Duyên khởi rất quan trọng, giúp chúng ta xa lìa các dục thành tựu an lạc giải thoát ngay nơi đời sống hiện tại này.





“Khổ do tự mình làm ra”, như vậy có nghĩa là thường kiến. “Khổ do người khác làm ra”, như vậy có nghĩa là đoạn kiến. Đây Kassapa, từ bỏ hai cực đoạn ấy, Như Lai thuyết pháp theo con đường trung đạo.”

NGUYÊN LÝ DUYÊN KHÔI

Duyên khởi theo ngôn ngữ Pāli là *paṭiccasamuppāda*, trong đó *Paṭicca* là duyên; *Samuppāda* là khởi lên; *paṭiccasamuppāda* là Duyên khởi nghĩa là một pháp khởi lên khi nó tiếp nhận một điều kiện. Nguyên lý Duyên khởi là trình bày mối tương quan giữa nhân và quả để phát sinh một sự vật. Nguyên lý này được giải thích trong hai câu: “*Imasmiṃ sati idaṃ hoti, imasuppāda idaṃ uppajjati*; *Imasmiṃ asati idaṃ na hoti, imassa nirodhā idaṃ nirujjhati*” có nghĩa là “*Khi cái này có thì cái kia có, do cái này sanh thì cái kia sanh. Khi cái này không thì cái kia không, do cái này diệt thì cái kia diệt*”. Hai câu này mô tả Duyên khởi tức là pháp trụ và pháp vị về sự sinh tồn

của vạn vật trên thế gian. Định lý “*Khi cái này có thì cái kia có, do cái này sanh thì cái kia sanh*” nghĩa là nó có mặt, do tương quan mà tồn tại, phải có nắm bắt, phải có tiếp nhận yếu tố mà sinh ra gọi là pháp trụ. Định lý thứ hai, mô tả tính tất yếu của nhân và quả trong mối tương quan theo ngôn ngữ chuyên môn gọi là pháp vị, là giới hạn, là quỹ đạo, là hạn chế của các pháp “*Khi cái này không thì cái kia không, do cái này diệt thì cái kia diệt*”.

Có rất nhiều vị ngoại đạo đến hỏi Đức Phật về những vấn đề mà họ cho rằng có một “*cái gì sinh ra?*”, có một chủ thể sinh ra “*ai sinh ra?*”, “*con người do ai sinh ra?*”. Khi nói, cái này sinh ra cái này là chấp có một chủ thể đi đến

chỗ không xác định, đây được gọi là nghịch suy vô tận. Đi tới tận cùng cũng không tìm ra được cái gì sinh ra cái gì. Nếu nói tôi do cha mẹ sinh ra, cha mẹ do ông bà nội, ngoại sinh ra và truy cho đến cuối cùng thượng đế. Vậy, Thượng đế do ai sanh ra? Thượng đế không ai sinh ra thì vô nhân, nghĩa là họ phủ nhận nhân quả đi tới chỗ hư vô chủ nghĩa, mắc vào hai cực đoạn thường hằng và đoạn kiến. Vì vậy, những câu hỏi như vậy, Đức Phật không trả lời vì câu hỏi không hợp lý. “*Bạch Thế Tôn, ai cảm thọ? Câu hỏi không thích hợp Như Lai không trả lời. Nhưng nếu hỏi: Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thọ sinh khởi? Do duyên xúc, thọ sanh khởi; do duyên thọ, ái sanh khởi*” [2]. Tất cả các pháp đều tiếp nhận các

yếu tố tạo thành một hợp thể mà sanh ra. Chúng ta thường thắc mắc con gà sinh ra quả trứng hay trứng sinh ra con gà? Chúng ta không thể trả lời những câu hỏi như thế, vì nó vòng vòng không có lối thoát. Nhưng nếu đặt câu hỏi, trong điều kiện nào cái trứng sanh ra con gà? Trong điều kiện có sự thụ tinh, khí hậu, nhiệt độ, thời gian vừa đủ, thì quả trứng nở ra một chú gà con.

Bản thân con người khi ngũ uẩn tiếp nhận một yếu tố, một điều kiện thì ngũ uẩn sẽ phát sinh ra một hiện tượng. Cho nên, cái mà tiếp nhận một yếu tố được gọi là ngũ uẩn. Cái sanh ra, cái được sanh ra khi nó có sự tiếp xúc với nhau cái đó gọi là ngũ thủ uẩn. Ngũ uẩn không tạo ra một cái gì cả. Hai định lý trên, nói lên tính chất đồng thời và tất yếu của Duyên khởi.

GIÁO LÝ DUYÊN KHỞI THEO CHUỖI MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Giáo lý Duyên khởi bắt di bắt dịch, không thay đổi theo thời gian và không gian. Lý Duyên khởi vận hành từ khi có chúng hữu tình xuất hiện có mặt trên thế gian. Tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai từ giáo lý Duyên khởi mà giác ngộ thành tựu quả vị giải thoát Niết bàn.

Khi nói đến Duyên khởi, chúng ta liên hệ đến thập nhị nhân duyên. Khi nói “*Vô minh duyên hành*” tức do tiếp nhận điều kiện vô minh mà sinh ra hành, chữ “*Duyên*” là điều kiện. Trong kinh Đức Phật định nghĩa như sau: “*Vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên*

xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi” [3]. Tương tự, Đức Phật thuyết nhân duyên theo vòng sinh và diệt “*do lý tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt...*” [4]. Khi mười hai nhân duyên sanh khởi đồng nghĩa với việc toàn bộ khổ uẩn sanh khởi. Mười hai nhân duyên đoạn diệt thì khổ uẩn cũng đoạn diệt. Đó chính là Duyên khởi, sự có mặt của cái này kéo theo sự có mặt của cái khác và sự mất đi của cái này cũng khiến cho cái khác mất đi. Từ đó, chúng ta đặt một vấn đề, ai nắm bắt và điều kiện đó là điều kiện gì? Nó khởi lên khi nắm bắt một điều kiện, cái mà nó tiếp nhận điều kiện đó chính là ngũ uẩn và điều kiện đó là mười hai chi phần trong giáo lý nhân duyên.

Vô minh (Avijjā)

Vô minh là không hiểu Tứ đế, không biết được nhân của khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ “*không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến Khổ diệt. Đây gọi là Vô minh*” [5]. Cũng như, trên dòng chảy tương tục của nghiệp thức chúng ta lấy một hiện tượng giả danh biểu hiện của nghiệp thức và xem đó là ngã của mình gọi là Vô minh. Thí như, đại dương rộng lớn, sóng biển nổi lên, chúng ta thấy sóng của biển và gọi sóng đó là biển. Như vậy, gọi là Vô minh. **Hành (Sankhāra):** Hành gồm có “*thân hành, khẩu hành và ý hành*” [6]. Hành còn gọi là nghiệp, gồm có phước nghiệp, phi phước nghiệp và bất động nghiệp.

Thức (Vīṇāṇa): Gồm có sáu thức thân này: “*Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức*” [7]. Thức còn gọi là nghiệp thức tức là tích lũy của nghiệp để lại.

Danh sắc (Nāma-rūpa): Gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Trong đó, sắc thuộc tâm, danh thuộc thọ, tưởng, hành, thức từ đó hình thành nên sự sống.

Lục nhập (Chabbithāna): Gồm sáu nội xứ (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn) và sáu ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần).

Xúc (Phassa): Là hợp thể gồm có sáu căn, sáu trần và sáu thức tạo thành mười tám yếu tố nhận thức để thức khởi lên.

Thọ (Venada): Thọ là cảm thọ, cảm xúc khả năng nhận biết đối tượng. Bao gồm sáu cảm thọ: “*Thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh gọi là thọ*” [8].

Ái (Tanhā): Là tham ái, tham dục gồm “*sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái; hay dục ái, sắc ái và vô sắc ái*” [9].

Thủ (Upādāna): Là nắm, giữ, là một hành động truy bắt đối tượng. Thủ gồm có bốn thủ: “*Dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ và ngã luận thủ*” [10].

Hữu (Bhava): Là một hợp năng lượng do nghiệp để lại kết thành đời sống trong tương lai “*dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu gọi là hữu*” [11].

Sanh (Jāti): “*Cái gì thuộc các loài chúng sanh bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, xuất hiện các uẩn, thành tựu các xứ thì gọi là sanh*” [12].

Lão tử (Jarāmarana): “*Cái gì thuộc các loài chúng sanh này*

hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi tàn lụn, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc các loài chúng sanh bị từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ, từ vong. Đây gọi là chết” [13].

Phân tích chi phần của 12 nhân duyên, chúng đều là nhân và quả liên tục phát sinh cho nhau có điều kiện. Vì có điều kiện của vô minh mà hành có mặt, hay có điều kiện tham ái mà sanh ra nắm giữ, do nắm giữ mà tích tụ thành năng lực gọi là hữu, sức mạnh của hữu khiến một chúng sanh có mặt, kéo theo bao hệ lụy của khổ đau chính là già, bệnh và chết. Như vậy nó cứ tiếp tục nối tiếp không ngừng nghỉ. Hành giả không muốn cuốn theo vòng nhân duyên này thì không tạo cho nguyên nhân khổ đau có điều kiện phát sanh, nghĩa là chấm dứt nguyên nhân của khổ đau cốt lõi chính là tham ái và vô minh.

Trong giáo lý mười hai nhân duyên, Đức Phật nhấn mạnh đến vai trò của vô minh, hành và ái, thủ, hữu xem đó là cái nhân và nhân này làm nên đời sống luân hồi, chứ không phải là nhân sanh ra một pháp. Đức Phật không dạy cái này sanh ra cái khác, cũng không phải nhân sanh ra cái khác. Ngài dạy, trong điều kiện này sẽ sanh ra một pháp. Ái, thủ, hữu là điều kiện nhân mà nó hình thành nên đời sống mới. Đây là phần giáo lý quan trọng trong Duyên khởi, đức Phật thuyết giảng về giáo lý này nhằm đưa con người hướng đến tuệ giác, biết rõ đâu là nguyên nhân dẫn đến sự hiện hữu khổ đau của

chính mình và đâu là phương pháp loại trừ những lậu hoặc để đưa đến sự an lạc, Niết bàn.

TÍNH CHẤT CỦA DUYÊN KHỞI

Do Duyên khởi mà sự vật hiện tượng tồn tại và phát triển có mối liên hệ với nhau, hỗ tương cho nhau. Nghĩa là các pháp nương tựa nhau cùng tồn tại gọi là y tha tánh. Chúng không tồn tại độc lập, không có một chủ thể nào là cố định và nắm giữ, chỉ cần có một điều kiện mới xuất hiện thì chúng sẽ biến đổi trạng thái ban đầu. Cho nên, hệ quả tất yếu của Duyên khởi chính là vô ngã, không một cái ta nắm giữ, cố định, vì không có cố định nên chúng biến đổi vô thường, sanh diệt liên tục.

Cho nên, tính chất đồng thời và tất yếu nêu lên đặc tính cốt lõi của Duyên khởi là vô thường và vô ngã. Vô ngã là không đứng trên cái biên nào để mô tả nhân quả. Ngược lại, dựa trên sự biến đổi của hợp thể khi tiếp nhận yếu tố để mô tả nhân quả. Tất cả các pháp hiện hữu trên thế gian, tự nó không có một chủ thể, tự nó không sanh ra, nó có mặt là nhờ sự tập hợp các yếu tố hình thành một tập thể được gọi là hữu vi pháp (*sankkhāra*). Con người là một hợp thể của ngũ uẩn (*kkhamdā*) bao gồm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì vậy gọi là vô ngã.

Trung đạo được trình bày qua cuộc vấn đáp của Đức Phật và Kassapa như sau: “*Khổ do tự mình làm ra*”, như vậy có nghĩa là thường kiến. “*Khổ do người khác làm ra*”, như vậy có nghĩa là đoạn kiến. *Này Kassapa, từ bỏ hai cực đoạn ấy, Như Lai thuyết*

pháp theo con đường trung đạo” [14]. Đoạn diệt luận tức là phủ nhận trách nhiệm của hành động không đưa đến kết quả. Ví dụ, cho rằng mình là ác nhưng mình không chịu quả ác. Ngược lại, cho rằng một người làm và một người khác chịu kết quả. Đó là phủ nhận nhân quả. Thường hằng luận, cho rằng nghiệp không thay đổi trần cảnh, sự vật thế nào thì nó như thế ấy. Bạn là phạm phu thì cho dù bạn có nỗ lực tu như thế nào cũng chỉ là phạm phu. Đức Phật đã vượt ra ngoài hai chủ trương trên. Đây chính là con đường Trung đạo qua giáo lý Duyên khởi của Đạo Phật.

Ngoài ra, chúng ta thấy pháp Duyên khởi có tính ứng thời hay còn gọi là tính thường trú. Vì trong quá khứ các pháp do duyên mà khởi, ở hiện tại các pháp do duyên mà khởi và vị lai các pháp cũng do duyên mà khởi. Sự vật hiện tượng đều cần duyên mà sinh khởi và sự vật hiện tượng kia cũng cần có duyên mới sinh ra. Trong Kinh Tương ưng nhân duyên cũng có trình bày chư Phật ở quá khứ như *Vipassī*, *Sikhī*, *Vessābhū*, *Kakusandha*, *Konāgamana*, *Kassapa* và Phật Thích Ca Mâu Ni (*Sakya Muni*) đã chiêm nghiệm quán xét về giáo lý Duyên khởi mà chứng ngộ và thành tựu giải thoát: “*Rồi này các Tỷ kheo, Bồ tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: Do cái gì không có mặt nên thức không có mặt? Do cái gì diệt nên thức diệt? Rồi này các Tỷ kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: Do hành không có mặt nên thức không có mặt. Do hành diệt nên thức diệt” [15].* Các chi phần khác cũng như vậy.



“Này Ananda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la) không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử”.

Do vậy, ai muốn thành tựu đạo quả Bồ đề không thể không quán sát giáo lý Duyên khởi. Vì pháp Duyên khởi ở quá khứ đã tồn tại và diễn ra như thế nào thì hiện tại và vị lai chúng cũng sẽ tồn tại và diễn ra như thế ấy. Ở đây, chúng ta có thể dùng từ Tathāta, nghĩa là Như Lai, cho nên mới có câu: “Ai thấy pháp người ấy thấy Như Lai, ai thấy Như Lai người ấy thấy Pháp” [16]. Như vậy, giáo lý Duyên khởi là giác ngộ tối thượng, ai nắm bắt được người đó an trú vào chân như giác tánh.

ỨNG DỤNG GIÁO LÝ DUYÊN KHỞI TRONG ĐỜI SỐNG TU TẬP

Trong cuộc sống, đa phần con người chúng ta khổ nhiều hơn vui, hạnh phúc thì ít mà khổ đau quá nhiều. Chúng ta gặp nhau thường có câu chúc nhau rằng “Chúc vạn sự như ý” trong lời chúc này nói lên điều gì? Trong công việc, cuộc sống hôn nhân gia đình, con cái, ngoài xã hội, chúng ta gặp quá nhiều điều bất như ý làm khổ đau bất cứ người nào giàu hay nghèo, lành lặn hay tật nguyền,...

Nên trong tâm thức, chúng ta chỉ cầu mong điều như ý đến với tất cả mọi người. Tất cả chúng ta có mối liên kết với nhau, chúng ta sống trong một tập thể xã hội không chỉ riêng mình. Vì vậy, khổ đau hay hạnh phúc của chúng ta có sự tương quan giữa mình và người, mình hạnh phúc thì người cũng hạnh phúc. Chúng ta thử đặt câu hỏi, tại sao chúng ta khổ đau? Do cái gì chúng ta khổ đau? Giáo lý Duyên khởi dạy chúng ta điều này, mười hai nhân duyên là một chuỗi luân hồi sanh tử, sanh rồi tử, tử rồi sanh, cứ xoay vòng như thế, chúng ta theo đó mà chịu khổ, không có ý thức tức nghiệp lực lôi cuốn trong vòng sanh tử. Đức Phật thấy rõ con đường luân chuyển đó, Ngài đã chứng ngộ và khai thị cho chúng sanh.

Sự vận hành của Duyên khởi được phân chia như sau: Nhân quá khứ (vô minh, hành) - quả hiện tại (thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ) và nhân hiện tại (ái, thủ, hữu) cho ra quả tương lai (sanh, lão, tử). Đức Phật nhấn mạnh tới vai trò của vô minh, hành và ái,

thủ, hữu là nhân làm nên đời sống luân hồi. Ở đây, người viết chỉ nói đến nhân hiện tại tức là chỉ ái làm nguyên nhân khiến chúng ta đau khổ, từ nơi ái sanh ra thủ, hữu tạo ra một chuỗi hệ lụy. Nhân nơi tham ái mà đi tìm kiếm, nắm giữ, hưởng thụ, sanh ra ham muốn và chấp thủ muốn sở hữu kết thành một chuỗi khổ đau.

Qua đây, chúng ta sẽ thấy được ai nắm bắt và điều kiện đó là gì? Khi thân ngũ uẩn tiếp nhận một điều kiện ái sanh ra thủ tức nắm giữ từ đó hiện hành tức là hữu. Ái hiện hành trong cái thân ngũ uẩn hễ có điều kiện là nó sanh khởi. Khi mắt thấy sắc, tiếp nhận một đối tượng, đối tượng đó cho mình cảm giác lạc thọ hoặc khổ thọ, nếu là lạc thọ tức là mình ưa thích, từ đó khởi lên hành động truy tìm ngay đây chính là ái. Khi biết đối tượng đó cho mình lạc thọ, khả ái mình chạy theo muốn bắt lấy, nắm giữ nó gọi là thủ và thủ là hạt giống kết thành đời sống mới trong tương lai chính là hữu tức là năng lượng của thủ để lại. Tuy nhiên, khi nói ái là

nguyên nhân sanh ra các tham muốn dục lạc, chúng ta không thể bỏ qua các chi phần của quả hiện tại. Bởi chúng có một mối tương quan tương duyên mà tạo thành. Do căn tiếp xúc với ngoại trần, từ sự tiếp xúc đó sanh ra cảm thọ ưa thích ái sanh khởi. Ái vận hành qua sáu giác quan, thích nghe những lời nói êm dịu nơi nhĩ căn, ái nơi mắt, ái nơi mũi, ái nơi lưỡi, ái nơi thân và ái trong ý nghĩ. Khi thân ngũ uẩn tiếp nhận điều kiện ái từ đó nó thay đổi tạo thành ngũ thủ uẩn sanh ra khổ đau.

Người thế gian tìm kiếm hạnh phúc mà chạy theo dục lạc. Còn người xuất gia, chọn cho mình con đường đi khác, tìm kiếm hạnh phúc bên trong của chính mình. Người xuất gia biết rõ sự nguy hiểm của cái bị sanh, già, bệnh, chết nên đi tìm cái không sanh, không diệt. Khi chúng ta hiểu rõ giáo lý Duyên khởi làm việc gì chúng ta cũng không bị những tham ái làm khổ đau. Thân hình chúng ta là do các uẩn hợp lại mà tạo thành, rồi sẽ hư hoại dẫn đến những biến hoại, xấu xí, bệnh tật. Để tâm không bị tham đắm, dính mắc theo ngoại cảnh, chúng ta phải luôn sống với chánh niệm, tỉnh giác. Để loại trừ ái ra khỏi tâm thức, lấy giới để phòng hộ căn môn, dùng giới để loại trừ, khi mất thấy sắc tâm không nắm lấy tướng chung không nắm lấy tướng riêng. Từ đó, định phát sanh, chánh niệm tỉnh giác luôn luôn có mặt, phát triển quan sát tức là tuệ, dùng trí để nhận biết hể cái gì khởi lên chúng ta nhận biết và loại bỏ. Khi căn tiếp xúc với trần cảnh chúng ta không phân biệt, không nắm giữ, không lưu dấu đối tượng vào trong tâm mình.

Chỉ nhận biết nó đang là “*Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri*” [17]. Khi thấy một đối tượng, chúng ta không có sự phân biệt, không khởi lên ý nghĩ nắm giữ. Từ đó không bị những cảm xúc làm cho khổ đau, không bị dính mắc trong tham dục, sống an lạc hạnh phúc. Hạnh phúc ở xung quanh chúng ta chỉ cần chúng ta nhận ra nó, sống với nó thì nó luôn có mặt.

Tóm lại, giáo lý Duyên khởi là một chuỗi vận hành sanh diệt, dù muốn dù không thì nó vẫn hiện hành như vậy. Khi chúng ta thấy rõ sự vận hành của nó chúng ta không dính mắc, không còn tâm ý muốn nắm giữ thì chúng ta không còn khổ đau. Khi ngũ uẩn tiếp nhận một điều kiện thì ngũ uẩn đó bị thay đổi, chúng ta sống tùy thuận vào sự thay đổi đó. Thân ngũ uẩn là một pháp, bởi nó vô thường, vô ngã nên nó thay đổi liên tục trong từng sát na sanh diệt. Hiểu được giáo lý Duyên khởi giúp cho chúng ta nhận thức được sự sinh khởi và đoạn diệt của các pháp để thiết lập cho mình đời sống an lạc hạnh phúc. Giáo lý Duyên khởi giúp cho bản thân có một phương pháp vừa học vừa tu, tức là vừa có pháp học và pháp hành. Đa số chúng ta đều nặng về nghiệp ái, bởi chúng ta từ nơi nghiệp ái mà sanh ra cõi dục. Vì vậy, chúng ta bắt đầu nơi ái làm điều kiện để tu tập, diệt trừ nơi ái, thủ, hữu theo đó mà không còn. Giáo lý Duyên khởi dẫn đường cho chúng ta tìm về ánh sáng, như người mù thấy

được ánh sáng, như người khát gặp được nước. Giúp chúng ta thoát khỏi những khổ đau luân hồi “*Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc*”.

Tác giả mong rằng bài viết này sẽ giúp ích cho chính bản thân mình cũng như những người bạn đồng tu có thêm kiến thức và định hướng cho mình một con đường đi đúng đắn. Khi có con đường đi rồi thì sẽ giúp cho chúng ta có suy nghĩ đúng đưa đến hành động đúng sẽ thành tựu được mục đích cuối cùng. Mong cho tất cả chúng ta tìm được niềm vui, niềm hạnh phúc sống trong giới thể của Tăng già.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Thích Minh Châu (dịch) (2012), *Trường Bộ kinh, (Số 15, kinh Đại Duyên)*, Nxb. Tôn giáo, tr.263.
- [2] Thích Minh Châu (dịch) (2012), *kinh Tương Ưng Bộ, tập II, (chương I, Tương ưng nhân duyên)*, Nxb. Tôn giáo, tr.383.
- [3] *Sđđ*, tr.371.
- [4] *Sđđ*, tr.371.
- [5] *Sđđ*, tr.373.
- [6] *Sđđ*, tr.373.
- [7] *Sđđ*, tr.373.
- [8] *Sđđ*, tr.373.
- [9] *Sđđ*, tr.373.
- [10] *Sđđ*, tr.373.
- [11] *Sđđ*, tr.373.
- [12] *Sđđ*, tr.372.
- [13] *Sđđ*, tr.372.
- [14] *Sđđ*, tr.389.
- [15] *Tương Ưng Bộ kinh, Tương Ưng Nhân Duyên, Vipassi*
- [16] Thích Minh Châu dịch (1991), *kinh Tương Ưng Uẩn 3, phẩm Trưởng lão*, VNCPHVN ấn hành, tr. 219.
- [17] *Tiểu bộ kinh I, kinh Phật Thuyết*, tr.115.

ÁNH MẮT TỎA NIỆM TIN

Lê Đức Đồng

Giữa bộn bề cuộc sống
Chốn dòng đời ngược xuôi
Niềm tin luôn lan tỏa
Trong veo ánh mắt cười...

Ta tự tin tâm mình
Lặng thầm bao việc nghĩa.
Ta tự biết lòng mình
Hiểu tiếng đời thâm thía...

Khi gieo điều nhân ái
Ta gặt vạn niềm vui !
Khi gieo lời yêu mến
Ta giàu thêm tiếng cười...
Khi gieo mầm thiện nguyện
Tự tâm mình thành thơi !
Tự tâm mình hạnh phúc
Bình yên trong cõi đời...

Khi từ bi, hỉ xả
Cho, ta nhận rất nhiều !
Nhận cõi lòng thanh thân
Nhận ngọt lành thương yêu...

Hãy tin vào nhân quả
“Ở hiền thì gặp lành”
Hãy tin vào cuộc sống
Tỏa suốt mùa sắc xanh...



MỘT CÔI ĐI VỀ

Thạch Đờ Ni

Tôi về vấp nắng sân chùa
Tiếng chuông chiều mỏng rớt vừa nắng phai
Gió lửa thốt nốt lắt lay
Bỏ câu cánh trắng lượn bay tìm về.

Tiếng kinh vang vọng làng quê
Ru người tìm nẻo đường về bình yên
Hoàng hôn rụng sợi nắng nghiêng
Hồn tôi gánh cả một miền ăn năn.

Rong rêu phủ kín thời gian
Tìm về lòng thấy bằng hoàng chiêm bao
Gió đưa qua ngõ lao xao
Ngập ngừng ngọn tháp lửa vào hiên xưa.

Đời người qua mấy nắng mưa
Về bên Tam bảo đời vừa sang trang
Ta bà mấy nẻo thế gian
Từ bi là lối Niết bàn không xa.

Tôi về vấp nắng chiều tà
Tĩnh tâm chợt nhớ sát na là mình.





HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút hoặc
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonlinetv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

quangminh

CANDLE



THƯƠNG
HIỆU
NẾN

ĐƯỢC
YÊU
THÍCH
NHẤT



quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715



Hotline CSKH

0903 955 018

www.quangminhcandle.vn





Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

